ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG

**TRƯỜNG TIỂU HỌC THÔNG BÌNH 1**

|  |
| --- |
|  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC**

**VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**TỔ KHỐI 4**

**NĂM HỌC 2022- 2023**

**Tân Hồng, tháng 10 năm 2022**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC THÔNG BÌNH 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ 4 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tân Hồng, ngày 18 tháng 10 năm 2022*

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**KHỐI LỚP 4**

NĂM HỌC 2022 – 2023

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-THTB1 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Trường Tiểu học Thông Bình 1 thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Căn cứ Kế hoạch số 184 /KH-THTB1 ngày 17 tháng 10 năm 2022 Trường Tiểu học Thông Bình 1 về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2022-2023

- Căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế của giáo viên và học sinh; Tổ khối 4 xây dựng kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục các môn học năm học 2022 - 2023, cụ thể như sau:

**II. Điều kiện thực hiện môn học, hoạt động giáo dục**

**1.** **Đội ngũ giáo viên**

- Tổng số giáo viên: 6/4 nữ

- Đa số giáo viên của tổ chuyên môn tổ 4 là những giáo viên nhiệt tình, năng động, sáng tạo, luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, trong xây dựng thiết kế bài dạy, luôn đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đa số GV có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng trong tổ chức thao giảng, sinh hoạt chuyên môn cũng như trong việc góp ý, xây dựng tiết dạy đúng yêu cầu. Đảm bảo đủ về số lượng 4 GVCN/ 4 lớp và 2 GVBM (Anh Văn, Tin Học). Đạt chuẩn về trình độ theo quy định ĐHSP 6 giáo viên.

- Các thành viên trao đổi đóng góp ý kiến xây dựng tiết dạy sôi nổi đều mang tính thực tiễn trong quá trình giảng dạy tại lớp mình, có những ý kiến chia sẻ kinh nghiệm hay, thực hiện có hiệu quả. Từ đó rút ra được nhiều kinh nghiệm bổ ích, nhiều bài học hay trên cơ sở đó làm tư liệu quý báo phục vụ cho việc thiết kế bài dạy và dạy học.

**2.** **Nguồn học liệu thiết bị dạy học**

- Nhà trường có đủ số phòng học, đảm bảo mỗi lớp/1 phòng, giảng dạy 2 buổi/ngày 100%.

- Thiết bị dạy học được trang bị, bổ sung cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Ngoài ra GV tích cực tự làm ĐDDH, tham gia nghiên cứu tài liệu chuyên môn, tham khảo các nguồn học liệu để tổ chức dạy học hiệu quả như: Tài liệu tập huấn của BGDĐT;…

**3. Nội dung giáo dục địa phương, giáo dục ATGT,…**

Giáo viên luôn thực hiện các nội dung giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông theo các tài liệu hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp và Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng, các nội dung này đã được tổ chuyên môn bàn bạc, thống nhất trong các buổi sinh hoạt chuyên môn,…

- Năm học 2022-2023 chuyên môn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận CT GDPT 2018; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục ATGT,…rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh.

- Thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 1328/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 15 tháng 10 năm 2018.

**4. Đối tượng học sinh, điều kiện địa phương**

Đa số học sinh đều chăm ngoan, năng động, tích cực học tập và rèn luyện. Cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc huy động, duy trì sĩ số học sinh, cùng nhà trường giáo dục, đánh giá các em, hỗ trợ cơ sở vật chất,… Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, của Ban đại diện CMHS,…

**5. Năm học 2022-2023 chuyên môn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm**

- Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận CT GDPT 2018; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh;

- Thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 1328/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 15 tháng 10 năm 2018.

**III. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:**

1. Kế hoạch dạy học môn Tiếng việt

2. Kế hoạch dạy học môn Toán

3. Kế hoạch dạy học môn Đạo đức

4. Kế hoạch dạy học môn Khoa học

5. Kế hoạch dạy học môn Lịch sử - Địa lí

6. Kế hoạch dạy học môn Kĩ thuật

7. Kế hoạch dạy học môn Tiếng Anh

8. Kế hoạch dạy học môn Tin học

9. Kế hoạch dạy học môn Thể dục

10. Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc

11. Kế hoạch dạy học môn Mĩ thuật

**IV. Tổ chức thực hiện**

**1. Giáo viên**

- Trên cơ sở nội dung kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 4 năm học 2022 – 2023, phối hợp cùng với tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục cho lớp, môn phân công phù hợp với điều kiện với học sinh của lớp giảng dạy.

- Thực hiện đầy đủ nội dung Chương trình giáo dục phổ thông bắt buộc, dạy không cắt xén nội dung Chương trình.

- Lập kế hoạch bài dạy học theo kế hoạch phù hợp với từng đối tượng học sinh để đạt hiệu quả tốt nhất.

- Lên lớp phải sử dụng đồ dùng dạy học hiện có hoặc tự làm có hiệu quả theo tinh thần đổi mới PPDH hiện nay và có điều chỉnh sau tiết dạy; khắc phục có hiệu quả dạy học theo hướng dẫn.

- Lồng ghép giáo dục các môn học có liên quan phù hợp với nội dung bài học; lồng ghép giáo dục lịch sử địa phương, lại liệu về đạo đức Bác Hồ, an ninh quốc phòng, phòng tránh tai nạn, dịch bệnh… vào bài học.

- Đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT về Quy định đánh giá HS tiểu học.

- Tăng cường dạy học theo cá thể hóa phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh.

- Tham gia bồi dưỡng năng lực chuyên môn, các phong trào và hoạt động giáo dục của nhà trường.

**2. Tổ trưởng**

- Căn cứ vào khung kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch dạy học trong khối phù hợp, sát với tình hình thực tế của trường. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Tiếp tục thực hiện và từng bước hoàn thiện việc đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03 của Bộ Giáo dục.

- Thực hiện đầy đủ kịp thời các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học. Nâng cao hiệu quả dạy học cá thể hóa học sinh. Khuyến khích sự sáng tạo, tính chủ động, tự học của học sinh.

- Đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn về hình thức lẫn nội dung. Trong sinh hoạt cần bám sát văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục. Đi sâu các yếu tố chuyên môn, bàn các phương pháp dạy học của những môn bài khó, phương pháp giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập để chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

- Tổ chức các tiết thao giảng thiết thực, dự giờ đột xuất, nhằm phát hiện những vấn đề còn hạn chế để điều chỉnh kịp thời.

- Trong giảng dạy từng giáo viên cần phải nắm được kiến thức của lớp trên và lớp dưới để tạo tính liên thông. Chú trọng xoáy sâu vào các môn học trọng tâm để cuối năm học đảm bảo 100% học sinh đạt chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học.

- Xây dựng kế hoạch dự thi phong trào cấp trường, phối hợp với các bộ phận có liên quan trong đơn vị tổ chức thực hiện; chọn HS có thành tích tốt, phân công giáo viên phụ trách tổ chức bồi dưỡng để dự thi cấp huyện đạt hiệu quả.

- Sử dụng đồ dùng dạy học thường xuyên để minh họa tiết dạy, lồng ghép giáo dục địa phương vào các môn học, giúp học sinh trực quan tìm ra kiến thức môn học, khai thác một cách có hiệu quả các phương tiện dạy học.

- Sinh hoạt chuyên môn của tổ được thực hiện 2 lần/tháng vào tuần chuyên môn chẵn. Mỗi tháng 1 lần có lồng ghép thao giảng minh họa hoặc báo cáo chuyên đề.

**3. Tổng phụ trách đội**

- Tăng cường công tác phối hợp giữa TPTĐ, GV Âm nhạc, Thể dục và giáo viên chủ nhiệm thực hiện các trò chơi dân gian, đưa các làn điệu dân ca đến với học sinh.

Tổ chức hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động ngoài giờ lên lớp một cách phù hợp, thiết thực.

- Giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ cùng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh trong việc giáo dục kĩ năng sống, giáo dục văn hoá truyền thống; tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí tích cực, các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian, dân ca, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khoá.

- Tăng cường công tác phối hợp trong việc thực hiện xã hội hóa giáo dục đảm bảo 3 đủ (đủ ăn, đủ mặc, đủ dụng cụ học tập) hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn an tâm học tập.

Trên đây là kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của Tổ khối lớp 4năm học 2022 – 2023.

Kính trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt để tổ thực hiện./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG** |  | **TỔ TRƯỞNG** |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG** |  |  |
| **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** |  |  |
|  |  |  |
|  |  | **Đỗ Thị Trúc Ngân** |

**MÔN TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Sách giáo khoa** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Mạch**  **nội dung/Chủ đề** | **Tên bài học** | **TIẾT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Thương người như thể thương thân | **TĐ**: Dế mèn bênh vực kẻ yếu | 1 tiết | - Đọc rành mạch, trôi chảy; bước đầu có giọng đọc phù hợp tính cách của nhân vật. - Hiểu nội dung bài: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp - bênh vực người yếu. Phát hiện được những lời nói, cử chỉ cho thấy tấm lòng nghĩa hiệp của Dế Mèn; bước đầu biết nhận xét về một nhân vật trong bài (trả lời được các câu hỏi trong SGK). | Không hỏi ý 2 câu hỏi 4 |  |
| **CT**: Dế mèn bênh vực kẻ yếu | 1 tiết | - Nghe - viết và trình bày đúng bài CT; không mắc quá 5 lỗi trong bài.  - Làm đúng bài tập CT phương ngữ: BT (2) a/b; hoặc do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Cấu tạo của tiếng | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo ba phần của tiếng (âm đầu, vần, thanh) - Nội dung ghi nhớ.  - Điền được các bộ phận cấu tạo của từng tiếng trong câu tục ngữ ở BT1 vào bảng mẫu (mục III). |  |  |
| TĐ: Mẹ ốm | 1 tiết | - Đọc rành mạch, trôi chảy; bước đầu biết đọc diễn cảm 1, 2 khổ thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.  - Hiểu nội dung bài: Tình cảm yêu thương sâu sắc và tấm lòng hiếu thảo, biết ơn của bạn nhỏ với người mẹ bị ốm (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3; thuộc ít nhất 1 khổ thơ trong bài). |  |  |
| KC: Sự tích Hồ Ba Bể | 1 tiết | - Nghe - kể lại được từng đoạn câu chuyện theo tranh minh hoạ, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Sự tích hồ Ba bể (do GV kể). - Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể và ca ngợi những con người giàu lòng nhân ái. |  |  |
| TLV: Thế nào là kể chuyện | 1 tiết | - Hiểu những đặc điểm cơ bản của văn kể chuyện (Nội dung Ghi nhớ).  - Bước đầu biết kể lại một câu chuyện ngắn có đầu có cuối, liên quan đến 1, 2 nhân vật và nói lên được một điều có ý nghĩa (mục III). |  |  |
| LTVC: Luyện tập về cấu tạo của tiếng | 1 tiết | - Điền được cấu tạo của tiếng theo 3 phần đã học (âm đầu, vần, thanh) theo bảng mẫu ở BT1. - Nhận biết được các tiếng có vần giống nhau ở BT2, BT3. |  |  |
| TLV: Nhân vật trong truyện | 1 tiết | - Bước đầu hiểu thế nào là nhân vật (Nội dung Ghi nhớ).  - Nhận biết được tính cách của từng người cháu (qua lời nhận xét của bà) trong câu chuyện Ba anh em (BT1, mục III).  - Bước đầu biết kể tiếp câu chuyện theo tình huống cho trước, đúng tính cách nhân vật (BT2, mục III). |  |  |
| **2** | Thương người như thể thương thân | TĐ: Dế mèn bênh vực kẻ yếu (tt) | 1 tiết | - Giọng đọc phù hợp tính cách mạnh mẽ của nhân vật Dế Mèn.  - Hiểu nội dung bài: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công, bênh vực chị Nhà Trò yếu đuối.  Chọn được danh hiệu phù hợp với tính cách của Dế Mèn (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Mười năm cõng bạn đi học | 1 tiết | - Nghe - viết đúng và trình bày bài CT sạch sẽ, đúng qui định.- Làm đúng BT2 và BT(3) a/b, hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Nhân hậu – Đoàn kết | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Thương người như thể thương thân (BT1, BT4); nắm được cách dùng một số từ có tiếng "nhân" theo 2 nghĩa khác nhau: người, lòng thương người (BT2, BT3). | Không làm bài tập 4 |  |
| TĐ: Truyện cổ nước mình | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng tự hào, tình cảm.  - Hiểu nội dung: Ca ngợi truyện cổ của nước ta vừa nhân hậu, thông minh vừa chứa đựng kinh nghiệm quí báu của cha ông (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc 10 dòng thơ đầu hoặc 12 dòng thơ cuối). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc (tr.18) | 1 tiết | - Hiểu câu chuyện thơ Nàng tiên ốc, kể lại đủ ý bằng lời của mình.  - Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Con người cần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. |  |  |
| TLV: Kể lại hành động của nhân vật | 1 tiết | - Hiểu: Hành động của nhân vật thể hiện tính cách của nhân vật; nắm được cách kể hành động của nhân vật (Nội dung Ghi nhớ). - Biết dựa vào tính cách để xác định hành động của từng nhân vật (Chim Sẻ, Chim Chích), bước đầu biết sắp xếp các hành động theo thứ tự trước - sau để thành câu chuyện. |  |  |
| LTVC: Dấu hai chấm | 1 tiết | - Hiểu tác dụng của dấu hai chấm trong câu (Nội dung Ghi nhớ).  - Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); bước đầu biết dùng dấu hai chấm khi viết văn (BT2). |  |  |
| TLV: Tả ngoại hình của nhận vật..... | 1 tiết | - Hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật (Nội dung Ghi nhớ). - Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật (BT1, mục III); kể lại đươ5c một đoạn câu chuyện Nàng tiên ốc có kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên (BT2). |  |  |
| **3** | Thương người như thể thương thân | TĐ: Thư thăm bạn | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thư thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với nỗi đau của bạn. - Hiểu tình cảm của người viết thư: thương bạn, muốn chia sẻ đau buồn cùng bạn (trả lời được các câu hỏi trong SGK; nắm được tác dụng của phần mở đầu, phần kết thúc bức thư). |  |  |
| CT: Cháu nghe câu chuyện của bà | 1 tiết | - Nghe-viết và trình bày bài CT sạch sẽ; biết trình bày đúng các dòng thơ lục bát, các khổ thơ. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Từ đơn, từ phức | 1 tiết | - Hiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ, phân biệt được từ đơn và từ phức (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được từ đơn, từ phức trong đoạn thơ (BT1, mục III); bước đầu làm quen với từ điển (hoặc sổ tay từ ngữ) để tìm hiểu về từ (BT2, BT3). |  |  |
| TĐ: Người ăn xin | 1 tiết | - Giọng đọc nhẹ nhàng, bước đầu thể hiện được cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện. - Hiểu ND: Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng cảm, thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ (trả lời được CH 1, 2, 3). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Kể được câu chuyện (nẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc có nhân vật, có ý nghĩa, nói về lòng nhân hậu (theo gợi ý ở SGK).- Lời kể rõ ràng, rành mạch, bước đầu biểu lộ tình cảm qua giọng kể. |  |  |
| TLV: Kể lại lời nói, ý nghĩa của nhận vật | 1 tiết | - Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa câu chuyện (ND Ghi nhớ). - Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo 2 cách: trực tiếp, gián tiếp (BT mục III). |  |  |
| LTVC: MRVT: Nhân hậu... | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu-Đoàn kết (BT2, BT3, BT4); biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác (BT1). |  |  |
| TLV: Viết thư | 1 tiết | - Nắm chắc mục đích của việc viết thư, nội dung cơ bản và kết cấu thông thường của một bức thư (ND Ghi nhớ).  - Vận dụng kiến thức đã học để viết được bức thư thăm hỏi, trao đổi thông tin với bạn (mục III). |  |  |
| **4** | Măng mọc thẳng | TĐ: Một người chính trực | 1 tiết | - Biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài. - Hiểu nội dung: Ca ngợi sự chính trực, thanh liêm, tấm lòng vì dân vì nước của Tô Hiến Thành-vị quan nổi tiếng cương trực thời xưa (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Truyện cổ nước mình | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng 10 dòng thơ đầu và trình bày bài CT sạch sẽ; biết trình bày đúng các dòng thơ lục bát.  - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Từ ghép và từ láy | 1 tiết | - Nhận biết được hai cách chính cấu tạo từ phức tiếng Việt: ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau (từ ghép); phối hợp những tiếng có âm hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau (từ láy).  - Bước đầu phân biệt được từ ghép với từ láy đơn giản (BT1); tìm được từ ghép, từ láy chứa tiếng đã cho (BT2). | Bài tập 2 chỉ yêu cầu tìm 3 từ ghép có nghĩa tổng hợp, 3 từ ghép có nghĩa phân loại. |  |
| TĐ: Tre Việt Nam | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ lục bát với giọng tình cảm.- Hiểu nội dung: Qua hình tượng cây tre, tác giả ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam: giáu tình thương yêu, ngay thẳng, chính trực (trả lời được các câu hỏi 1, 2; thuộc khoảng 8 dòng thơ). |  |  |
| KC: Một nhà thơ chân chính | 1 tiết | - Nghe-kể lại được từng đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Một nhà thơ chân chính (do GV kể). - Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi nhà thơ chân chính, có khí phách cao đẹp, thà chết chứ không chịu khuất phục cường quyền. |  |  |
| TLV: Cốt truyện | 1 tiết | - Hiểu thế nào là cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc (ND Ghi nhớ).  - Bước đầu biết sắp xếp các sự việc chính cho trước thành cốt truyện Cây khế và luyện tập kể lại truyện đó (BT mục III). |  |  |
| LTVC: Luyện tập từ ghép và từ láy | 1 tiết | - Qua luyện tập, bước đầu nắm được hai loại từ ghép (có nghĩa tổng hợp, có nghĩa phân loại)-BT1, BT2.  - Bước đầu nắm được 3 nhóm từ láy (giống nhau ở âm đầu, vần, cả âm đầu và vần)-BT3. |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng cốt truyện | 1 tiết | Dựa vào gợi ý về nhân vật và chủ đề (SGK), xây dựng được cốt truyện có yếu tố tưởng tượng gần gũi với lứa tuổi thiếu nhi và kể lại vắn tắt câu chuyện đó. |  |  |
| **5** | Măng mọc thẳng | TĐ: Những hạt thóc giống | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt lời các nhân vật với lời người kể chuyện. - Hiểu nội dung: Ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm, dám nói lên sự thật (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3). |  |  |
| CT: Những hạt thóc giống | 1 tiết | - Nghe-viết đúng và trình bày bài CT sạch sẽ; biết trình bày đoạn văn có lời nhân vật. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Trung thực...... | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Trung thực-Tự trọng (BT4); tìm được 1, 2 từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ trung thực và đặt câu với một từ tìm được (BT1, BT2); nắm được nghĩa từ "tự trọng" (BT3). |  |  |
| TĐ: Gà Trống và Cáo | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ lục bát với giọng vui, dí dỏm.  - Hiểu ý nghĩa: Khuyên con người hãy cảnh giác, thông minh như Gà Trống, chớ tin những lời lẽ ngọt ngào của kẻ xấu như Cáo (trả lời được các câu hỏi, thuộc được đoạn thơ khoảng 10 dòng). | GDQP:Phải có tinh thần cảnh giác mới có thể phòng và tránh được nguy hiểm |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý (SGK) biết chọn và kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về tính trung thực. - Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện. | KC: Chàng cá lóc |  |
| TLV: Viết thư (KT) | 1 tiết | Viết được một lá thư thăm hỏi, chúc mừng hoặc chia buồn đúng thể thức (đủ 3 phần: đầu thư, phần chính, phần cuối thư). |  |  |
| LTVC: Danh từ | 1 tiết | - Hiểu được danh từ (DT) là những từ chỉ sự vật (người, vật,, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị). - Nhận biết được DT chỉ khái niệm trong số các DT cho trước và tập đặt câu (BT mục III). | - Không học danh từ chỉ khái niệm, chỉ đơn vị.  - Chỉ làm bài tập 1, 2 ở phần *Nhận xét* nhưng giảm bớt yêu cầu tìm danh từ chỉ khái niệm, chỉ đơn vị. |  |
| TLV: Đoạn văn trong bài văn kể chuyện | 1 tiết | - Có hiểu biết ban đầu về đoạn văn kể chuyện (ND Ghi nhớ).  - Biết vận dụng những hiểu biết đã có để tập tạo dựng một đoạn văn kể chuyện. |  |  |
| **6** | Măng mọc thẳng | TĐ: Nỗi dằn vặt của An – Dray – ca | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chậm rãi, tình cảm, bước đầu biết phân biệt lời nhân vật với lời người kể chuyện.  - Hiểu nội dung: Nỗi dằn vặt của An-đrây-ca thể hiện trong tình yêu thương, ý thức trách nhiệm với người thân, lòng trung thực và sự nghiêm khắc với lỗi lầm của bản thân (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Người viết truyện thật thà | 1 tiết | - Nghe-viết đúng và trình bày bài CT sạch sẽ; trình bày đúng lời đối thoại của nhân vật trong bài. - Làm đúng BT 2 (CT chung), BTCT phương ngữ (3) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Danh từ chung và danh từ riêng | 1 tiết | - Hiểu được khái niệm DT chung và DT riêng (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được DT chung và DT riêng dựa trên dấu hiệu về ý nghĩa khái quát của chúng (BT1, mục III); nắm được qui tắc viết hoa DT riêng và bước đầu vận dụng qui tắc đó vào thực tế (BT2). |  |  |
| TĐ: Chị em tôi | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng, bước đầu diễn tả được nội dung câu chuyện.  - Hiểu ý nghĩa: Khuyên HS không nói dối vì đó là một tính xấu làm mất lòng tin, sự tôn trọng của mọi người đối với mình (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc, nói về lòng tự trọng.  - Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện. |  |  |
| TLV: Trả bài văn viết thư | 1 tiết | Biết rút kinh nghiệm về bài TLV viết thư (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. |  |  |
| LTVC: MRVT: Trung thực.... | 1 tiết | Biết thêm được nghĩa một số từ ngữ về chủ điểm Trung thực-Tự trọng (BT1, BT2); bước đầu biết xếp các từ Hán Việt có tiếng "trung" theo hai nhóm nghĩa (BT3) và đặt câu được với một từ trong nhóm (BT4). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đoạn văn... | 1 tiết | - Dựa vào 6 tranh minh hoạ truyện Ba lưỡi rìu và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện (BT1).  - Biết phát triển ý nêu dưới 2, 3 tranh để tạo tàhnh 2, 3 đoạn văn kể chuyện (BT2). |  |  |
| **7** | Trên đôi cánh ước mơ | TĐ: Trung thu độc lập | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn phù hợp với nội dung.  - Hiểu nội dung: Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ; mơ ước của anh về tương lai đẹp đẽ của các em và của đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK). | GDQP:Ca ngợi tình cảm của các chú bộ đội, công an dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn nghĩ về các cháu thiếu niên và nhi đồng |  |
| CT: Gà Trống và Cáo | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT sạch sẽ; trình bày đúng các dòng thơ lục bát.  - Làm đúng BT (2) a/b hoặc (3) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Cách viết tên người tên địa lí | 1 tiết | Nắm được qui tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam; biết vận dụng qui tắc đã học để viết đúng một số tên riêng Việt Nam (BT1, BT2, mục III), tìm và viết đúng một vài tên riêng Việt Nam (BT3). |  |  |
| TĐ: Ở Vương quốc Tương lai | 1 tiết | - Đọc rành mạch một đoạn kịch; bước đầu biết đọc lời nhân vật với giọng hồn nhiên. - Hiểu nội dung: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc, có những phát minh độc đáo của trẻ em (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK). | GDBVMT:Khai thác vẻ đẹp của ánh trăng để thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên với cuộc sống con người . Từ đó biết yêu quí vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước . |  |
| KC: Lời ước dưới trăng | 1 tiết | - Nghe-kể lại được từng đoạn câu chuyện theo tranh minh hoạ (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Lời ước dưới trăng (do GV kể). - Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Những điều ước cao đẹp mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người. |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đoạn văn.... | 1 tiết | Dựa vào hiểu biết về đoạn văn đã học, bước đầu biết hoàn chỉnh một đoạn văn của câu chuyện Vào nghề gồm nhiều đoạn (đã cho sẵn cốt truyện). |  |  |
| LTVC: Luyện tập viết tên người tên địa lí | 1 tiết | Vận dụng được những hiểu biết về qui tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam để viết đúng các tên riêng Việt Nam trong BT1; viết đúng một vài tên riêng theo yêu cầu BT2. |  |  |
| TLV: Luyện tập phát triển câu chuyện | 1 tiết | Bước đầu làm quen với thao tác phát triển câu chuyện dựa theo trí tưởng tượng; biết sắp xếp các sự việc theo trình tự thời gian. |  |  |
| **8** | Trên đôi cánh ước mơ | TĐ: Nếu chúng mình có phép | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng vui, hồn nhiên.  - Hiểu nội dung: Những ước mơ ngộ nghĩnh, đáng yêu của các bạn nhỏ bộc lộ khát khao về một thế giới tốt đẹp (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4; thuộc 1, 2 khổ thơ trong bài). |  |  |
| CT: Trung thu độc lập | 1 tiết | - Nghe-viết đúng và trình bày bài CT sạch sẽ. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. | GDBVMT:Khai thác vẻ đẹp của ánh trăng để thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên với cuộc sống con người . Từ đó biết yêu quí vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước . |  |
| LTVC: Cách viết tên người tên đia lý | 1 tiết | - Nắm được qui tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài (ND Ghi nhớ).  - Biết vận dụng qui tắc đã học để viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài phổ biến, quen thuộc trong các BT 1, 2 (mục III). |  |  |
| TĐ: Đôi giầy Bata màu xanh | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài (giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng hợp nội dung hồi tưởng).  - Hiểu nội dung: Chị phụ trách quan tâm tới ước mơ của cậu bé Lái, làm cho cậu xúc động và vui sướng đến lớp với đôi giày được thưởng (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một ước mơ đẹp hoặc ước mơ viển vông, phi lí.  - Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện. |  |  |
| TLV: Luyện tập phát triển câu chuyện | 1 tiết | Viết được câu mở đầu cho các đoạn văn 1, 3, 4 (ở tiết TLV tuần 7)-(BT1); nhận biết được cách sắp xếp theo trình tự thời gian của các đoạn văn và tác dụng của câu mở đầu ở mỗi đoạn văn (BT2). Kể lại được câu chuyện đã học có các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian (BT3). | Không làm bài tập 1, 2. |  |
| LTVC: Dấu ngoặc kép | 1 tiết | - Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép (ND Ghi nhớ).  - Biết vận dụng những hiểu biết đã học để dùng dấu ngoặc kép trong khi viết (mục III). | TTHCM ( liên hệ ) |  |
| TLV: Luyện tập phát triển câu chuyện | 1 tiết | - Nắm được trình tự thời gian để kể lại đúng nội dung trích đoạn kịch Ở Vương quốc Tương Lai (bài TĐ tuần 7)-BT1.  - Bước đầu nắm được cách phát triển câu chuyện theo trình tự không gian qua thực hành luyện tập với sự gợi ý cụ thể của GV (BT2, BT3). |  |  |
| **9** | Trên đôi cánh ước mơ | TĐ: Thưa chuyện với mẹ | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc phân biệt lời nhân vật trong đoạn đối thoại.  - Hiểu nội dung: Cương mơ ước trở thành thợ rèn để kiếm sống nên đã thuyết phục mẹ để mẹ thấy nghề nghiệp nào cũng đáng quí (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Thợ rèn | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng các khổ thơ và dòng thơ 7 chữ.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Ước mơ | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ về chủ điểm Trên đôi cánh ước mơ; bước đầu tìm được một số từ cùng nghĩa với từ ước mơ bắt đầu bằng tiếng ước, bằng tiếng mơ (BT1, BT2); ghép được từ ngữ sau từ ước mơ và nhận biết được sự đánh giá của từ ngữ đó (BT3), nêu được VD minh hoạ về một loại ước mơ (BT4); hiểu được ý nghĩa 2 thành ngữ thuộc chủ điểm (BT5 a, c). | Không làm bài tập 5 |  |
| TĐ: Điều ước của vua Mi - Đát | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm phân biệt lời các nhân vật (lời xin, khẩn cầu của Mi-đát, lời phán bảo oai vệ của thần Đi-ô-ni-dốt).  - Hiểu ý nghĩa: Những ước muốn tham lam không mang lại hạnh phúc cho con người (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến..... | 1 tiết | - Chọn được một câu chuyện về ước mơ đẹp của mình hoặc bạn bè, người thân. - Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý; biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. |  |  |
| TLV: Luyện tập phát triển câu chuyện | 1 tiết | Dựa vào trích đoạn kịch Yết Kiêu và gợi ý trong SGK, bước đầu kể lại được câu chuyện theo trình tự không gian. |  |  |
| LTVC: Động từ | 1 tiết | - Hiểu thế nào là động từ (từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật: người, sự vật, hiện tượng). - Nhận biết được động từ trong câu hoặc thể hiện qua tranh vẽ (BT mục III). |  |  |
| TLV: Luyện tập trao đổi ý kiến | 1 tiết | - Xác định được mục đích trao đổi, vai trong trao đổi; lập được dàn ý rõ nội dung của bài trao đổi để đạt mục đích.  - Bước đầu biết đóng vai trao đổi và dùng lời lẽ, cử chỉ thích hợp nhằm đạt mục đích thuyết phục. |  |  |
| **10** | Ôn tập giữa học kì I | TĐ: Ôn tập tiết 1 | 1 tiết | - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc. - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự. |  |  |
| CT: Ôn tập tiết 2 | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài văn có lời đối thoại. Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép trong bài CT. - Nắm được qui tắc viết hoa tên riêng (Việt Nam và nước ngoài); bước đầu biết sửa lỗi chính tả trong bài viết. |  |  |
| LTVC: Ôn tập tiết 3 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được nội dung chính, nhân vật và giọng đọc các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Măng mọc thẳng. |  |  |
| TĐ: Ôn tập tiết 4 | 1 tiết | Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1; nhận biết được các thể loại văn xuôi, kịch, thơ; bước đầu nắm được nhân vật và tính cách trong bài tập đọc là truyện kể đã học. |  |  |
| TLV: Ôn tập tiết 5 | 1 tiết | - Nắm được một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và một số từ Hán Việt thông dụng) thuộc các chủ điểm đã học (Thương người như thể thương thân, Măng mọc thẳng, Trên đôi cánh ước mơ).  - Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. |  |  |
| LTVC: Ôn tập tiết 6 | 1 tiết | Xác định được tiếng chỉ có vần và thanh, tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh trong đoạn văn; nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy, danh từ (chỉ người, vật, khái niệm), động từ trong đoạn văn ngắn. |  |  |
| Kiểm tra | 1 tiết | Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI (nêu ở Tiết 1, Ôn tập). |  |  |
| Kiểm tra | 1 tiết | Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI:  - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng hình thức bài thơ (văn xuôi). - Viết được bức thư ngắn đúng nội dung, thể thức một lá thư. |  |  |
| **11** | Có chí thì nên | TĐ: Ông Trạng thả diều | 1 tiết | - Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.  - Hiểu nội dung: Ca ngợi chú bé Nguyễn Hiền thông minh, có ý chí vượt khó nên đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi (trả lời được câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Nếu chúng mình có phép lạ | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng các khổ thơ 6 chữ.  - Làm đúng BT3 (viết lại chữ sai CT trong các câu đã cho); làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Luyện tập động từ | 1 tiết | - Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp).  - Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (1, 2, 3) trong SGK. | Không làm bài tập 1 |  |
| TĐ: Có chí thì nên | 1 tiết | - Biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.  - Hiểu lời khuyên qua các câu tục ngữ: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Bàn chân kì diệu | 1 tiết | - Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).  - Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương Nguyễn Ngọc Ký giàu nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện. |  |  |
| TLV: Luyện tập trao đổi ý kiến | 1 tiết | - Xác định được đề tài trao đổi, nội dung, hình thức trao đổi ý kiến với người thân theo đề bài trong SGK. - Bước đầu biết đóng vai trao đổi tự nhiên, cố gắng đạt mục đích đề ra. |  |  |
| LTVC: Tính từ | 1 tiết | - Hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,… (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn (đoạn a hoặc đoạn b, BT1, mục III), đặt được câu có dùng tính từ (BT2). | HCM: ( tích hợp liên hệ )  - Hiểu được “ Bác Hồ là tấm gương về phong cách giản dị “ |  |
| TLV: Mở bài trong bài văn kể chuyện | 1 tiết | - Nắm được hai cách mở bài trực tiếp và gián tiếp trong bài văn kể chuyện (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được mở bài theo cách đã học (BT1, BT2, mục III); bước đầu viết được đoạn mở bài theo cách gián tiếp (BT3, mục III). | Không hỏi câu 3 trong phần *Luyện tập*  TTHCM: *( tích hợp bộ phận )*  - Học tập “ Bác Hồ là gương sáng về ý chí và nghị lực, vượt qua mọi khó khăn để đạt mục đích |  |
| **12** | Có chí thì nên | TĐ: Vua tàu thủy Bạch Thái Bưởi | 1 tiết | - Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.  - Hiểu ND: Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh nổi tiếng (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK). |  |  |
| CT: Người chiến sĩ giàu nghị lực | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn. - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. | GDQP:Ca ngợi tinh thần vượt mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ của các chú bộ đội và công an |  |
| LTVC: MRVT: Ý chí – Nghị lực | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hàn Việt (có tiếng chí) theo hai nhóm nghĩa (BT1); hiểu nghĩa từ nghị lực (BT2); điền đúng một số từ (nói về ý chí, nghị lực) vào chỗ trống trong đoạn văn (BT3); hiểu ý nghĩa chung của một số câu tục ngữ theo chủ điểm đã học (BT4). |  |  |
| TĐ: Vẽ trứng | 1 tiết | - Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần). - Hiểu ND: Nhờ khổ công rèn luyện, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một hoạ sĩ thiên tài (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện chứng kiến tham gia | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  - Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện. | TTHCM: Bác Hồ là gương sáng về ý chí và nghị lực, vượt qua mọi khó khăn để đạt được mục đích |  |
| TLV: Kết bài trong bài văn kể chuyện | 1 tiết | - Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện (mục I và BT1, BT2 mục III). - Bước đầu viết được đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện theo cách mở rộng (BT3, mục III). |  |  |
| LTVC: Tính từ (tt) | 1 tiết | - Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất (BT1, mục III); bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được (BT2, BT3, mục III). |  |  |
| TLV: Kể chuyện (kiểm tra) | 1 tiết | - Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện (mở bài, diễn biến, kết thúc).  - Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ (khoảng 12 câu). |  |  |
| **13** | Có chí thì nên | TĐ: Người tìm đường lên các vì sao | 1 tiết | - Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện. - Hiểu ND: ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm, đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Người tìm đường lên các vì sao | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b, BTCT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Ý chí – Nghị lực | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết tìm từ (BT1), đặt câu (BT2), viết đoạn văn ngắn (BT3) có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học. |  |  |
| TĐ: Văn hay chữ tốt | 1 tiết | - Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.  - Hiểu ND: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến ...... | 1 tiết | - Dựa vào SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) thể hiện đúng tính thần kiên trì vượt khó.  - Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện. |  |  |
| TLV: Trả bài văn kể chuyện | 1 tiết | Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. |  |  |
| LTVC: Câu hỏi và dấu chấm hỏi | 1 tiết | - Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính đả6 nhận biết chúng (ND Ghi nhớ). - Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3). |  |  |
| TLV: Ôn tập kể chuyện | 1 tiết | Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện (nội dung, nhân vật, cốt truyện); kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm đuợc nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn. |  |  |
| **14** | Tiếng sáo diều | TĐ: Chú Đất Nung | 1 tiết | - Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm và phân biệt lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, ông Hòn Rấm, chú bé Đất). - Hiểu ND: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Chiếc áo búp bê | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng bài văn ngắn.  - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b, BTCT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Luyện tập về câu hỏi | 1 tiết | Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu (BT1); nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt CH với các từ nghi vấn ấy (BT2, BT3, BT4); bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5). | Không làm bài tập 2 |  |
| TĐ: Chú Đất Nung (tt) | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).  - Hiểu ND: Chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống đựoc người khác (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK). |  |  |
| KC: Búp bê của ai? | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1), bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê và kể được phần kết của câu chuyện với tình huống cho trước (BT3).  - Hiểu lời khuyên qua câu chuyện: Phải biết gìn giữ, yêu quí đồ chơi. | Không hỏi câu 3 |  |
| TLV: Thế nào là miêu tả | 1 tiết | - Hiểu được thế nào là miêu tả (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1, mục III); bước đầu viết được 1, 2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ Mưa (BT2). |  |  |
| LTVC: Dùng câu hỏi vào mục đích khác | 1 tiết | - Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT1); bước đầu biết dùng CH để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể (BT2, mục III). |  |  |
| TLV: Cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài (ND Ghi nhớ).  - Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường (mục III). |  |  |
| **15** | Tiếng sáo diều | TĐ: Cánh diều tuổi thơ | 1 tiết | - Biết đọc với giọng vui, hồn nhiên; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài. - Hiểu ND: Niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều đem lại cho lứa tuổi nhỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK). | **GDBVMT**: Có ý thức yêu thích cái đẹp của thiên nhiên và quý trọng những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ |  |
| CT: Cánh diều tuổi thơ | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Đồ chơi..... | 1 tiết | Biết thêm tên một số đồ chơi, trò chơi (BT1, BT2); phân biệt được những đồ chơi có lợi và những đồ chơi có hại (BT3); nêu được một vài từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi (BT4). |  |  |
| TĐ: Tuổi Ngựa | 1 tiết | - Biết đọc với giọng vui, nhẹ nhàng; đọc đúng nhịp thơ, bước đầu biết đọc với giọng có biểu cảm một khổ thơ trong bài.  - Hiểu ND: Cậu bé tuổi Ngựa thích bay nhảy, thích du ngoạn nhiều nơi nhưng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4; thuộc khoảng 8 dòng thơ trong bài). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em.  - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể. |  |  |
| TLV: Luyện tập miêu tả đồ vật | 1 tiết | - Nắm vững cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn miêu tả; hiểu vai trò của quan sát trong việc miêu tả những chi tiết của bài văn, sự xen kẽ của lời tả với lời kể (BT1). - Lập được dàn ý cho bài văn tả chiếc áo mặc đến lớp (BT2). |  |  |
| LTVC: Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi | 1 tiết | - Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác: biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi; tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT1, BT2 mục III). |  |  |
| TLV: Quan sát đồ vật | 1 tiết | - Biết quan sát đồ vật theo một trình tự hợp lí, bằng nhiều cách khác nhau; phát hiện được đặc điểm phân biệt đồ vật này với đồ vật khác (ND Ghi nhớ).  - Dựa theo kết quả quan sát, biết lập dàn ý để tả một đồ chơi quen thuộc (mục III). |  |  |
| **16** | Tiếng sáo diều | TĐ: Kéo co | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn diễn tả trò chơi kéo co sôi nổi trong bài.  - Hiểu ND: Kéo co là một trò hcơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc ta cần được gìn giữ, phát huy (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Kéo co | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn. - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Đồ chơi..... | 1 tiết | Biết dựa vào mục đích, tác dụng để phân loại một số trò chơi quen thuộc (BT1); tìm được một vài thành ngữ, tục ngữ có nghĩa cho trước liên quan đến chủ điểm (BT2); bước đầu biết sử dụng một vài thành ngữ, tục ngữ ở BT2 trong tình huống cụ thể (BT3). |  |  |
| TĐ: Trong quán ăn Ba cá bống | 1 tiết | - Biết đọc đúng các tên riêng nước ngoài (Bu-ra-ti-nô, Toóc-ti-la, Ba-ra-ba, Đu-rê-ma, A-li-xa, A-di-li-ô); bước đầu đọc phân biệt rõ lời người dẫn chuyện với lời nhân vật. - Hiểu ND: Chú bé người gỗ (Bu-ra-ti-nô) thông minh đã biết dùng mưu để chiến thắng kẻ ác đang tìm cách hại mình (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến ... | 1 tiết | - Chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) liên quan đến đồ chơi của mình hoặc của bạn.  - Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý. |  |  |
| TLV: Luyện tập giới thiệu địa phương | 1 tiết | Dựa vào bài đọc Kéo co, thuật lại được các trò chơi đã giới thiệu trong bài; biết giới thiệu một trò chơi (hoặc lễ hội) ở quê hương để mọi người hình dung được diễn biến và hoạt động nổi bật. |  |  |
| LTVC: Câu kể | 1 tiết | - Hiểu thế nào là câu kể, tác dụng của câu kể (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được câu kể trong đoạn văn (BT1, mục III); biết đặt một vài câu kể để kể, tả, trình bày ý kiến (BT2). |  |  |
| TLV: Luyện tập miêu tả đồ vật | 1 tiết | Dựa vào dàn ý đã lập (TLV, tuần 15), viết được một bài văn miêu tả đồ chơi em thích với 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. |  |  |
| **17** | Tiếng sáo diều | TĐ: Rất nhiều mặt trăng | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng; chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật (chú hề, nàng công chúa nhỏ) và lời người dẫn chuyện.  - Hiểu ND: Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng rất ngộ nghĩnh, đáng yêu (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Mùa đông trên rẻo cao | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.  - Làm đúng BT (2) a/b hoặc BT 3. | **GDBVMT:** HS thấy được cảnh đẹp của vùng núi và từ đó có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên |  |
| LTVC: Câu kể: Ai làm gì? | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được câu kể Ai làm gì? Trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu (BT1, BT2, mục III); viết được đoạn văn kể việc đã làm trong đó có dùng câu kể Ai làm gì? (BT3, mục III). |  |  |
| TĐ: Rất nhiều mặt trăng | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng; chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật và lời người dẫn chuyện. - Hiểu ND: Cách nghĩ của trẻ em về đồ chơi và sự vật xung quanh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Một phát minh nho nhỏ | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của giáo viên và tranh minh hoạ (SGK), bước đầu kể lại được câu chuyện Một phát minh nho nhỏ rõ ý chính, đúng diễn biến. - Hiểu nội dung câu chuyện và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện. |  |  |
| TLV: Đoạn văn trong bài văn miêu tả..... | 1 tiết | - Hiểu được cấu tạo cơ bản của đoạn văn trong bài văn miêu tả đồ vật, hình thức thể hiện giúp nhận biết mỗi đoạn văn (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được cấu tạo của đoạn văn (BT1, mục III); viết được một đoạn văn tả bao quát một chiếc bút (BT2). |  |  |
| LTVC: Vị ngữ trong câu kể: Ai làm gì? | 1 tiết | - Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai làm gì? (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai làm gì? Theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đọan văn | 1 tiết | Nhận biết được đoạn văn thuộc phần nào trong bài văn miêu tả, nội dung miêu tả của từng đoạn, dấu hiệu mở đầu đoạn văn (BT1); viết được đoạn văn tả hình dáng bên ngoài, đoạn văn tả đặc điểm bên trong của chiếc cặp sách (BT2, BT3). |  |  |
| **18** | Ôn tập cuối học kì I | TĐ: Ôn tập tiết 1 | 1 tiết | - Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKI.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được các nhân vật trong bài tập đọc là truyện kể thuộc hai chủ điểm Có chí thì nên, tiếng sáo diều. |  |  |
| CT: Ôn tập tiết 2 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3). |  |  |
| LTVC: Ôn tập tiết 3 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền (BT2). |  |  |
| TĐ: Ôn tập tiết 4 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nhận biết được danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu hỏi xác định bộ phận câu đã học: Làm gì? Thế nào? Ai? (BT2). |  |  |
| KC: Ôn tập tiết 5 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ 4 chữ (Đôi que đan). |  |  |
| TLV: Ôn tập tiết 6 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2). |  |  |
| LTVC: Kiểm tra | 1 tiết | - Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD&ĐT-Đề kiểm tra học kì cấp tiểu học, lớp 4, tập một, NXB Giáo dục 2008). |  |  |
| TLV: Kiểm tra | 1 tiết | - Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD&ĐT-Đề kiểm tra học kì cấp tiểu học, lớp 4, tập một, NXB Giáo dục 2008). |  |  |
| **19** | Người ta là hoa đất | TĐ: Bốn anh tài | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ thể hiện tài năng, sức khoẻ của bốn cậu bé. - Hiểu ND: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Kim tự tháp Ai Cập | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.  - Làm đúng BT CT về âm đầu, vần dễ lẫn (BT2). | *GDBVMT*: HS thấy được vẻ đẹp kì vĩ của cảnh vật nước bạn, có ý thức bảo vệ những danh lam thắng cảnh của đất nước và thế giới |  |
| LTVC: Chủ ngữ trong câu kể Ai làm gì? | 1 tiết | - Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ (CN) trong câu kể Ai làm gì? (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được câu kể Ai làm gì?, xác định được bộ phận CN trong câu (BT1, mục III); biết đặt câu với bộ phận CN cho sẵn hoặc gợi ý bằng tranh vẽ (BT2, BT3). |  |  |
| TĐ: Chuyện cổ tích về loài người | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chậm rãi, bước đầu biết đọc diễn cảm được một đoạn thơ. - Hiểu ý nghĩa: Mọi vật trên trái đất được sinh ra vì con người, vì trẻ em, do vậy cần dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc ít nhất 3 khổ thơ). |  |  |
| KC: Bác đánh cá và gã hung thần | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1), kể lại được từng đoạn của câu chuyện Bác đánh cá và gã hung thần rõ ràng, đủ ý (BT2). - Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa của câu chuyện. |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả đồ vật. | 1 tiết | - Nắm vững hai cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1). - Viết được đoạn mở bài cho bài văn miêu tả đồ vật theo hai cách đã học (BT2). |  |  |
| LTVC: MRVT: Tài năng | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về tài năng của con người; biết xếp các từ Hàn Việt (có tiếng tài) theo hai nhóm nghĩa và đặt câu với một từ đã xếp (BT1, BT2); hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ca ngợi tài trí con người (BT3, BT4). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật. | 1 tiết | - Nắm vững hai cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1). - Viết được đoạn kết bài mở rộng cho một bài văn miêu tả đồ vật (BT2). |  |  |
| **20** | Người ta là hoa đất | TĐ: Bốn anh tài (tt) | 1 tiết | - Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp nội dung câu chuyện. - Hiểu ND: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, tinh thần đoàn kết chiến đấu chống yêu tinh, cứu dân bản của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Cha đẻ của chiếc lốp xe đạp | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc (3) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Luyện tập câu kể Ai làm gì? | 1 tiết | - Nắm vững kiến thức và kĩ năng sử dụng câu kể Ai làm gì? Để nhận biết được câu kể đó trong đoạn văn (BT1), xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT2). - Viết được đoạn văn có dùng kiểu câu Ai làm gì? (BT3). |  |  |
| TĐ: Trống đồng Đông Sơn | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi. - Hiểu ND: Bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn rất phong phú, độc đáo, là niềm tự hào của người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có tài.  - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể. |  |  |
| TLV: Miêu tả đồ vật (KT viết) | 1 tiết | Biết viết hoàn chỉnh bài văn tả đồ vật đúng yêu cầu của đề bài, có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), diễn đạt thành câu rõ ý. |  |  |
| LTVC: MRVT: Sức khỏe | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ nói về sức khoẻ của con người và tên một số môn thể thao (BT1, BT2); nắm được một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khoẻ (BT3, BT4). |  |  |
| TLV: Luyện tập giới thiệu địa phương | 1 tiết | - Nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn miêu tả (BT1).  - Bước đầu biết quan sát và trình bày được một vài nét đổi mới ở nơi HS đang sống (BT2). |  |  |
| **21** | Người ta là hoa đất | TĐ: Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.  - Hiểu ND: Ca ngợi AHLĐ Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK). | GDQP:Nêu hình ảnh các nhà khoa học Việt Nam đã cống hiến trọn đời phục vụ Tổ quốc |  |
| CT: Chuyện cổ tích vể loài người | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ 5 chữ.  - Làm đúng BT3 (kết hợp đọc bài văn sau khi đã hoàn chỉnh). |  |  |
| LTVC: Câu kể Ai thế nào? | 1 tiết | - Nhận biết được câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ). - Xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào? (BT2). |  |  |
| TĐ: Bè xuôi sông La | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. - Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và sức sống mạnh mẽ của con người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc được một đoạn thơ trong bài). | GDBVMT: Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước , thêm yêu quý môi trường thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến ..... | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) nói về một người có khả năng hoặc sức khoẻ đặc biệt. - Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý và trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện. |  |  |
| TLV: Trả bài văn miếu tả đồ vật | 1 tiết | Biết rút kinh nghiệm về vài TLV tả đồ vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. |  |  |
| LTVC: Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? | 1 tiết | - Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào? Theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III). |  |  |
| TLV: Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối (BT1, mục III); biết lập dàn ý tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đã học (BT2). | GDBVMT: Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của cây cối trong môi trường thiên nhiên từ đó thêm yêu quý thiên nhiên. |  |
| **22** | Vẻ đẹp muôn màu | TĐ: Sầu riêng | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc một đoạn trong bài có nhấn giọng từ ngữ gợi tả.  - Hiểu ND: Tả cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Sầu riêng | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn trích.  - Làm đúng BT3 (kết hợp đọc bài văn sau khi đã hoàn chỉnh) hoặc BT (2) a/b, BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào? | 1 tiết | - Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2). |  |  |
| TĐ: Chợ tết | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.  - Hiểu ND: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê (trả lời được các câu hỏi; thuộc được một vài câu thơ yêu thích). | *GDBVMT*: Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước , thêm yêu quý môi trường thiên nhiên |  |
| KC: Con vịt xấu xí | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV, sắp xếp đúng thứ tự tranh minh hoạ cho trước (SGK); bước đầu kể lại được từng đoạn câu chuyện Con vịt xấu xí rõ ý chính, đúng diễn biến.  - Hiểu được lời khuyên qua câu chuyện: Cần nhận ra cái đẹp của người khác, biết thương yêu người khác, không lấy mình làm chuẩn để đánh giá người khác. | **GDBVMT:** HS biết yêu quý các loài vật xung quanh mình, không nên đánh giá một con vật chỉ dựa vào hình thức bên ngoài |  |
| TLV: Luyện tập quan sát cây cối | 1 tiết | - Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1). - Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2). |  |  |
| LTVC: MRVT: Cái đẹp | 1 tiết | Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4). | *GDBVMT*: HS biết yêu và quý trọng cái đẹp trong cuộc sống. |  |
| TLV: Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối | 1 tiết | Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu (BT1); viết được đoạn văn ngắn tả lá (thân, gốc) một cây em thích (BT2). |  |  |
| **23** | Vẻ đẹp muôn màu | TĐ: Hoa học trò | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.  - Hiểu ND: Tả vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng, loài hoa gắn với những kỉ niệm và niềm vui của tuổi học trò (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Chợ tết | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn thơ trích. - Làm đúng BT CT phân biệt âm đầu, vần dễ lẫn (BT2). |  |  |
| LTVC: Dấu gạch ngang | 1 tiết | - Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích (BT2). |  |  |
| TĐ: Khúc hát ru những em bé.... | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ trong bài với giọng nhẹ nhàng, có cảm xúc.  - Hiểu ND: Ca ngợi tình yêu nước, yêu con sâu sắc của người phụ nữ Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi; thuộc một khổ thơ trong bài). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện và cái ác. - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể. |  |  |
| TLV: Miêu tả các bộ phận cây cối | 1 tiết | Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối (hoa, quả) trong đoạn văn mẫu (BT1); viết được đoạn văn ngắn tả một loài hoa (hoặc một thứ quả) mà em yêu thích (BT2). |  |  |
| LTVC: MRVT: Cái đẹp | 1 tiết | Biết được một số câu tục ngữ liên quan đến cái đẹp (BT1); nêu được một trường hợp có sử dụng 1 câu tục ngữ đã biết (BT2); dựa theo mẫu để tìm được một vài từ ngữ tả mức độ cao của cái đẹp (BT3); đặt câu được với 1 từ tả mức độ cao của cái đẹp (BT4). |  |  |
| TLV: Đoạn văn trong bài văn miêu tả | 1 tiết | - Nắm được đặc điểm nội dung và hình thức của đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết và bước đầu biết cách xây dựng một đoạn văn nói về lợi ích của loài cây em biết (BT1, 2, mục III). |  |  |
| **24** | Vẻ đẹp muôn màu | TĐ: Vẽ về cuộc sống an toàn | 1 tiết | - Biết đọc đúng bản tin với giọng hơi nhanh, phù hợp nội dung thông báo tin vui. - Hiểu ND: Cuộc thi vẽ Em muốn sống an toàn được thiếu nhi cả nước hưởng ứng bằng những bức tranh thể hiện nhận thức đúng đắn về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Họa sĩ Tô Ngọc Vân | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng bài CT văn xuôi.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Câu kể: Ai là gì? | 1 tiết | - Hiểu cấu tạo, tác dụng của câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn (BT1, mục III); biết đặt câu kể theo mẫu đã học để giới thiệu về người bạn, người thân trong gia đình (BT2, mục III). |  |  |
| TĐ: Đoàn thuyền đánh cá | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một, hai khổ thơ trong bài với giọng vui, tự hào.  - Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả, vẻ đẹp của lao động (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc 1, 2 khổ thơ yêu thích). | **GDBVMT**: HS cảm nhận được vẻ đẹp huy hoàng của biển đồng thời thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống con người |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến..... | 1 tiết | - Chọn được câu chuyện nói về một hoạt động đã tham gia (hoặc chứng kiến) góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp.  - Biết sắp xếp các sự việc cho hợp lí để kể lại rõ ràng; biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện. |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đoạn văn... | 1 tiết | Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một số đoạn văn (còn thiếu ý) cho hàon chỉnh (BT2). |  |  |
| LTVC: Vị ngữ trong câu kể Ai là gì? | 1 tiết | - Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).  - Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai là gì? bằng cách ghép 2 bộ phận câu (BT1, BT2, mục III); biết đặt 2, 3 câu kể Ai là gì? dựa theo 2, 3 từ ngữ cho trước (BT3, mục III). | **GDBVMT**: HS cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương từ đó có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống, chống lại các hành vi làm tổn hại đến môi trường |  |
| TLV: Tóm tắt tin tức | 1 tiết | - Hiểu thế nào là tóm tắt tin tức, cách tóm tắt tin tức (ND Ghi nhớ).  - Bước đầu nắm được cách tóm tắt tin tức qua thực hành tóm tắt một bản tin (BT1, BT2, mục III). | Thay bằng: Ôn tập miêu tả cây cối |  |
| **25** | Những người quả cảm | TĐ: Khuất phục tên cướp biển | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phân biệt rõ lời nhân vật, phù hợp với nội dung, diễn biến sự việc. - Hiểu ND: Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hãn (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Khuất phục tên cướp biển | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn trích.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Chủ ngữ trong câu kể: Ai là gì? | 1 tiết | - Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn và xác định được CN của câu tìm được (BT1, mục III); biết ghép các bộ phận cho trước thành câu kể theo mẫu đã học (BT2); đặt được câu kể Ai là gì? với từ ngữ cho trước làm CN (BT3). | GDQP:Nêu những khó khăn vất vả và sáng tạo của bộ đội, công an và thanh niên xung phong trong chiến tranh. |  |
| TĐ: Bài thơ về tiểu đội xe không kính | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một, hai khổ thơ trong bài với giọng vui, lạc quan. - Hiểu ND: Ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi; thuộc 1, 2 khổ thơ). |  |  |
| KC: Những chú bé không chết | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV và tranh minh hoạ (SGK), kể lại được từng đoạn của câu chuyện Những chú bé không chết rõ ràng, đủ ý (BT1); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện (BT2). - Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa của câu chuyện và đặt được tên khác cho truyện phù hợp với nội dung. | Thay bằng: Ôn tập miêu tả cây cối |  |
| TLV: Luyện tập tóm tắt tin tức | 1 tiết | Biết tóm tắt một tin cho trước bằng một, hai câu (BT1, 2); bước đầu tự viết được một tin ngắn (4, 5 câu) về hoạt động học tập, sinh hoạt (hoặc tin hoạt động ở địa phương), tóm tắt được tin đã viết bằng 1, 2 câu. |  |  |
| LTVC: MRVT: Dũng cảm | 1 tiết | Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, việc ghép từ (BT1, BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); biết sử dụng một số từ ngữ thuộc chủ điểm qua việc điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả cây cối | 1 tiết | Nắm được 2 cách mở bài (trực tiếp, gáin tiếp) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đã biết để viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một cây mà em thích. |  |  |
| **26** | Những người quả cảm | TĐ: Thắng biển | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng sôi nổi, bước đầu biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả.  - Hiểu ND: Ca ngợi lòng dũng cảm, ý chí quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ con đê, giữ gìn cuộc sống bình yên (trả lời được các câu hỏi 2, 3, 4 trong SGK). | **GDBVMT:** Học sinh hiểu được tác hại của việc tàn phá môi trường gây nên hậu quả cho con người |  |
| CT: Thắng biển | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng đoạn văn trích.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Luyện tập câu kể Ai là gì? | 1 tiết | Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn, nêu được tác dụng của câu kể tìm được (BT1); biết xác định CN, VN trong mỗi câu kể Ai là gì? đã tìm được (BT2); viết được đoạn văn ngắn có dùng câu kể Ai là gì? (BT3). |  |  |
| TĐ: Ga – vrốt ngoài chiến lũy | 1 tiết | - Đọc đúng các tên riêng nước ngoài; biết đọc đúng lời đối đáp giữa các nhân vật và phân biệt với lời người dẫn chuyện.  - Hiểu ND: Ca ngợi lòng dũng cảm của chú bé Ga-vrốt (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về lòng dũng cảm. - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện (đoạn truyện). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng kết bài.... | 1 tiết | Nắm được 2 cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đã biết để bước đầu viết được đoạn kết bài mở rộng cho bài văn tả một cây mà em thích. |  |  |
| LTVC: MRVT: Dũng cảm | 1 tiết | Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, từ trái nghĩa (BT1); biết dùng từ theo chủ điểm để đặt câu hay kết hợp với từ ngữ thích hợp (BT2, BT3); biết được một số tàhnh ngữ nói về lòng dũng cảm và đặt được 1 câu với thành ngữ theo chủ điểm (BT4, BT5). |  |  |
| TLV: Luyện tập miêu tả câu cối | 1 tiết | - Lập được dàn ý sơ lược bài văn tả cây cối nêu trong đề bài.  - Dựa vào dàn ý đã lập, bước đầu viết được các đoạn thân bài, mở bài, kết bài cho bài văn miêu tả cây cối đã xác định. | **GDBVMT:** Học sinh nắm được mối quan hệ chặt chẽ giữa thiên nhiên và môi trường |  |
| **27** | Những người quả cảm | TĐ: Dù sao trái đất vẫn quay | 1 tiết | - Đọc đúng các tên riêng nước ngoài; biết đọc với giọng kể chậm rãi, bước đầu bộc lộ được thái độ ca ngợi hai nhà bác học dũng cảm. - Hiểu ND: Ca ngợi những nhà khoa học chân chính đã dũng cảm, kiên trì bảo vệ chân lí khoa học (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| TĐ: Bài thơ về tiểu đội.. | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; biết trình bày các dòng thơ theo thể tự do và trình bày các khổ thơ. - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc (3) a/b, BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Câu khiến | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo và tác dụng của câu khiến (ND Ghi nhớ). - Nhận biết được câu khiến trong đoạn trích (BT1, mục III); bước đầu biết đặt câu khiến nói với bạn, với anh chị hoặc với thầy cô (BT3). |  |  |
| TĐ: Con sẻ | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài phù hợp với nội dung; bước đầu biết nhấn giọng từ ngữ gợi tả, gợi cảm.  - Hiểu ND: Ca ngợi hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến.... | 1 tiết | - Chọn được câu chuyện đã tham gia (hoặc chứng kiến) nói về lòng dũng cảm theo gợi ý trong SGK.  - Biết sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí để kể lại rõ ràng; biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện. | Thay bằng: Kể chuyện đã nghe, đã đọc  GDQP: Nêu những tấm gương chú bộ đội, công an quên mình cứu dân trong thiên tai, hỏa hoạn…. |  |
| TLV: Miêu tả cây cối (KT viết) | 1 tiết | Viết được một bài văn hoàn chỉnh tả cây cối theo gợi ý đề bài trong SGK (hoặc đề bài do GV lựa chọn); bài viết đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài), diễn đạt thành câu, lời tả tự nhiên, rõ ý. |  |  |
| LTVC: Cách đặt câu khiến | 1 tiết | - Nắm được cách đặt câu khiến (ND Ghi nhớ). - Biết chuyển câu kể thành câu khiến (BT1, mục III); bước đầu đặt được câu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp (BT2); biết đặt câu với từ cho trước (hãy, đi, xin) theo cách đã học (BT3). |  |  |
| TLV: Kiểm tra | 1 tiết | Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả cây cối (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. |  |  |
| **28** | Ôn tập giữa học kì II | TĐ: Ôn tập tiết 1 | 1 tiết | - Đọc rành mạch, tương đối lưu loát bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 85 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự. |  |  |
| CT: Ôn tập tiết 2 | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 85 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài văn miêu tả. - Biết đặt câu theo các kiểu câu đã học (Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?) để kể, tả hay giới thiệu. |  |  |
| LTVC: Ôn tập tiết 3 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 85 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ lục bát. |  |  |
| TĐ: Ôn tập tiết 4 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được nội dung chính, nhân vật trong các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Những người quả cảm. |  |  |
| KC: Ôn tập tiết 5 | 1 tiết | Nắm được một số từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ đã học trong 3 chủ điểm Người ta là hoa đất, Vẻ đẹp muôn màu, Những người quả cảm (BT1, BT2); biết lựa chọn từ thích hợp theo chủ điểm đã học để tạo các cụm từ rõ ý (BT3). |  |  |
| LTVC: Ôn tập tiết 6 | 1 tiết | - Nắm được định nghĩa và nêu được ví dụ để phân biệt 3 kiểu câu kể đã học: Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì? (BT1).  - Nhận biết được 3 kiểu câu kể trong đoạn văn và nêu được tác dụng của chúng (BT2); bước đầu viết được đoạn văn ngắn về một nhân vật trong bài tập đọc đã học, trong đó có sử dụng ít nhất 2 trong số 3 kiểu câu kể đã học (BT3). |  |  |
| Kiểm tra | 1 tiết | Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKII (nêu ở Tiết 1, Ôn tập). |  |  |
| Kiểm tra | 1 tiết | Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKII:  - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 85 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng hình thức bài thơ (văn xuôi). - Viết được bài văn tả đồ vật (hoặc tả cây cối) đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), rõ nội dung miêu tả; diễn đạt thành câu, viết đúng chính tả. |  |  |
| **29** | Khám phá thế giới | TĐ: Đường đi SaPa | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm; bước đầu biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả.  - Hiểu ND, ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp độc đáo của Sa Pa, thể hiện tình cảm yêu mến thiết tha của tác giả đối với cảnh đẹp của đất nước (trả lời được các câu hỏi; thuộc hai đoạn cuối bài). |  |  |
| CT: Ai nghĩ ra các chữ số 1,2,2...? | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng bài báo ngắn có các chữ số.  - Làm đúng BT3 (kết hợp đọc lại mẩu chuyện sau khi hoàn chỉnh BT) hoặc BT CT phương ngữ (2) a/b. |  |  |
| LTVC: MRVT: Du lịch | 1 tiết | Hiểu các từ du lịch, thám hiểm (BT1, BT2); bước đầu hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ở BT3; biết chọn tên sông cho trước đúng với lời giải câu đố trong BT4. |  |  |
| TĐ: Trăng ơi .... từ đâu đến | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm; bước đầu biết ngắt nhịp đúng ở các dòng thơ.  - Hiểu ND: Tình cảm yêu mến, gắn bó của nhà thơ đối với trăng và thiên nhiên đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc 3, 4 khổ thơ trong bài). |  |  |
| KC: Đôi cánh ngựa trắng | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV và tranh minh hoạ (SGK), kể lại được từng đoạn và kể nối tiếp toàn bộ câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng rõ ràng, đủ ý (BT1).  - Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa của câu chuyện (BT2). | **GDBVMT:** Giáo dục học có ý thức bảo vệ các loài động vật hoang dã |  |
| TLV: Luyện tập tóm tắt tin tức | 1 tiết | Biết tóm tắt một tin đã cho bằng một hoặc hai câu và đặt tên cho bản tin đã tóm tắt (BT1, BT2); bước đầu biết tự tìm tin trên báo thiếu nhi và tóm tắt tin bằng một vài câu (BT3). | Thay bằng: Ôn tập miêu tả cây cối |  |
| LTVC: Giữ phép lịch sự khi bày tỏ..... | 1 tiết | - Hiểu thế nào là lời yêu cầu, đề nghị lịch sự (ND Ghi nhớ).  - Bước đầu biết nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự (BT1, BT2, mục III); phân biệt được lời yêu cầu, đề nghị lịch sự và lời yêu cầu, đề nghị không giữ được phép lịch sự (BT3); bước đầu biết đặt câu khiến phù hợp với 1 tình huống giao tiếp cho trước (BT4). |  |  |
| TLV: Cấu tạo bài văn miêu tả... | 1 tiết | - Nhận biết được 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn miêu tả con vật (ND Ghi nhớ). - Biết vận dụng hiểu biết về cấu tạo bài văn tả con vật để lập dàn ý tả một con vật nuôi trong nhà (mục III). |  |  |
| **30** | Khám phá thế giới | TĐ: Hơn một nghìn ngày vòng quanh.... | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng tự hào, ca ngợi.  - Hiểu ND, ý nghĩa: Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã dũng cảm vượt bao khó khăn, hi sinh, mất mát để hoàn thành sứ mạng lịch sử: khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và những vùng đất mới (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK). |  |  |
| CT: Đường đi Sapa | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; biết trình bày đúng đoạn văn trích.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc (3) a/b, BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Du lịch | 1 tiết | Biết được một số từ ngữ liên quan đến hoạt động du lịch và thám hiểm (BT1, BT2); bước đầu vận dụng vốn từ đã học theo chủ điểm du lịch, thám hiểm để viết được đoạn văn nói về du lịch hay thám hiểm (BT3). |  |  |
| TĐ: Dòng sông mặc áo | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ trong bài với giọng vui, tình cảm. - Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc được đoạn thơ khoảng 8 dòng). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã dọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về du lịch hay thám hiểm.  - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể av2 biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa của câu chuyện (đoạn truyện). |  |  |
| TLV: Luyện tập quan sát con vật | 1 tiết | Nêu được nhận xét về cách quan sát và miêu tả con vật qua bài văn Đàn ngan mới nở (BT1, BT2); bước đầu biết cách quan sát một con vật để chọn lọc các chi tiết nổi bật về ngoại hình, hoạt động và tìm từ ngữ để miêu tả con vật đó (BT3, BT4). |  |  |
| LTVC: Câu cảm | 1 tiết | - Nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm (ND Ghi nhớ).  - Biết chuyển câu kể đã cho tàhnh câu cảm (BT1, mục III), bước đầu đặt được câu cảm theo tình huống cho trước (BT2), nêu được cảm xúc được bộc lộ qua câu cảm (BT3). |  |  |
| TLV: Điền vào giấy tờ in sẳn | 1 tiết | Biết điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong giấy tờ in sẵn: Phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng (BT1); hiểu được tác dụng của việc khai báo tạm trú, tạm vắng (BT2). |  |  |
| **31** | Khám phá thế giới | TĐ: Ăng co - Vát | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng chậm rãi, biểu lộ tình cảm kính phục. - Hiểu ND, ý nghĩa: Ca ngợi Ăng-co Vát, một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Cam-pu-chia (trả lời được các câu hỏi trong SGK). | GDBVMT : HS có ý thức bảo vệ các công trình kiến trúc cổ |  |
| CT: Nghe lời chim nói | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; biết trình bày các dòng thơ, khổ thơ theo thể thơ 5 chữ. - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc (3) a/b, BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Thêm trạng ngữ cho câu | 1 tiết | - Hiểu được thế nào là trạng ngữ (ND Ghi nhớ). - Nhận diện được trạng ngữ trong câu (BT1, mục III), bước đầu viết được đoạn văn ngắn trong đó có ít nhất 1 câu có sử dụng trạng ngữ (BT2). |  |  |
| TĐ: Con chuồn chuồn nước | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm, bước đầu biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả.  - Hiểu ND, ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp sinh động của chú chuốn chuốn nước và cảnh đẹp của quê hương (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến .... | 1 tiết | - Chọn được câu chuyện đã tham gia (hoặc chứng kiến) nói về một cuộc du lịch hay cắm trại, đi chơi xa,…  - Biết sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí để kể lại rõ ràng; biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện. | Thay bằng:KC đã nghe, đã đọc |  |
| TLV: Luyện tập miêu tả các bộ phận ..... | 1 tiết | Nhận biết được những nét tả bộ phận chính của một con vật trong đoạn văn (BT1, BT2); quan sát các bộ phận của con vật em yêu thích và bước đầu tìm được những từ ngữ miêu tả thích hợp (BT3). |  |  |
| LTVC: Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn.... | 1 tiết | Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (trả lời CH Ở đâu?); nhận biết được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu chưa có trạng ngữ (BT2); biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ cho trước (BT3). |  |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đoạn văn..... |  | Nhận biết được đoạn văn và ý chính của từng đoạn trong bài văn tả con chuồn chuồn nước (BT1); bước đầu viết được một đoạn văn có câu mở đầu cho sẵn (BT3). |  |  |
| **32** | Tình yêu cuộc sống | TĐ: Vương quốc vắng nụ cười | 1 tiết | - Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng phù hợp nội dung diễn tả. - Hiểu ND: Cuộc sống thiếu tiếng cười sẽ vô cùng tẻ nhạt, buồn chán (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Vương quốc vắng nụ cười | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; biết trình bày đúng đoạn văn trích.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: Thêm trang ngữ chỉ thời gian... | 1 tiết | - Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (trả lời CH Bao giờ? Khi nào? Mấy giờ?-ND Ghi nhớ).  - Nhận diện được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ cho trước vào chỗ thích hợp trong đoạn văn a hoặc đoạn văn b ở BT (2). |  |  |
| TĐ: Ngắm trăng –Không đề | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ ngắn với giọng nhẹ nhàng, phù hợp nội dung. - Hiểu ND (hai bài thơ ngắn): Nêu bật tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, không nản chí trước khó khăn trong cuộc sống của Bác Hồ (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc 1 trong hai bài thơ). | **GDBVMT**: giúp học sinh cảm nhận được nét đẹp trong cuộc sống gắn bó với môi trường thiên nhiên của Bác Hồ kính yêu |  |
| KC: Khát vọng sống | 1 tiết | - Dựa theo lời kể của GV và tranh minh hoạ (SGK), kể lại được từng đoạn của câu chuyện Khát vọng sống rõ ràng, đủ ý (BT1); bước đầu biết kể lại nối tiếp được toàn bộ câu chuyện (BT2). - Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa của câu chuyện (BT3). | **GDMT:**  Giáo dục hs có ý chí vượt khó khắc phục trở ngại trog môi trường thiên nhiên |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng đoạn văn.... | 1 tiết | Nhận biết được: đoạn văn và ý chính của đoạn trong bài văn tả con vật, đặc điểm hình dáng bên ngoài và hoạt động của con vật được miêu tả trong bài văn (BT1); bước đầu vận dụng kiến thức đã học để viết được đoạn văn tả ngoại hình (BT2), tả hoạt động (BT3) của một con vật em yêu thích. |  |  |
| LTVC: Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân .... | 1 tiết | - Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu (trả lời CH Vì sao? Nhờ đâu? Tại đâu?-ND Ghi nhớ).  - Nhận diện được trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết dùng trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu (BT2, BT3). | Không dạy phần *Nhận xét*, không dạy phần G*hi nhớ*. Phần *Luyện tập* chỉ yêu cầu tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì) |  |
| TLV: Luyện tập xây dựng mở bài..... | 1 tiết | Nắm vững kiến thức đã học về đoạn mở bài, kết bài trong bài văn miêu tả con vật để thực hành luyện tập (BT1); bước đầu viết được đoạn mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn miêu tả con vật yêu thích (BT2, BT3). |  |  |
| **33** | Tình yêu cuộc sống | TĐ: Vương quốc vắng nụ cười (tt) | 1 tiết | - Biết đọc một đoạn trong bài với giọng phân biệt lời các nhân vật (nhà vua, cậu bé). - Hiểu ND: Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Ngắm trăng – Không đề | 1 tiết | - Nhớ-viết đúng bài CT; biết trình bày hai bài thơ ngắn theo 2 thể thơ khác nhau: thơ 7 chữ, thơ lục bát.  - Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a/b hoặc (3) a/b, BT do GV soạn. |  |  |
| LTVC: MRVT: Lạc quan- Yêu đời | 1 tiết | Hiểu nghĩa từ lạc quan (BT1), biết xếp đúng các từ cho trước có tiếng lạc thành hai nhóm nghĩa (BT2), xếp các từ cho trước có tiếng quan thành ba nhóm nghĩa (BT3); biết thêm một số câu tục ngữ khuyên con người luôn lạc quan, không nản chí trước khó khăn (BT4). |  |  |
| TĐ: Con chim chiền chiện | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc diễn cảm hai, ba khổ thơ trong bài với giọng vui, hồn nhiên. - Hiểu ý nghĩa: Hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no, hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống (trả lời được các câu hỏi; thuộc hai, ba khổ thơ). |  |  |
| KC: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | 1 tiết | - Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về tinh thần lạc quan, yêu đời. - Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể, biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. |  |  |
| TLV: Miêu tả con vật (KT viết) | 1 tiết | Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt tàhnh câu, lời văn tự nhiên, chân thực. |  |  |
| LTVC: Thêm trạng ngữ chỉ mục đích | 1 tiết | - Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ mục đích trong câu (trả lời CH Để làm gì? Nhằm mục đích gì? Vì cái gì?-ND Ghi nhớ). - Nhận diện được trạng ngữ chỉ mục đích trong câu (Bt1, mục III); bước đầu biết dùng trạng ngữ chỉ mục đích trong câu (BT2, BT3). | Không dạy phần *Nhận xét*, không dạy phần G*hi nhớ*. Phần *Luyện tập* chỉ yêu cầu tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì) |  |
| TLV: Điền vào giấy tờ in sẵn | 1 tiết | Biết điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong giấy tờ in sẵn: Thư chuyển tiền (Bt1); bước đầu biết cách ghi vào thư chuyển tiền để trả lại bưu điện sau khi đã nhận được tiền gửi (BT2). |  |  |
| **34** | Tình yêu cuộc sống | TĐ: Tiếng cười là liều thuốc bổ | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, dứt khoát.  - Hiểu ND: Tiếng cười mang đến niềm vui cho cuộc sống, làm cho con người hạnh phúc, sống lâu (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| CT: Nói ngược | 1 tiết | - Nghe-viết đúng bài CT; biết trình bày đúng bài vè dân gian theo thể lục bát.  - Làm đúng BT2 (phân biệt âm đầu, thanh dễ lẫn). |  |  |
| LTVC: MRVT: Lạc quan- Yêu đời | 1 tiết | Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa (BT1); biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3). |  |  |
| TĐ: Ăn ”Mầm đá” | 1 tiết | - Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh; đọc phân biệt được lời nhân vật và người dẫn chuyện.  - Hiểu ND: Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh, vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng, vừa khéo giúp chúa thấy được một bài học về ăn uống (trả lời được các câu hỏi trong SGK). |  |  |
| KC: Kể chuyện được chứng kiến.... | 1 tiết | - Chọn được các chi tiết nói về một người vui tính; biết kể lại rõ ràng về những sự việc minh hoạ cho tính cách của nhân vật (kể không thành chuyện) hoặc kể sự việc để lại ấn tượng sâu sắc về nhân vật (kể thành chuyện).  - Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện. |  |  |
| TLV: Trả bài văn miêu tả con vật | 1 tiết | Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả con vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. |  |  |
| LTVC: Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện | 1 tiết | - Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu (trả lời CH Bằng gì? Với cái gì?-ND Ghi nhớ).  - Nhận diện được trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn ngắn tả con vật yêu thích, trong đó có ít nhất 1 câu dùng trạng ngữ chỉ phương tiện (BT2). | Không dạy phần *Nhận xét*, không dạy phần G*hi nhớ*. Phần *Luyện tập* chỉ yêu cầu tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì) |  |
| TLV: Điền vào giấy tờ in sẵn | 1 tiết | Hiểu các yêu cầu trong Điện chuyển tiền đi, Giấy đặt mua báo chí trong nước; biết điền những nội dung cần thiết vào bức điện chuyển tiền và giấy đặt mua báo chí. |  |  |
| **35** | Ôn tập cuối học kì II | Ôn tập tiết 1 | 1 tiết | - Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 90 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKII.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được thể loại (thơ, văn xuôi) của bài tập đọc thuộc hai chủ điểm Khám phá thế giới, Tình yêu cuộc sống. |  |  |
| Ôn tập tiết 2 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được một số từ ngữ thuộc hai chủ điểm đã học (Khám phá thế giới, Tình yêu cuộc sống); bước đầu giải thích được nghĩa từ và đặt câu với từ ngữ thuộc hai chủ điểm ôn tập. |  |  |
| Ôn tập tiết 3 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Dựa vào đoạn văn nói về một cây cụ thể hoặc hiểu biết về một loài cây, viết được đoạn văn tả cây cối rõ những đặc điểm nổi bật. |  |  |
| Ôn tập tiết 4 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 90 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; biết trình bày các dòng thơ, khổ thơ theo thể thơ 7 chữ. |  |  |
| Ôn tập tiết 5 | 1 tiết | Nhận biết được câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến trong bài văn; tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, trẹang ngữ chỉ nơi chốn trong bài văn đã cho. |  |  |
| Ôn tập tiết 6 | 1 tiết | - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Dựa vào đoạn văn nói về một con vật cụ thể hoặc hiểu biết về một loài vật, viết được đoạn văn tả con vật rõ những đặc điểm nổi bật. |  |  |
| Ôn tập tiết 7 | 1 tiết | Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 4, HKII (Bộ GD&ĐT-Đề kiểm tra học kì cấp tiểu học, lớp 4, tập hai, NXB Giáo dục 2008). |  |  |
| Kiểm tra | 1 tiết | Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 4, HKII (Bộ GD&ĐT-Đề kiểm tra học kì cấp tiểu học, lớp 4, tập hai, NXB Giáo dục 2008). |  |  |

**MÔN TOÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Sách giáo khoa** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Mạch**  **nội dung/Chủ đề** | **Tên bài học** | **TIẾT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | Ôn tập các số đến 100 000 (tr.3) | 1 tiết | - Đọc, viết được các số đến 100 000.  - Biết phân tích cấu tạo số. | Bài 1, 2  Bài 3 : a) viết được 2 số;  b) dòng 1 |  |
| Ôn tập các số đến 100 000 (tt)  (tr.4) | 1 tiết | - Thực hiện được phép cộng,phép trừ các số có đến 5 chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.  - Biết so sánh, xếp thứ tự (đến 4 số) các số đến 100 000 | Bài 1, 2, 3, 4 |  |
| Ôn tập các số đến 100 000 (tt)  (tr.5) | 1 tiết | - Tính nhẩm, thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.  - Tính giá trị của biểu thức | Bài 1  Bài 2 (b)  Bài 3 (b) |  |
| Biểu thức có chứa một chữ | 1 tiết | - Bước đầu nhận biết được biểu thức chứa một chữ.  - Biết tính giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay bằng chữ số. | Bài tập 3 ý b: Chỉ cần tính giá trị của biểu thức với hai trường hợp của n |  |
| Luyện tập (tr.7) | 1 tiết | - Tính được giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.  - Làm quen với công thức tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh a | Bài tập 1: Mỗi ý làm một trường hợp. |  |
| **2** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | Các số có sáu chữ số | 1 tiết | - Biết mối quan hệ giữa các đơn vị các hàng liền kề  - Biết viết, đọc các số có đến sáu chữ số | Bài 1, 2, 3  Bài 4 (a / b) |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Viết và đọc được các số có đến sáu chữ số | Bài 1, 2  Bài 3 (a,b,c)  Bài 4 (a,b) |  |
| Hàng và lớp | 1 tiết | - Biết được các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn  - Biết giá trị của các chữ số theo vị trí của từng số đó trong mỗi số.  - Biết viết số thành tổng theo hàng | Bài 1, 2, 3  Bài tập 2: Làm 3 trong 5 số. |  |
| So sánh các số có nhiều chữ số | 1 tiết | - So sánh được các số có nhiều chữ số.  - Biết sắp xếp 4 số tự nhiên có không quá sáu chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn | Bài 1, 2, 3 |  |
| Triệu và lớp triệu | 1 tiết | - Nhận biết hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu và lớp triệu.  - Biết viết các số đến lớp triệu. | Bài 1, 2  Bài 3 (cột 2) |  |
| **3** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | Triệu và lớp triệu (tt) | 1 tiết | - Đọc,viết được một số số đến lớp triệu  - HS được củng cố về hàng và lớp | Bài 1, 2, 3 |  |
| Luyện tập (tr.16) | 1 tiết | - Đọc,viết được một số số đến lớp triệu  - Bước đầu nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số | Bài 1, 2  Bài 3 (a,b,a)  Bài 4 (a, b) |  |
| Luyện tập (tr.17) | 1 tiết | - Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu.  - Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số | Bài 1: chỉ nêu giá trị chữ số 3 trong mỗi  Bai 2, 3, 4 |  |
| Dãy số tự nhiên | 1 tiết | - Bước đầu nhận biết về số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên | Bài 1, 2, 3, 4a |  |
| Viết số tự nhiên trong hệ thập phân | 1 tiết | - Biết sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân.  - Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số. | Bài 1, 2, 3  Bài 4 : viết giá trị chữ số 5 của hai số. |  |
| **4** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên | 1 tiết | - Bước đầu hệ thống hóa một số hiểu biết ban đầu về so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên. | Bài 1 (cột 1)  Bài 2 (a,b)  Bài 3 (a) |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Viết và so sánh được các số tự nhiên  - Bước đầu làm quen dạng X < 5, 2 > X < 5 với X là số tự nhiên | Bài 1, 3, 4 |  |
| Yến, tạ, tấn | 1 tiết | - Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của tạ, tấn, kí-lô - gam.  - Biết chuyển đổi đơn vị đo giữa tạ,tấn và ki-lô-gam.  - Biết thực hiện phép tính với các số đo : tạ, tấn. | Bài 1  Bài tập 2, cột 2: Làm 5 trong 10 ý.  Bài 3 (chọn 2 trong 4 phép tính) |  |
| Bảng đơn vị đo khối lượng | 1 tiết | - Nhận biết được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đề -ca-gam; hec-tô-gam và gam.  - Biết chuyển đổi đơn vị đo khối lượng.  - Biết thực hiện phép tính với số đo khối lượng | Bài 1, 2 |  |
| Giây, thế kỉ | 1 tiết | - Biết đơn vị giây, thế kĩ.  - Biết mối quan hệ giữa phút và giây, thế kĩ và năm.  - Biết xác định một năm cho trước thuộc thế kĩ | Bài 1: Không làm 3 ý (7 phút = … giây; 9 thế kỉ = … năm; 1/5 thế kỉ = … năm).  Bài 2 (a, b) |  |
| **5** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | Luyện tập (tr.26) | 1 tiết | - Biết số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận  - chuyển đổi được đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây.  - Xác định được một năm cho trước thuộc thế kĩ nào | Bài 1, 2, 3 |  |
| Tìm số trung bình cộng | 1 tiết | - Bước đầu hiểu biết về số trung bình cộng của nhiều số.  - Biết tìm số trung bình cộng của 2,3,4,số | Bài 1 (a,b,c)  Bài 2 |  |
| Luyện tập (tr.28) | 1 tiết | - Tính được trung bình cộng của nhiều số  - Bước đầu biết giải bài toán về tìm số trung bình cộng. | Bài 1, 2, 3 |  |
| Biểu đồ (tr.28) | 1 tiết | - Bước đầu có hiểu biết về biểu đồ tranh.  - Biết đọc thông tin trên biểu đồ tranh | Bài 1  Bài 2 (a,b) |  |
| Biểu đồ (tiếp theo) (tr.30) | 1 tiết | - Bước đầu biết về biểu đồ cột.  - Biết đọc một số thông tin trên biểu đồ | Bài 1  Bài 2 (a) |  |
| **6** | **Chương một:**  **Số tự nhiên, bảng đơn vị đo khối lượng** | Luyện tập (tr.33) | 1 tiết | - Đọc được một số thông tin trên biểu đồ | Bài 1, 2 |  |
| Luyện tập chung (tr.35) | 1 tiết | - Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số.  - Đọc được thông tin trên biểu đồ cột,  - Xác định được một năm thuộc thế kĩ nào. | Bài 1  Bài 3(a,b,c)  Bài 4 (a,b) |  |
| Luyện tập chung (tr.36) | 1 tiết | - Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số.  - Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng, thời gian.  - Đọc được thông tin trên biểu đồ cột.  - Tìm được số trung bình cộng | Bài 1, 2 |  |
| **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Phép cộng | 1 tiết | - Biết đặt tính và biết thực hiện phép trừ các số có đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp. | Bài 1  Bài 2 (dòng 1)  Bài 3 |  |
| Phép trừ | 1 tiết | - Biết đặt tính và biết thực hiện phép trừ các số có đến sáu chữ số không nhờ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp. | Bài 1  Bài 2 (dòng 1)  Bài 3 |  |
| **7** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Luyện tập | 1 tiết | - Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ và biết cách thử lại phép cộng, phép trừ.  - Biết tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ. | Bài 1, 2, 3 |  |
| Biểu thức có chứa hai chữ | 1 tiết | - Nhận biết được biểu thức đơn giản chứa hai số.  - Biết tính giá trị một số biểu thức đơn giản có chứa hai chữ | Bài 1  Bài 2 (a,b)  Bài 3 (hai cột) |  |
| Tính chất giao hoán của phép cộng | 1 tiết | - Biết tính chất giao hoán của phép cộng  - Bước đầu biết sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng trong thực hành tính | Bài 1, 2 |  |
| Biểu thức có chứa ba chữ | 1 tiết | - Nhận biết được biểu thức đơn giản chứa ba chữ.  - Biết tính giá trị một số biểu thức đơn giản chứa ba chữ. | Bài 1, 2 |  |
| Tính chất kết hợp của phép cộng | 1 tiết | - Biết tính chất kết hợp của phép cộng.  - Bước đầu sử dụng được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng trong thực hành tính. | Bài 1  Câu a: dòng 2, 3  Câu b: dòng 1,3  Bài 2 |  |
| **8** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Luyện tập | 1 tiết | - Tính được tổng của 3 số, vận dụng một số tính chất để tính tổng 3 số bằng cách thuận tiện nhất. | Bài 1 (b)  Bài 2 (dòng 1,2)  Bài 4 (a) |  |
| Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó | 1 tiết | - Biết cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó,  - Bước đầu biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. | Bài 1, 2 |  |
| Luyện tập (tr.48) | 1 tiết | - Biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. | Bài 1(a,b)  Bài 2, 4 |  |
| Luyện tập chung (tr.48) | 1 tiết | - Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ, vận dụng một số tính chất của phép cộng khi tính giá trị của biểu thức đó.  - Giải được bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó | Bài 1 (a)  Bai 2 (dòng 1)  Bài 3  Bài 4 |  |
| Góc nhọn, góc tù, góc bẹt | 1 tiết | - Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng êke) | Bài 1  Bài 2 (chọn 1 trong 3 ý) |  |
| **9** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Hai đường thẳng vuông góc | 1 tiết | - Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc.  - Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng êke | Bài 1  Bài 2  Bài 3 (a) |  |
| Hai đường thẳng song song | 1 tiết | - Có biểu tượng về hai đường thẳng song song .  - Kiểm tra được hai đường thẳng song song. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 (a) |  |
| Vẽ hai đường thẳng vuông góc | 1 tiết | - Vẽ được đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước.  - vẽ được đường cao của một hình tam giác. | Bài 1, 2 |  |
| Vẽ hai đường thẳng song song | 1 tiết | - Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với đường thẳng cho trước  (bằng thước kẻ và êke) | Bài 1, 2 |  |
| Thực hành vẽ hình chữ nhật;  Thực hành vẽ hình vuông | 1 tiết | - Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông (bằng thước kẽ và êke) | Bài 1 a (tr. 54)  Bai 2 a (tr. 54)  Bài 1 a (tr. 55)  Bài 2 a (tr. 55) |  |
| **10** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Luyện tập (tr.55) | 1 tiết | - Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.  - Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông | Bài 1, 2, 3  Bài 4 (a) |  |
| Luyện tập chung (tr.56) | 1 tiết | - Thực hiện được cộng, trừ các số có đến sáu chữ số.  - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc  - Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó liên quan đến hình chữ nhật | Bài 1 (a)  Bai 2 (a)  Bài 3(b)  Bài 4 |  |
| Kiểm tra định kì giữa học kỳ 1 | 1 tiết | - Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau  - Đọc, viết, so sánh số tự nhiên; hàng và lớp.  - Đặt tình và thực hiện phép cộng, phép trừ các số có đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.  - Chuyển đổi số đo thời gian đã học; chuyển đổi thực hiện phép tính với số đo khối lượng.  - Nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, hai đường thẳng song song, vuông góc, tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông  - Giải bài toán tìm số trung bình cộng, tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. |  |  |
| Nhân với số có một chữ số | 1 tiết | - Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (tích không quá sáu chữ số) | Bài 1  Bài 3 (a) |  |
| Tính chất giao hoán của phép nhân | 1 tiết | - Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.  - Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán | Bài 1  Bài 2 (a, b) |  |
| **11** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Nhân với 10, 100, 1000,... Chia cho 10, 100, 1000,... | 1 tiết | - Biết thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100,1000… và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10,100, 1000… | Bài 1  a) cột 1, 2  b) cột 1,2  Bài 2 (3 dòng đầu) |  |
| Tính chất kết hợp của phép nhân | 1 tiết | - Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.  - Bước đầu biệt vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính. | Bài 1a  Bài 2a |  |
| Nhân với số có tận cùng là chữ số 0 | 1 tiết | - Biết cách nhân với số tận cùng là chử số 0; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm | Bài 1  Bài 2 |  |
| Đề-xi-mét vuông | 1 tiết | - Biết Đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.  - Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị Đề-xi-mét vuông.  - Biết được 1 dm2 = 100 cm2  bước đầu biết chuyển đổi từ dm2 sang cm2  và ngược lại. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Mét vuông | 1 tiết | - Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được “ mét vuông ” “ m2 ”.  - Biết được 1m2 = 100 dm2 . Bước đầu biết chuyển đổi từ m2 sang dm2 , cm2 | Bài 1  Bài 2  Bài 3 (cột 1) |  |
| **12** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Nhân một số với một tổng | 1 tiết | - Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số. | Bài 1  Bài 2 a) 1 ý; b) 1 ý  Bài 3 |  |
| Nhân một số với một hiệu | 1 tiết | - Biết thực hiện phép nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  - Biết giải bài toán và tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số. | Bài 1  Bài 3  Bài 4 |  |
| Luyện tập (tr.68) | 1 tiết | - Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh. | Bài 1 (dòng 1)  Bài 3 a; b (dòng 1)  Bài 4 (chỉ tính chu vi) |  |
| Nhân với số có hai chữ số | 1 tiết | - Biết cách nhân với số có hai chữ số.  - Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số | Bài 1 (a, b, c)  Bài 3 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.  - Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số | Bài 1  Bài 2 (cột 1, 2)  Bài 3 |  |
| **13** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Giới thiệu nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 | 1 tiết | - Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 | Bài 1, 3 |  |
| Nhân với số có ba chữ số | 1 tiết | - Biết cách nhân với số có ba chữ số.  - Tính được giá trị của biểu thức. | Bài 1, 3 |  |
| Nhân với sớ có ba chữ số (tiếp theo) | 1 tiết | - Biết cách với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0 | Bài 1, 2 |  |
| Luyện tập (tr.74) | 1 tiết | - Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.  - Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.  - Biết công thức tính (bằng chữ) và tính được diện tích hình chữ nhật | Bài 1, 3, 5 |  |
| Luyện tập chung | 1 tiết | - Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích (cm2; dm2 ; m2 ).  - Thực hiện được nhân với số có hai,ba chữ số.  - Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh | Bài 1  Bài 2 (dòng 1)  Bài 3 |  |
| **14** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Chia một tổng cho một số | 1 tiết | - Biết chia một tổng cho một số.  - Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính | Bài 1  Bài 2 (Không yêu cầu HS phải học thuộc các tính chất này) |  |
| Chia cho số có một chữ số | 1 tiết | - Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho một số có một chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1 (dòng 1, 2)  Bài 2 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.  - Biết vận dụng chia một tổng (hiệu) cho một số. | Bài 1  Bài 3 (a)  Bài 4 (a) |  |
| Chia một số cho một tích | 1 tiết | Thực hiện được phép chia một số cho một tích | Bài 1, 2 |  |
| Chia một tích cho một số | 1 tiết | Thực hiện được phép chia một tích cho một số | Bài 1, 2 |  |
| **15** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Chia hai số có tận cùng là chữ số 0 | 1 tiết | Thực hiện được chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 | Bài 1  Bài 2 (a)  Bài 3 (a) |  |
| Chia cho số có hai chữ số | 1 tiết | Biết đặt tính và thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1, 2 |  |
| Chia cho số có hai chữ số (tt) | 1 tiết | Biết đặt tính và thực hiện phép chia số có bốn chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1, 2 |  |
| Luyện tập (tr.83) | 1 tiết | Thực hiện được phép chia số có ba chữ số, bốn chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1  Bài 2b |  |
| Chia cho số có hai chữ số (tt) | 1 tiết | Thực hiện được phép chia số có năm chữ số cho số 1 tiết  có hai chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1 |  |
| **16** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Luyện tập (tr.84) | 1 tiết | - Thực hiện được phép tính chia cho số có hai chữ số.  - Giải bài toán có lời văn | Bài 1 (dòng 1)  Bài 2 |  |
| Thương có chữ số 0 | 1 tiết | Thực hiện được phép tính chia cho số có hai chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương | Bài 1 (dòng 1, 2) |  |
| Chia cho số có ba chữ số | 1 tiết | Biết thực hiện phép tính chia số có bốn chữ số cho số có ba chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1 (a)  Bài 2 (b) |  |
| Luyện tập | 1 tiết | Biết chia cho số có ba chữ số | Bài 1 (a) ; Bài 2 |  |
| Chia cho số có ba chữ số (tiếp theo) | 1 tiết | Biết thực hiện phép chia số có năm chữ số cho số có ba chữ số (chia hết, chia có dư) | Bài 1  Bài 2b |  |
| **17** | **Chương hai:**  **Bốn phép tính với các số tự nhiên. Hình học** | Luyện tập (tr.89) | 1 tiết | - Thực hiện được phép chia cho số có hai chữ số.  - Biết chia cho số có ba chữ số | Bài 1 (a)  Bài 3 (a) |  |
| Luyện tập chung (tr.90) | 1 tiết | - Thực hiện được phép nhân phép, phép chia.  - Biết đọc thông tin trên biểu đồ | Bài 1  Bảng 1 (3 cột đầu)  Bảng 2 (3 cột đầu)  Bài 4 (a, b) |  |
| **Chương ba:**  **Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3. Giới thiệu hình bình hành** | Dấu hiệu chia hết cho 2 | 1 tiết | - Biết dấu hiệu chia hết cho 2 và không chia hết cho 2.  - Biết số chằn, số lẽ | Bài 1  Bài 2 |  |
| Dấu hiệu chia hết cho 5 | 1 tiết | - Biết dấu hiệu chia hết cho 5  - Biết kết hợp dấu hiệu chia hết cho 2 với dấu hiệu chia hết cho 5 | Bài 1  Bài 4 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2, dấu hiệu chia hết cho 5.  - Nhận biết số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 trong một số tình huống đơn giản | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| **18** | **Chương ba:**  **Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3. Giới thiệu hình bình hành** | Dấu hiệu chia hết cho 9 | 1 tiết | - Biết dấu hiệu chia hết cho 9.  - Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Dấu hiệu chia hết cho 3 | 1 tiết | - Biết dấu hiệu chia hết cho 3.  - Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một tình huống đơn giản | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Luyện tập chung | 1 tiết | Biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9 trong một số tình huống đơn giản | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Kiểm tra định kì cuối học kì I | 1 tiết | *Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau.*  - Đọc, viết, so sánh số tự nhiên hàng, lớp.  - Thực hiện phép cộng, trừ các số đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp; nhân với số có hai , ba chữ số ; chia số có đến năm chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư)  - Dấu hiệu chia hết 2,3,5,9.  - Chuyển đổi, thực hiện phép tính với số đo khối lượng, số đo diện tích đã học.  - nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, hai đường thẳng song song, vuông góc..  - Giải bài toán có đến 3 bước tính trong đó có các bài toán : Tìm số trung bình cộng; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. |  |  |
| **19** | **Chương ba:**  **Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3. Giới thiệu hình bình hành** | Ki – lô – mét vuông | 1 tiết | - Ki-lô-mét vuông là đơn vị đo diện tích  - Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị ki-lô-mét vuông.  - Biết 1 km2  = 1 000 000 m2  - Bước đầu biết chuyển đổi từ km2 sang m2 và ngược lại. | Bài 1, 2  Bài 4 (b)  Câp nhật thông tin diện tích Thủ đô Hà Nội (năm 2020) là: 3328,9 km2 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Chuyển đổi các số đo diện tích.  - Đọc được thông tin trên biểu đồ cột | Bài 1  Bài 3 (b)  Bài 5 |  |
| Hình bình hành | 1 tiết | Nhận biết được hình bình hành và một số đặc điểm của nó. | Bài 1  Bài 2 |  |
| Diện tích hình bình hành | 1 tiết | Biết tính diện tích hành bình hành | Bài 1  Bài 3 (a) |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Nhận biết đặc điểm của hình bình hành  - Tính được diện tích, chu vi của hình bình hành | Bài 1  Bài 2  Bài 3a |  |
| **20** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Phân số | 1 tiết | Bước đầu nhận biết về phân số; biết phân số có tử số, mẫu số; biết đọc, viết phân số. | Bài 1  Bài 2 |  |
| Phân số và phép chia số tự nhiên | 1 tiết | Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiện (khác 0) có thể viết thành một phân số : tử số là số chia, mẫu số là số chia. | Bài 1  Bài 2 (2 ý đầu)  Bài 3 |  |
| Phân số và phép chia số tự nhiên (tt) | 1 tiết | - Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0 có thể viết thành một phân số.  - Bước đầu biết so sánh phân số với 1 | Bài 1  Bài 3 |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Biết đọc, viết phân số.  - Biết quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Phân số bằng nhau | 1 tiết | Bước đầu nhận biết dược tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau. | Bài 1 |  |
| **21** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Rút gọn phân số | 1 tiết | Bước đầu biết cách rút gọn phân số và nhận biết được phân số, phân số bằng nhau. | Bài 1a  Bài 2a |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - Rút gọn được phân số.  - Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số. | Bài 1  Bài 2  Bài 4 (a,b) |  |
| Quy đồng mẫu số các phân số | 1 tiết | Bước đầu biết qui đồng mẫu sồ hai phân số trong trường hợp đơn giản | Bài 1 |  |
| Quy đồng mẫu số các phân số (tt) | 1 tiết | Biết quy đồng mẫu số hai phân số | Bài 1  Bài 2 (a,b,c) |  |
| Luyện tập (tr.117) | 1 tiết | Thực hiện được quy đồng mẫu số hai phân số. | Bài 1 (a)  Bài 2 (a)  Bài 4 |  |
| **22** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập chung | 1 tiết | - Rút gọn được phân số.  - Quy đồng được mẫu số hai phân số | Bài 1, 2  Bài 3 (a,b,c) |  |
| So sánh hai phân số cùng mẫu số | 1 tiết | - Biết so sánh hai phân số cùng mẫu số.  - Nhận biết một số lớn hơn hoặc bé hơn | Bài 1  Bài 2 a,b(3 ý đầu) |  |
| Luyện tập | 1 tiết | - So sánh được hai phân số có cùng mẫu số.  - So sánh được một phân số với 1.  - Biết viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn | Bài 1  Bài 2 (5 ý cuối)  Bài 3 (a,c) |  |
| So sánh hai phân số khác mẫu số | 1 tiết | Biết so sánh hai phân số khác mẫu số | Bài 1  Bài 2 (a) |  |
| Luyện tập (tr.122) | 1 tiết | Biết so sánh hai phân số | Bài 1 (a,b)  Bài 2 (a,b)  Bài 3 |  |
| **23** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập chung (tr.123) | 1 tiết | - Biết so sánh hao,phân số.  - Biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9 trong một số trường hợp đơn giản | Kết hợp ba bài luyện tập chung trang 123,124 thành hai bài luyện tập chung)  Bài 1 (ở đầu tr. 123)  Bài 2 (ở đầu tr. 123)  Bài 1 a,c (ở cuối tr. 123)  a(chỉ cần tìm 1chữ số) |  |
| Luyện tập chung (tr.124) | 1 tiết | Biết tính chất cơ bản của phân số | Bài 2 (ở cuối tr. 123)  Bài 3 (tr. 124)  Bài 1 ((c, d) (tr.125 |  |
| Phép cộng phân số | 1 tiết | Biết cộng hai phân số cùng mẫu số | Bài 1  Bài 3 |  |
| Phép cộng phân số (tiếp theo) | 1 tiết | Biết cộng hai phân số khác mẫu số | Bài 1 (a, b, c)  Bài 2 (a, b) |  |
| Luyện tập (tr.128) | 1 tiết | - Rút gọn được phân số.  - Thực hiện được phép cộng hai phân số | Bài 1  Bài 2 (a, b)  Bài 3 (a, b) |  |
| **24** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập (tr.128) | 1 tiết | Thực hiện được phép cộng hai phân số, cộng một số tự nhiên với phân số, cộng một phân số với số tự nhiên | Bài 1  Bài 3 |  |
| Phép trừ phân số | 1 tiết | Biết trừ hai phân số cùng mẫu số | Bài 1  Bài 2 (a, b) |  |
| Phép trừ phân số (tiếp theo) | 1 tiết | Biết trừ hai phân số khác mẫu số |  |  |
| Luyện tập (tr.131) | 1 tiết | Thực hiện được phép trừ hai phân số, trừ một số tự nhiên cho một phân số, trừ một phân số cho một số tự nhiên | Bài 1  Bài 3 |  |
| Luyện tập chung (tr.131) | 1 tiết | -Thực hiện được cộng, trừ hai phân số, cộng (trừ) một số tự nhiên với (cho) một phân số, cộng (trừ) một phân số với (cho) một số tự nhiên.  - Biết tìm thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ phân số | Bài 1 (b, c)  Bài 2 (b, c)  Bài 3 |  |
| **25** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Phép nhân phân số | 1 tiết | Biết thực hiện phép nhân hai phân số | Bài 1  Bài 3 |  |
| Luyện tập (tr.133) | 1 tiết | Biết thực hiện phép nhân hai phân số, nhân phân số với số tự nhiên, nhận số tự nhiên với phân số | Bài 1  Bài 2  Bài 4 (a) |  |
| Luyện tập (tr.134) | 1 tiết | Biết giải bài toán liên quan đến phép cộng và phép nhân phân số. | Bài 2  Bài 3 |  |
| Tìm phân số của một số | 1 tiết | Biết cách giải bài toán dạng : Tìm phân số của một số. | Bài 1  Bài 2 |  |
| Phép chia phân số | 1 tiết | Biết thực hiện phép chia hai phân số: lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược | Bài 1 (3số đầu)  Bài 2  Bài 3 (a) |  |
| **26** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập (tr.136) | 1 tiết | -Thực hiện được phép chia hai phân số  -Biết tìm thành phần chia biết trong phép nhân, phép chia phân số | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập (tr.137) | 1 tiết | Thực hiện được phép chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập chung (tr.137) | 1 tiết | - Thực hiện được phép chia hai phân số.  - Biết cách tính và viết gọn phép chia một phân số cho số tự nhiên.  - Biết tìm phân số của một số. | Bài 1 (a, b)  Bài 2 (a, b)  Bài 4 |  |
| Luyện tập chung (tr.138) | 1 tiết | Thực hiện được các phép tính với phân số | Bài 1 (a, b)  Bài 2 (a, b)  Bài 3 (a, b)  Bài 4 (a, b) |  |
| Luyện tập chung (tr.138) | 1 tiết | - Thực hiện được các phép tính với phân số  - Biết giải bài toán có lời văn | Bài 1  Bài 3 (a, c)  Bài 4 |  |
| **27** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập chung (tr.139) | 1 tiết | - Rút gọn được phân số.  -Nhận biết được phân số bằng nhau.  - Biết giải bài toán có lời văn liên quan đến phân số | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Kiểm tra định kì cuối HKI | 1 tiết | Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau  - Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số tính chất cơ bản của phân số, phan số bằng nhau, rút gọn, so sánh phân số; viết các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé và ngược lại.  - Cộng, trừ, nhân, chia hai phân số; cộng, trừ, nhân phân số với số tự nhiên; chia phân số cho số tự nhiên khác 0  - Tính giá trị của biểu thức các phân số (không quá 3 phép tính) tìm một thành chưa biết trong phép tính.  - Chuyển đổi, thực hiện phép tính với số đo khối lượng, diện tích, thời gian.  - Nhận biết hình bình hành, hình thoi và một số đặc điểm của nó, tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình bình hành.  - Giải bài toán có đến 3 bước tính với các số tự nhiên hoặc phân số trong đó có các bài toán : Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; tìm phân số của một số. |  |  |
| Hình thoi | 1 tiết | Nhận biết được hình thoi và một số đặc điểm của nói | Bài 1  Bài 2 |  |
| Diện tích hình thoi | 1 tiết | Biết cách tính diện tích hình thoi | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập (tr.143) | 1 tiết | - Nhận biết được hình thoi và một số đặc điểm của nói  - Tính được diện tích hình thoi | Bài 1  Bài 2  Bài 4 |  |
| **28** | **Chương bốn: Phân số-các phép tính với phân số. Giới thiệu hình thoi** | Luyện tập chung (tr.144) | 1 tiết | - Nhận biết được một số tính chất của hình chữ nhật, hình thoi.  - Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| **Chương năm: Tỉ số-một số bài toán liên quan đến tì số. Tỉ lệ bản đồ** | Giới thiệu tỉ số | 1 tiết | Biết lập tỉ số của hai đại lượng cùng loại | Bài 1  Bài 3 |  |
| Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó | 1 tiết | Biết cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số đó. | Bài 1 |  |
| Luyện tập (tr.148) | 1 tiết | Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập (tr.149) | 1 tiết | Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó | Bài 1  Bài 3 |  |
| **29** | **Chương năm: Tỉ số-một số bài toán liên quan đến tì số. Tỉ lệ bản đồ** | Luyện tập chung (tr.149) | 1 tiết | - Viết được tỉ số của hai đại lượng cùng loại.  - Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó | Bài 1 (a, b)  Bài 3  Bài 4 |  |
| Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó | 1 tiết | Biết cách giải bài toán Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. | Bài 1 |  |
| Luyện tập (tr.151) | 1 tiết | Giải được bài toán Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó | Bài 1  Bài 2 |  |
| Luyện tập (tr.151) | 1 tiết | - Giải được bài toán Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.  - Biết nêu bài toán Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó theo sơ đồ cho trước. | Bài 1  Bài 3  Bài 4 |  |
| Luyện tập chung (tr.152) | 1 tiết | Giải được bài toán Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó. | Bài 2  Bài 4 |  |
| **30** | **Chương năm: Tỉ số-một số bài toán liên quan đến tì số. Tỉ lệ bản đồ** | Luyện tập chung (tr.153) | 1 tiết | - Thực hiện được các phép tính về phân số.  - Biết tìm phân số và tính được diện tích hình bình hành.  - Giải được bài toán liên quan đến tìm một trong hai số biết tổng (hiệu) của hai số đó. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Tỉ lệ bản đồ | 1 tiết | Bước đầu nhận biết được ý nghĩa và hiểu được tỉ lệ bản đồ là gì. | Bài 1  Bài 2 |  |
| Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ | 1 tiết | Bước đầu biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ. | Bài 1  Bài 2 |  |
| Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ (tt) | 1 tiết | Biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ | Bài 1  Bài 2 |
| Thực hành | 1 tiết | Tập đo độ dài đoạn thẳng trong thực tế, tập ước lượng. | Bài 1: HS có thể đo độ dài đoạn thẳng bằng thước dây, bước chân |  |
| **31** | **Chương năm: Tỉ số-một số bài toán liên quan đến tì số. Tỉ lệ bản đồ** | Thực hành (tiếp theo) | 1 tiết | Biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bàn đồ vào hình vẽ | Bài 1 |  |
| **Chương sáu:**  **Ôn tập** | Ôn tập về số tự nhiên (tr.160) | 1 tiết | - Đọc, viết được số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Nắm được hàng và lớp, giá trị của chữ số phụ thuộc vào vị trí của chữ số đó trong một số cụ thể  - Dãy số tự nhiên là dãy số đặc điểm của nó | Bài 1  Bài 3 (a)  Bài 4 |  |
| Ôn tập về số tự nhiên (tiếp theo)  (tr.161) | 1 tiết | - So sánh được các số có đến sáu chữ số  - Biết sắp xếp bốn số tự nhiện theo thứ tự từ lớn đến bé, từ bé đến lớn. | Bài 1 (dòng 1, 2)  Bài 2  Bài 3 |  |
| Ôn tập về số tự nhiên (tiếp theo)  (tr.161) | 1 tiết | Biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên (tr.162) | 1 tiết | - Biết đặt tính và thực hiện cộng, trừ các số tự nhiên.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính thuận tiện.  - Giải được bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ. | Bài 1 (dòng 1, 2)  Bài 2  Bài 4 (dòng 1)  Bài 5 |  |
| **32** | **Chương sáu:**  **Ôn tập** | Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên (tiếp theo)  (tr.163) | 1 tiết | - Biết đặt tính và thực hiện nhân các số tự nhiên với các số có không quá ba chữ số (tích không quá sáu chữ số)  - Biết đặt tính và thực hiện chia số có nhiều chữ số cho số không quá hai chữ số  - Biết so sánh số tự nhiên | Bài 1 (dòng 1, 2)  Bài 2  Bài 4 (cột 1) |  |
| Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên (tiếp theo)  (tr.164) | 1 tiết | - Tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ.  - Thực hiện được bốn phép tính với số tự nhiên.  - Biết giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên | Bài 1a  Bài 2  Bài 4 |  |
| Ôn tập về biểu đồ (tr.164) | 1 tiết | Biết nhận xét một số thông tin trên biểu đồ cột. | Bài 2  Bài 3 |  |
| Ôn tập về phân số | 1 tiết | Thực hiện được so sánh, rút gọn, quy đồng mẫu số các phân số. | Bài 1  Bài 3 (chọn 3 trong 5 ý)  Bài 4 (a, b)  Bài 5 |  |
| Ôn tập về các phép tính với phân số  (tr.167) | 1 tiết | - Thực hiện được cộng, trừ phân số.  - Tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ phân số | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| **33** | **Chương sáu:**  **Ôn tập** | Ôn tập về các phép tính với phân số (tiếp theo)  (tr.168) | 1 tiết | - Thực hiện được nhân, chia phân số.  - Tìm một thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số. | Bài 1  Bài 2  Bài 4 (a) |  |
| Ôn tập về các phép tính với phân số (tiếp theo)  (tr.169) | 1 tiết | -Tính giá trị của biểu thức với các phân số.  - Giải được các bài toán có lời văn với các phân số. | Bài 1 (a, c)  (chỉ yêu cầu tính)  Bài 2 (b)  Bài 3 |  |
| Ôn tập về các phép tính với phân số (tiếp theo)  (tr.170) | 1 tiết | -Thực hiện được bốn phép tính với phân số.  -Vận dụng được để tính giá trị của biểu thức và giải toán. | Bài 1  Bài 3 (a)  Bài 4 (a) |  |
| Ôn tập về đại lượng (tr.170) | 1 tiết | - Chuyển đổi được các số đo khối lượng.  - Thực hiện được phép tính với số đo đại lượng | Bài 1  Bài 2  Bài 4 |  |
| Ôn tập về đại lượng (tiếp theo)  (tr.171) | 1 tiết | - Chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian  - Thực hiện được phép tính với số đo thời gian. | Bài 1  Bài 2  Bài 4 |  |
| **34** | **Chương sáu:**  **Ôn tập** | Ôn tập về đại lượng (tiếp theo)  (tr.172) | 1 tiết | - Chuyển đổi được các đơn vị đo diện tích.  - Thực hiện được phép tính với số đo diện tích. | Bài 1  Bài 2  Bài 4 |  |
| Ôn tập về hình học (tr.173) | 1 tiết | - Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.  - Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật. | Bài 1  Bài 3  Bài 4 |  |
| Ôn tập về hình học (tiếp theo)  (tr.174) | 1 tiết | - Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.  - Tính được diện tích hình bình hành. | Bài 1  Bài 2  Bài 4 (chỉ y/c tính diện tích hình bình hành  ABCD) |  |
| Ôn tập về tìm số trung bình cộng  (tr.175) | 1 tiết | Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (tr.175) | 1 tiết | Giải được bài toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. | Bài 1  Bài 2  Bài 3 |  |
| **35** | **Chương sáu:**  **Ôn tập** | Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số đó  (tr.176) | 1 tiết | Giải được bài toán về tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số đó. | Bài 1 (2 cột)  Bài 2 (2 cột)  Bài 3 |  |
| Luyện tập chung (tr.176) | 1 tiết | - Vận dụng được bốn phép tính với phân số để biết giá trị của biểu thức và tìm thành phần chưa biết của phép tính.  - Giải bài toán có lời văn về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó | Bài 2  Bài 3  Bài 5 |  |
| Luyện tập chung (tr.177) | 1 tiết | - Đọc được số, xác định được giá trị của chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số tự nhiên.  - So sánh được hai phân số. | Bài 1  Bài 2 (thay phép chia 1 tiết  101598 : 287 bằng phép chia cho số có hai chữ số)  Bài 3 (cột 1)  Bài 4 |  |
| Luyện tập chung (tr.178) | 1 tiết | - viết được số.  - Chuyển đổi được số đo khối lượng.  - tính được giá trị của biểu thức chứa phân số. | Bài 1  Bài 2 (cột 1,2)  Bài 3 (b,c,d)  Bài 4 |  |
| Kiểm tra định kì cuối học kì II | 1 tiết | Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau :  - Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số, tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau, rút gọn phân số, so sánh phân số; viết các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé và ngược lại.  - Cộng, trừ, nhân, chia hai phân số; cộng, trừ, nhân phân số với số tự nhiên; chia phân số cho số tự nhiên khác không.  Tìm một thành phần chưa biết trong phép tính với các phân số.  - Chuyển đổi, thực hiện phép tính số số đo khối lượng, diện tích, thời gian. |  |  |

**MÔN ĐẠO ĐỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Sách giáo khoa** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Mạch**  **nội dung/Chủ đề** | **Tên bài học** | **TIẾT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** |  | Trung thực trong học tập | 1 tiết | - Nêu được một số biểu hiện của trung thực trong học tập.  - Biết được: Trung thực trong học tập giúp em học tập tiến bộ, được mọi người yêu mến.  - Hiểu được trung thực trong học tập là trách nhiệm của học sinh.  - Có thái độ hành vi trung thực trong học tập. | TTHCM: Khiêm tốn học hỏi. |  |
| **2** | 1 tiết |
| **3** |  | Vượt khó trong học tập | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về sự vượt khó học tập.  - Biết vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.  - Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập.  - Yêu mến, noi theo những tấm gương học sinh nghèo vượt khó. |  |  |
| **4** | 1 tiết |
| **5** |  | Biết bày tỏ ý kiến | 1 tiết | - Biết được: Trẻ em cần được bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.  - Bước đầu biết bày tỏ ý kiến của bản thân và lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác | GDBVMT : Học sinh bày tỏ ý kiến của mình về những việc làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh .  GDQP: Biết nhận khuyết điểm, biết phê bình cái xấu là tốt |  |
| **6** | 1 tiết |
| **7** |  | Tiết kiệm tiền của | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về tiết kiệm tiền của.  - Biết được lợi ích của tiết kiệm tiền của  - Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vỡ, đồ dùng, điện, nước....trong cuộc sống hàng ngày |  |  |
| **8** | 1 tiết |
| **9** |  | Tiết kiệm thời giờ | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về tiết kiệm thời giờ.  - Biết được lợi ích của tiết kiệm thời giờ.  - Bước đầu biết sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt.… hằng ngày một cách hợp lí. | TTHCM:  cần ,kiệm, liêm, chính |  |
| **10** | 1 tiết |
| **11** |  | **Kiểm tra định kì** | 1 tiết |  |  |  |
| **12** |  | Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ | 1 tiết | - Biết được: con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ nuôi dạy mình.  - Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình. |  |  |
| **13** | 1 tiết |
| **14** |  | Biết ơn thầy giáo , cô giáo | 1 tiết | - Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.  - Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo,  - Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo. |  |  |
| **15** | 1 tiết |
| **16** |  | Yêu lao động | 1 tiết | - Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.  - Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo,  - Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo. |  |  |
| **17** | 1 tiết |
| **18** |  | Kiểm tra định kì cuối học kì I | 1 tiết |  |  |  |
| **19** |  | Kính trọng, biết ơn người lao động | 1 tiết | - Biết vì sao cần phải kính trọng và biết ơn người lao động.  - Bước đầu biết cư sử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gìn thành quả lao động của họ |  |  |
| **20** | 1 tiết |
| **21** |  | Lịch sự với mọi người | 1 tiết | - Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.  - Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người,  - Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh. |  |  |
| **22** | 1 tiết |
| **23** |  | Giữ gìn các công trình công cộng | 1 tiết | - Biết được vì sao phải bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng.  - Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ công trình công cộng.  - Có ý thức bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương. | GDQP: Giải thích cho học sinh hiểu được lợi ích của việc bảo vệ tài sản chung |  |
| **24** | 1 tiết |
| **25** |  | Kiểm tra định kì | 1 tiết |  |  |  |
| **26** |  | Tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về hoạt động nhân đạo.  - thông cảm với bạn bè và những người gặp khó khăn, hoạn nạn ở lớp ở trường và cộng đồng.  - Tích cực tham gia một số hoạt động nhân đạo ở lớp, ở trường, ở địa phương phù hợp với khả năng và vận động bạn bè, gia đình cùng tham gia. |  |  |
| **27** | 1 tiết |
| **28** |  | Tôn trọng luật giao thông | 1 tiết | - Nêu được một số qui định khi tham gia giao thông (những qui định có Liên quan tới học sinh)  - Phân biệt được hành vi tôn trọng Luật Giao thông và vi phạm Luật Giao thông.  - Nghi chỉnh chấp hành Luật Giao thông trong cuộc sống hằng ngày. | GDQP: Ý nghĩa của việc tôn trọng Luật Giao thông, giữ gìn được tính mạng và tài sản của bản thân và cộng đồng |  |
| **29** | 1 tiết |
| **30** |  | Bảo vệ môi trường | 1 tiết | - Biết được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường (BVMT) và trách nhiệm tham gia BVMT.  - Nêu được những việc làm cần phù hợp với lứa tuổi BVMT.  - Tham gia BVMT ở nhà, ở trường học và nơi công cộng bằng những việc làm phù hợp với khả năng. | GDQP:Nêu tác hại ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người.  **BVGDMT**: HS có trách nhiệm giữ gìn môi trường trong sạch |  |
| **31** | 1 tiết |
| **32** | 1 tiết |
| **33** |  | Ôn tập | 1 tiết |  |  |  |
| **34** |  | Ôn tập | 1 tiết |  |  |  |
| **35** |  | Ôn tập | 1 tiết |  |  |  |

**MÔN KHOA HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Sách giáo khoa** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Mạch nội dung/**  **Chủ đề** | **Tên bài học** | **TIẾT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | **Con người và sức khỏe** | Con người cần gì đế sống? | 1 tiết | - Nêu được con người cần thức ăn,nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống. |  |  |
| Trao đổi chất ở người | 1 tiết | - Nêu được một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường như: lấy vào khí ô- xi, thức ăn, nước uống; thải ra khí các -bô- nic, phân và nước tiểu.  - Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường. |  |  |
| **2** | **Con người và sức khỏe** | Trao đổi chất ở người (Tiếp) | 1 tiết | - Kể tên một số cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình trao đổi chất ở người: tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết.  - Biết được nếu một trong các cơ quan trên ngừng hoạt động, cơ thể sẽ chết. |  |  |
| Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn, vai trò của chất bột đường | 1 tiết | - Kể tên các chất dinh dưỡng có trong thức ăn: chất bột đường, chất đạm, chất béo, vitamin, chất khoáng.  - Kể tên những thức ănchứa nhiều chất bột đường: gạo, bánh mì, khoai, ngô, sắn...  - Nêu được vai trò của chất bột đường đói với cơ thể: cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ cơ thể. |  |  |
| **3** | **Con người và sức khỏe** | Vai trò của chất đạm và chất béo | 1 tiết | - Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thit, cá, trứng, tôm, cua...) và chất béo (mỡ, dầu, bơ....)  - Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:  + Chất đạm giúp xây dựng và đổi mới cơ thể.  + Chất béo giàu năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ vitamin A, D, E, K. |  |  |
| Vai trò của vi-ta-min, chất khoáng và chất xơ | 1 tiết | - Kể tên những thức ăn chứa nhiều vitamin (cà rốt, lòng đỏ trứng, các loại rau...), chất khoáng (thịt, cá, trứng...), và chất xơ (các loại rau)  - Nêu được vai trò của vitamin, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể:  + vitamin rất cần cho cơ thể, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh  + Chất khoáng tham gia xây dựng cơ thể, tạo men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.  + Chất xơ không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá |  |  |
| **4** | **Con người và sức khỏe** | Tại sao cần ăn phối hợp nhiều loại thức ăn? | 1 tiết | - Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng.  - Biết được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.  - Chỉ vào bảng tháp dinh dưỡng cân đối và nói: cần ăn đủ nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường,nhóm chứa nhiều vitamin và chất khoáng; ăn vừa phải nhóm thức ăn chứa nhiều chất đạm; ăn có mức độ nhóm chứa nhiều chất béo; ăn ít đường và hạn chế ăn muối. |  |  |
| Tại sao cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật? | 1 tiết | - Biết được cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm TV để cunng cấp đầy đủ chất cho cơ thể.  - Nêu ích lợi của việc ăn cá: đạm của cá dễ tiêu hơnđạm của gia súc , gia cầm. |  |  |
| **5** | **Con người và sức khỏe** | Sử dụng hợp lí các chất béo và muối ăn | 1 tiết | - Biết được cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và thực vật  - Nói về lợi ích của muối iốt(giúp cơ thể phát triển thể lực và trí tuệ).. Tác hại của thói quen ăn mặn(dễ gây bệnh huyết áp cao) |  |  |
| Ăn nhiều rau và quả chín, sử dụng thực phẩm sạch và an toàn | 1 tiết | - Biết được hàng ngày cần ăn nhiều rau và qủa chín, sử dụng thực phẩm sạch và an toàn.  - Nêu được:  + Một số tiêu chuẩn của thực phẩm sạch và an toàn (Giữ được chất dinh dưỡng; được nuôi, trồng, bảo quản và chế biến hợp vệ sinh; không bị nhiễm khuẩn, hoá chất; không gây ngộ độc hoặc gây hại lâu dài cho sức khoẻ con người).  +Một số biện pháp thực hiện vệ sinh ATTP (chọn thức ăn tươi, sạch, có giá trị dinh dưỡng, không có màu sắc, mùi vị lạ; dùng nước sạch để rửa thực phẩm, dụng cụ để nấu ăn; nấu chín thức ăn, nấu xong nên ăn ngay; bảo quản đúng cách những thức ăn chưa dùng hết). | GDBV MT: HS biết vệ sinh thực phẩm an toàn để không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, biết ăn nhiều rau quả sẽ có lợi cho sức khỏe. |  |
| **6** | **Con người và sức khỏe** | Một số cách bảo quản thức ăn | 1 tiết | - Kể tên một số cách bảo quản thức ăn: làm khô, ướp lạnh, ướp mặn, đóng hộp,…  - Thực hiện một số biện pháp bảo quản thức ăn ở nhà. |  |  |
| Phòng một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng | 1 tiết | - Nêu cách phòng tránh 1 số bệnh do ăn thiếu chất dinh dưỡng  + Thường xuyên theo dõi cân nặng của em bé.  + Cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng.  - Đưa trẻ đi khám để chữa bệnh kịp thời. |  |  |
| **7** | **Con người và sức khỏe** | Phòng bệnh béo phì | 1 tiết | Nêu cách phòng bệnh béo phì:  - Ăn uống hợp lí, điều độ, ăn chậm, nhai kĩ.  - Năng vận động cơ thể, đi bộ và luyện tập TDTT. |  |  |
| Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa | 1 tiết | - Kể tên một số bệnh lây qua đường tiêu hoá: tiêu chảy, tả, lị,...  1 tiết  - Nêu ng/nhân gây ra 1 số bệnh lây qua đường tiêu hoá: uống nước lã, ăn uống không vệ sinh, dùng thức ăn ôi thiu.  - Nêu cách phòng tránh một số bệnh lây qua đường tiêu hoá:  + Giữ vệ sinh ăn uống.  + Giữ vệ sinh cá nhân.  + Giữ vệ sinh môi trường.  - Thực hiện giữ vệ sinh ăn uống để phòng bệnh. |  |  |
| **8** | **Con người và sức khỏe** | Bạn cảm thấy thế nào khi bị bệnh? | 1 tiết | - Nêu được một số biểu hiện khi cơ thể bị bệnh: hắt hơi, sổ mũi, chán ăn, mệt mỏi, đau bụng, nôn, sốt,…  - Biết nói với cha mẹ, người lớn khi cảm thấy trong người khó chịu, không bình thường.  - Phân biệt được lúc cơ thể khoẻ mạnh và lúc cơ thể bị bệnh. |  |  |
| Ăn uống khi bị bệnh | 1 tiết | - Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.  - Biết ăn uống hợp lí khi bị bệnh.  - Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy: pha được dung dịch ô-rê-dôn hoặc chuẩn bị nước cháo muối khi bản thân hoặc người thân bị tiêu chảy. |  |  |
| **9** | **Con người và sức khỏe** | Phòng tránh tai nạn đuối nước | 1 tiết | - Nêu được một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước:  + Không chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối; giếng, chum, vại, bể nước phải có nắp đậy.  + Chấp hành các quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường thuỷ.  + Tập bơi khi có người lớn và phương tiện cứu hộ.  - Thực hiện được các quy tắc an toàn phòng tránh đuói nước. |  |  |
| Ôn tập : Con người và sức khỏe | 1 tiết | Ôn tập các kiến thức về:  - Sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.  - Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng.  - Cách phòng tránh một số bệnh do thiếu hoặc ăn thừa chất dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá.  - Dinh dưỡng hợp lý.  - Phòng tránh đuối nước |  |  |
| **10** | Ôn tập : Con người và sức khỏe | 1 tiết |  |  |
| **Vật chất và năng lượng** | Nước có những tính chất gì? | 1 tiết | - Nêu được một số t/ chất của nước: nước là chất lỏng , trong suốt,không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; nước chẩy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hoà tan một số chất.  - Quan sát và làm thi nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của nước.  - Nêu đươc ví dụ về ứng dụng một số tính chất của nước trong đời sống: làm mái nhà dốc cho nước mưa chảy xuống, làm áo mưa để mặc không bị ướt,… | GDBVMT: Liên hệ |  |
| **11** | Ba thể của nước | 1 tiết | - Nêu được nước tồn tại ỏ 3 thể: lỏng, khí , rắn.  - Làm thí nghiệm về sự chuyển thể của nước từ thể lỏng thành thể khí và ngược lại. | GDBVMT:  ( liên hệ )  - Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên |  |
| Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra? | 1 tiết | - Biết mây, mưa là sự chuyển thể của nước trong tự nhiên. | GDBVMT:  ( liên hệ )  Tại sao chúng ta phải giữ gìn môi trường nước tự nhiên xung quanh mình ? |  |
| **12** | **Vật chất và năng lượng** | Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên | 1 tiết | - Hoàn thành sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.  - Mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên:chỉ vào sơ đồ và nói về sự bay hơi,ngưng tụ của nước trong tự nhiên. |  |  |
| Nước cần cho sự sống | 1 tiết | - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt;  + Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinnh vật. Nước giúp thải các chất thừa,chất độc hại.  + Nước được sử dụng trong đời sống hàng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. |  |  |
| **13** | **Vật chất và năng lượng** | Nước bị ô nhiễm | 1 tiết | - Nêu đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:  + Nước sạch : trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinnh vật hoặc các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ con người.  + Nước bị ô nhiễm:có màu,có chất bẩn,có mùi hôi,chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép ,chứa các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ . | **GDBVMT**: Có ý thức bảo vệ môi trường nước. |  |
| Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm | 1 tiết | - Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước:  + Xả rác,phân, nước thải bừa bãi,…  + Sử dụng phân bón hoá học,thuốc trừ sâu.  + Khói bụi và khí thải từ nhà máy,…  + Vỡ đường ống dẫn dầu,…  - Nêu tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khoẻ con người: lan truyền nhiều bệnh,80% các bệnh là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm. | ***GDBVMT****:* Mỗi chúng ta phải có ý thức giữ gìn nguồn nước. Không xả rác, chất cặn bã hay các chất độc hại xuống cống rãnh, sông suối,… làm ô nhiễm môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người |  |
| **14** | **Vật chất và năng lượng** | Một số cách làm nước sạch | 1 tiết | - Nêu được một số cách làm sạch nước: lọc, khử trùng, đun sôi,…  - Biết đun sôi nước trước khi uống.  - Biết phải diệt hết các vi khuẩnvà loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước. | GDBVMT:HS có ý thức bảo vệ nguồn nước |  |
| Bảo vệ nguồn nước | 1 tiết | - Nêu được một số biện phá để bảo vệ nguồn nước:  +Phải vệ sinh xunng quanh nguồn nước.  +Làm nhà tiêu tự hoại xa nnguồn nước.  +Xử lí nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải…  - Thực hiện bảo vệ nguồn nước. | **GDBVM**T*:* HScó ý thức bảo vệ nguồn nước nhằm bảo vệ môi trường thiên nhiên |  |
| **15** | **Vật chất và năng lượng** | Tiết kiệm nước | 1 tiết | - Thực hiện tiết kiệm nước. | **GDBVMT**: HS có ý thức bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước, vận động, tuyên truyền mọi người cùng thực hiện |  |
| Làm thế nào để biết có không khí? | 1 tiết | - Làm TN để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong các vật đều có không khí. | **GDBVMT**:HS có ý thức bảo vệ bầu không khí luôn trong sạch. |  |
| **16** | **Vật chất và năng lượng** | Không khí có những tính chất gì? | 1 tiết | - Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của không khí: trong suốt, không màu, không mùi, không có hình dạng nhất định; không khí có thể bị nén lại hoặc giãn ra.  - Nêu một số ví dụ về việc ứng dụng một số T/C của không khí trong đời sống: bơm xe,… |  |  |
| Không khí cần những thành phần nào? | 1 tiết | - Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số thành phần của không khí: khí ni tơ, khí ôxi, khí các-bon-níc.  - Nêu được thành phần chính của không khí gồm khí ni tơ và khí ôxi. Ngoài ra còn có khí các-bô- níc, hơi nước, bụi, vi khuẩn,... |  |  |
| **17** | **Vật chất và năng lượng** | Ôn tập và kiểm tra học kì I | 1 tiết | Ôn tập các kiến thức về:  - Tháp dinh dưỡng cân đối.  - Một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí.  - Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.  - Vai trò của nước và không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí. |  |  |
| Ôn tập và kiểm tra học kì I | 1 tiết |  |  |
| **18** | **Vật chất và năng lượng** | Không khí cần cho sự sống | 1 tiết | - Làm thí nghiệm chứng tỏ:  + Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô-xi để duy trì sự cháy được lâu hơn.  + Muốn sự cháy diễn ra liên tục không khí phải được lưu thông  - Nêu ứng dụng thực tế liên quan đến vai trò của không khí đối với sự cháy: Thổi bếp lửa cho lửa cháy to hơn, dập tắt lửa khi có hoả hoạn… | GDBVMT: Có ý thức giữ sạch bầu không khí trong sạch |  |
| Không khí cần cho sự cháy | 1 tiết | - Nêu được con người, động vật và thực vật phải có không khí để thở thì mới sống được. |  |  |
| **19** | **Vật chất và năng lượng** | Tại sao có gió? | 1 tiết | - Làm thí nghiệm để nhận ra không khí chuyển động tạo thành gió.  - Giải thích dược nguyên nhân gây ra gió. |  |  |
| Gió nhẹ, gió mạnh, phòng chống bão | 1 tiết | - Nêu được một số tác hại của bão: thiệt hại về người và của.  - Nêu cách phòng chống bão:  + Theo dõi bản tin thời tiết  + Cắt điện. Tàu thuyền không ra khơi.  +Đến nơi trú ẩn an toàn. | GDBVMT: HS có ý thức phòng chống bão. |  |
| **20** | **Vật chất và năng lượng** | Không khí bị ô nhiễm | 1 tiết | - Nêu những nguyên nhân gây nhiễm bầu không khí: khói bụi,khí độc, vi khuẩn,… |  |  |
| Bảo vệ bầu không khí trong sạch | 1 tiết | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ bầu không khíỉtong sachhj:thu gom,xử lí phân,rác hợp lí;giảm khí thải,bảo vệ rừng và trồng cây,… | *GDBVMT:* Học sinh nắm được mối quan hệ giữa con người với môi trường |  |
| **21** | **Vật chất và năng lượng** | Âm thanh | 1 tiết | - Nhận biết được âm thanh do vật dung động phát ra. |  |  |
| Sự lan truyền của âm thanh | 1 tiết | - Nêu ví dụ chứng tỏ âm thanh có thể lan truyền qua chất khí, chất rắn, chất lỏng |  |  |
| **22** | **Vật chất và năng lượng** | Âm thanh trong cuộc sống | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống : âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt,học tập ,lao động, giải trí; dùng để báo hiệu(còi tàu ,xe,trống trường,…) |  |  |
| Âm thanh trong cuộc sống (Tiếp) | 1 tiết | + Nêu được ví dụ về:  -Tác hại của tiếng ồn :ảnh hưởng đến sức khoẻ(đau đầu,mất ngủ),gây mất tập trung trong công việc,học tập,…  - Môt số biện pháp chống tiếng ồn.  + Thực hiện các qui định không gây ồn nơi công cộng.  + Biết cách phồng chống tiếng ồn trong cuộc sống:bịt tai khi nghe âm thanh quá to,đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn,… | **GDBVMT**: HS biết được mối quan hệ giữa con người với môi trường |  |
| **23** | **Vật chất và năng lượng** | Ánh sáng | 1 tiết | - Nêu được ví dụ các vật tự phát sáng, các vật được chiếu sáng:  + Vật tự phát sáng: mặt trời,ngọn lửa…  +Vật được chiếu sáng:mặt trăng ,bàn ghế…  - Nêu được một số vật cho ánh sáng truyền qua hoặc không truyền qua.  - Nhận biết được ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật đó truyền tới mắt |  |  |
| Bóng tối | 1 tiết | - Nêu được bóng tối xuất hiện phía sau vật cản sáng khi được chiếu sáng  - Nhận biết được khi vị trí của vật cản sáng thay đổi thì bóng của vật đó thay đổi |  |  |
| **24** | **Vật chất và năng lượng** | Ánh sáng cần cho sự sống | 1 tiết | - Nêu được thực vật cần ánh sáng để duy trì sự sống. |  |  |
| Ánh sáng cần cho sự sống (Tiếp) | 1 tiết | - Nêu được vai trò của ánh sáng :  + Đối với đời sống của con người: có thức ăn, sưởi ấm, sức khoẻ.  + Đối với động vật: di chuyển, kiếm ăn, tránh kẻ thù. |  |  |
| **25** | **Vật chất và năng lượng** | Ánh sáng và việc bảo vệ đôi mắt | 1 tiết | - Tránh để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt : không nhìn thẳng vào mặt trời,không chiếu đèn pin vào mắt nhau.  - Tránh đọc, viết ở nơi ánh sáng quá yếu |  |  |
| Nóng lạnh và nhiệt độ | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn.  - Biết sử dụng Nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí. |  |  |
| **26** | **Vật chất và năng lượng** | Nóng lạnh và nhiệt độ (Tiếp) | 1 tiết | - Nhận biết được chất lỏng nở ra khi nóng lên,co lại khi lạnh đi.  - Nhận biết được vật ở gần vật nónghơn thì thu nhiệt nên nóng lên; vật ở gần vật lạnh hơn thì toả nhiệtnên lạnh đi. |  |  |
| Vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt | 1 tiết | - Kể tên được những vật dẫn nhiệt tốt (kim loại...) và những vật dẫn nhiệt kém (gỗ, nhựa...)  + Các kim loại (đồng nhôm…) dẫn nhiệt tốt.  + Không khí, các vật xốp như bông len,… dẫn nhiệt kém. |  |  |
| **27** | **Vật chất và năng lượng** | Các nguồn nhiệt | 1 tiết | - Kể tên, nêu vai trò của một số nguồn nhiệt thường gặp trong c/ sống  - Thực hiện được một số biện pháp an toàn, tiết kiệm khi sử dụng các nguồn nhiệt trong sinh hoạt. Ví dụ: Theo dõi khi đun nấu, tắt bếp khi đun xong… | **GDBVMT**: Ý thức tiết kiệm khi sử dụng nguồn nhiệt trong cuộc sống hằng ngày. |  |
| Nhiệt cần cho sự sống | 1 tiết | - Nêu vai trò của nhiệt đối với sự sống trên trái đất | **GDBVMT**: Có ý thức bảo vệ môi trường sống của mình |  |
| **28** | **Vật chất và năng lượng** | Ôn tập vật chất và năng lượng | 1 tiết | Ôn tập về:  - Các kiến thức về nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, nhiệt.  - Các kỹ năng q/sát, làm thí nghiệm, bảo vệ môi trường, giữ gìn sức khoẻ |  |  |
| Ôn tập vật chất và năng lượng (Tiếp) | 1 tiết |  |  |
| **29** | **Thực vật và động vật** | Thực vật cần gì để sống? | 1 tiết | - Nêu những yếu tố cần để duy trì sự sống của thực vậy: nước, không khí, ánh sáng, nhiệt độ, và các chất khoáng. |  |  |
| Nhu cầu nước của thực vật | 1 tiết | Biết mỗi loài thực vật, mỗi giai đoạn phát triển của thực vật có nhu cầu về nước khác nhau. |  |  |
| **30** | **Thực vật và động vật** | Nhu cầu chất khoáng của thực vật | 1 tiết | Biết mỗi loài thực vật, mỗi giai đoạn phát triển của thực vật có nhu cầu về chất khoáng khác nhau. |  |  |
| Nhu cầu không khí của thực vật | 1 tiết | Biết mỗi loài thực vật, mỗi giai đoạn phát triển của thực vật có nhu cầu về không khí khác nhau. |  |  |
| **31** | **Thực vật và động vật** | Trao đổi ở thực vật | 1 tiết | - Trình bày được sự trao đổi chất của thực vật với môi trường: thực vật thường xuyên phải lấy từ môi trường các chất khoáng, khí các-bô-níc, khí ô-xi và thải ra hơi nước, khí ô-xi, chất khoáng khác…  - Thể hiện sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường bằng sơ đồ. |  |  |
| Động vật cần gì để sống? | 1 tiết | - Nêu những yếu tố cần để duy trì sự sống của ĐV như: nước, thức ăn, không khí, ánh sáng. | *GDMT:* HS có ý thức chăm sóc vật nuôi ở gia đình và trong tự nhiên. |  |
| **32** | **Thực vật và động vật** | Động vật ăn gì để sống? | 1 tiết | - Kể tên một số con vật và thức ăn của chúng. |  |  |
| Trao đổi chất ở động vật | 1 tiết | - Trình bày được sự trao đổi chất của động vật với môi trường: động vật thường xuyên lấy từ môi trường thức ăn, nước, khí ô-xi và thải ra các chất cặn bã, khí các-bô-níc, nước tiểu,…  - Thể hiện sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường bằng sơ đồ. |  |  |
| **33** | **Thực vật và động vật** | Quan hệ thức ăn trong tự nhiên | 1 tiết | - Vẽ sơ đồ mqhệ sinh vật này là thức ăn của vật kia. |  |  |
| Chuỗi thức ăn trong tự nhiên | 1 tiết | - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.  - Thể hiện mqhệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ. |  |  |
| **34** | **Thực vật và động vật** | Ôn tập: Thực vật và động vật | 1 tiết | Ôn tập về:  - Vẽ và trình bày sơ đồ (bằng chữ) mối quan hệ về thức ăn của một nhóm sinh vật.  - Phân tích được vai trò của con người với tư cách là một mắt xích của chuỗi thức ăn. |  |  |
| Ôn tập: Thực vật và động vật (Tiếp) | 1 tiết |  |  |
| **35** | **Thực vật và động vật** | Ôn tập học kì II | 1 tiết | Ôn tập về:  - Thành phần các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của không khí, nước trong đời sống .  - Vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất  - Kĩ năng phán đoán, giải thích qua một số bài tập về nước, không khí, ánh sáng, nhiệt. |  |  |
| Kiểm tra học kì II | 1 tiết |  |  |

**MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÝ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Sách giáo khoa** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Mạch nội dung/Chủ đề** | **Tên bài học** | **TIẾT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | **Phần Mở đầu** | Môn lịch sử và địa lí | 1 tiết | - Biết môn LS&ĐL ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con người Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng nước và giỡ nước từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.  - Biết môn LS&ĐL góp phần giáo dục HS tình yêu thiên nhiên, con người và đất nước Việt Nam. |  |  |
| **Phần Mở đầu** | Làm quen với bản đồ | 1 tiết | - Biết bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.  - Biết một số yếu tố của bản đồ: Tên, phương hướng, tỷ lệ, kí hiệu bản đồ,... | GDQP:Giới thiệu Bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam |  |
| **2** | **Phần Mở đầu** | Làm quen với bản đồ(tt) | 1 tiết | - Nêu được các bước sử dụng bản đồ: đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử hay địa lí trên bản đồ.  - Biết đọc bản đồ ở mức độ đơn giản: nhận biết vị trí, đặc điểm của đối tượng trên bản đồ; dựa vào kí hiệu màu sắc phân biệt độ cao, nhận biết núi, cao nguyên, đồng bằng, biển |  |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Dãy Hoàng Liên Sơn | 1 tiết | - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của dãy Hoàng Liên Sơn:  + Dãy núi cao và đồ sộ nhất Việt Nam: có nhiều đỉnh nhọn, sườn núi dốc, thung lũng hẹp và sâu.  + Khí hậu ở nhưng nơi cao lạnh quanh năm.  - Chỉ vị trí của dãy núi Hoàng Liên Sơn trên bản đồ TNVN  - Sử dụng bảng số liệu để nêu đặc điểm khí hậu ở mức độ đơn giản: dựa vào bảng số liệu cho sẵn để nhận xét về nhiệt độ của SaPa vào tháng 1 và tháng 7 | GDQP: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm |  |
| **3** | **Buổi đầu dựng nước và giữ nước**  **(Khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN)** | Nước Văn Lang | 1 tiết | Học xong bài HS biết:  - Nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên trong lịch sử nước ta. Nhà nước này ra đời khoảng 700 năm TCN  - Mô tả sơ lược về tổ chức xã hội thời Hùng Vương đời sống vật chất và tinh thần của người Lạc Việt | Giảm ND cấu trúc XH Văn Lang giúp vua…là nô tì/12; CH3/14 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn | 1 tiết | Học xong bài HS biết:  - Trình bày được đặc điểm tiêu biểu về dân cư, về sinh hoạt, trang phục, lễ hội...  - Dựa vào tranh ảnh bảng số liệu để tìm ra kiến thức  - Xác lập mqhệ địa lý giữa thiên nhiên và sinh hoạt của con người ở HLS  - Tôn trọng truyền thống văn hoá ở HLS | Giảm câu hỏi 1,2 (76) |  |
| **4** | **Buổi đầu dựng nước và giữ nước**  **(Khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN)** | Nước Âu Lạc | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Nước Âu Lạc là sự nối tiếp của nước Văn Lang  - Thời gian tồn tại của nước Âu Lạc, tên Vua, nơi kinh đô đóng  - Sự phát triển về quân sự của nước Âu Lạc  - Nguyên nhân thắng lợi và thất bại của nước Âu Lạc trước sự xâm lược của Triệu Đà | Giảm phần chữ nhỏ đầu bài/15. Diễn đạt lại CH2/17 cho dễ hiểu hơn |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Hoạt động sản suất của người dân ở hoàng Liên Sơn | 1 tiết | Học xong bài HS biết:  - Trình bày những đặc điểm tiêu biểu về HĐ sản xuất của người dân ở HLS  - Dựa vào tranh ảnh để tìm ra kiến thức  - Dựa vào hình vẽ nêu được quy trình sản xuất phân lân  - Xác lập được mqhệ địa lý giữa thiên nhiên và HĐSX | Giảm phần chữ nhỏ đầu bài/15. Diễn đạt lại CH2/17 cho dễ hiểu hơn |  |
| **5** | **Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập**  **(Từ 179 TCN đến năm 938)** | Nước ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc | 1 tiết | - HS biết từ năm 179 TCN đến năm 938, nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ.  - HS kể lại 1 số chính sách áp bức bóc lột của các triều đại phong kiến...  - HS biết nhân dân ta đã không cam chịu làm nô lệ, liên tục đứng lên khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược, gìn giữ nền văn hóa dân tộc. | Giảm ND"Bằng chiến thắng Bạch Đằng…"/18. Giảm CH3/18 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Trung du bắc bộ | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Mô tả được vùng trung du Bắc Bộ.  - Xác lập được mối quan hệ giữa thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người.  - Nêu được quy trình chế biến chè.  - Dựa vào tranh ảnh, bảng số liệu để tìm kiến thức.  - Có ý thức bảo vệ rừng và tham gia trồng cây. | Giảm bảng số liệu .. trồng rừng ..(61) |  |
| **6** | **Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập**  **(Từ 179 TCN đến năm 938)** | Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Năm 40) | 1 tiết | Học xong bài HS biết:  - Vì sao Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa  - Tường thuật được trên lược đồ diễn biến khởi nghĩa  - Đây là cuộc khởi nghĩa thắng lợi đầu tiên sau hơn 200 năm nước ta bị triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ | Bỏ CH2/21 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Tây Nguyên | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Vị trí các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam  - Trình bày được một số đặc điểm của Tây Nguyên ( Vị trí, địa hình, khí hậu  - Dựa vào lược đồ (BĐ) bảng số liệu, tranh/ả để tìm KT | GDQP:Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của các dân tộc Tây Nguyên cùng với bộ đội trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ |  |
| **7** | **Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập**  **(Từ 179 TCN đến năm 938)** | Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo (Năm 938) | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Vì sao có trận Bạch Đằng  - Kể được diễn biến chính của trận Bạch Đằng  - Trình bày được ý nghĩa của trận Bạch Đằng | - Giảm phần chữ nhỏ đầu bài/21.  - Thay KQ Chiến thắng Bạch Đằng vào CH2/23 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Một số dân tộc ở Tây Nguyên | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Một số dân tộc ở Tây Nguyên.  - Trình bày được đặc điểm tiêu biểu về dân cư, buôn làng, sinh hoạt, trang phục...  - Mô tả về nhà rông ở Tây Nguyên.  - Dựa vào lược đồ (bản đồ) , tranh, ảnh để tìm kiến thức.  - Có ý thức tôn trọng truyền thống văn hoá | Giảm yc nhận xét về trang phục …(85), CH2.3(86) |  |
| **8** | **Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập**  **(Từ 179 TCN đến năm 938)** | Ôn tập | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết  - Từ bài 1 đến bài 5 học về hai giai đoạn LS: Buổi đầu dựng nước và giữ nước; Hơn 1000 năm đấu tranh giành lại độc lập  - Kể tên những sự kiện lịch sử tiêu biểu trong hai thời kỳ này rồi thể hiện nó trên trục và băng thời gian | Giảm y/c1: Em hãy kẻ bảng…/24 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Hoạt động sản suất của người dân ở Tây Nguyên | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Trình bày 1 số hoạt động tiêu biểu về hoạt động sản xuất của người dân ở Tây Nguyên.  - Dựa vào lược đồ (BĐ) Bảng số liệu, tr/ ảnh để tìm kiến thức..  - Xác lập mối quan hệ địa lý giữa thiên nhiên với hoạt động sản xuất của con người. | Giảm y/c dựa vào bảng số liệu…(88) giảm CH3(89) |  |
| **9** | **Buổi đầu độc lập**  **(từ năm 938 đến năm 1009)** | Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết  - Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào cảnh loạn lạc, nền kinh tế bị kìm hãm bởi chiến tranh liên miên  - Đinh Bộ Lĩnh đã có công thống nhất đ/nước lập nên nhà Đinh | Giảm chữ nhỏ đầu bài, nội dung"Tình hình nước ta…" (Ghi nhớ/27, CH1,2/27) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Hoạt động sản suất của người dân ở Tây Nguyên (tt) | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết  - Trình bày 1 số đặc điểm tiêu biểu về h/ động sản xuất của người dân ở Tây Nguyên  - Nêu quy trình làm ra các sản phẩm đồ gỗ  - Dựa vào lược đồ( bản đồ) tranh ảnh để tìm kiến thức  - Xác lập mq hệ giữa tự nhiên với HĐ sản xuất của con người  - Có ý thức tôn trọng bảo vệ thành quả lao động của người dân | Nội dung việc khai thác rừng…sản xuất(92-93) chuyển thành đọc thêm |  |
| **10** | **Buổi đầu độc lập**  **(từ năm 938 đến năm 1009)** | Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (Năm 938) | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Lê Hoàn lên ngôi vua là phù hợp với yêu cầu của đất nước và hợp với lòng dân  - Kể lại được d/biến cuộc kh/chiến chống quân Tống xâm lược  - ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến | Giảm yêu cầu dựa vào hình 2 trình bày diễn biến cuộc kháng chiến; Câu hỏi 2 (29) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Thành phố Đà Lạt | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Vị trí của thành phố Đà Lạt trên bản đồ Việt Nam.  - Trình bày được những đ/điểm tiêu biểu của thành phố Đà Lạt.  - Dựa vào lược đồ( bản đồ), tranh ảnh để tìm kiến thức.  - Xác lập mqhệ địa lý, thiên nhiên với HĐSX của con người. | Giảm yêu cầu quan sát hình 3 tên một số loài hoa…ở hình 4 |  |
| **11** | **Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm 1226)** | Nhà Lý dời đô ra Thăng Long | 1 tiết | - Tiếp theo nhà Lê là nhà Lý. Lý Thái Tổ là ông vua đầu tiên của nhà Lý, ông cũng là người đầu tiên xây dựng kinh thành Thăng Long. Sau đó, Lý Thánh Tông đặt tên nước là Đại Việt  - Kinh đô Thăng Long thời Lý ngày càng phồn thịnh. |  |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền núi và trung du** | Ôn tập | 1 tiết | Sau bài học HS biết:  - Hệ thống được đặc điểm chính về thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn, trung du Bắc Bộ và Tây Nguyên  - Chỉ được dãy núi Hoàng Liên Sơn, các cao nguyên ở Tây Nguyên và thành phố Đà Lạt trên bản đồ địa lý tự nhiên VN | Giảm nội dung trang phục,hoạt động lễ hội (yêu cầu 2-Tr77) |  |
| **12** | **Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm 1226)** | Chùa thời Lý | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Đến thời Lý, đạo phật phát triển thịnh đạt nhất  - Thời Lý, chùa được xây dựng ở nhiều nơi  - Chùa là công trình kiến trúc đẹp | Thay từ thịnh đạt bằng rất phát triển (câu hỏi-33); giảm câu hỏi 2 |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Đồng bằng Bắc Bộ | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Chỉ vị trí của ĐBBB trên bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam  - Trình bày một số đặc điểm của đồng bằng Bắc Bộ, vai trò của hệ thống đê ven sông.  - Dựa vào bản đồ tranh ảnh để tìm kiến thức  - Tôn trọng và bảo vệ các thành quả lao động của con người | Bỏ yêu cầu tìm một số sông khác (Tr-98) |  |
| **13** | **Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm 1226)** | Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (1075-1077) | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Trình bày sơ lược nguyên nhân, diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống quân Tống dưới thời Lý  - Tường thuật sinh động trận quyết chiến trên phòng tuyến sông Cầu  - Ta thắng được quân Tống bởi tinh thần dũng cảm và thông minh của quân dân. Người anh hùng tiêu biểu của cuộc kháng chiến này là Lý Thường Kiệt | Giảm phần mở đầu: Sau thất bại…rút về(Tr-34) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Đây là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước  - Dựa vào tranh, ảnh để tìm kiến thức  - Trình bày một số đặc điểm về nhà ở, làng xóm, trang phục và lễ hội của người Kinh  - Sự thích ứng của con người với thiên nhiên thông qua cách xây dựng nhà ở  - Tôn trọng các thành quả lao động của người dân và truyền thống văn hoá của dân tộc. | Giảm nội dung; làng Việt cổ (Tr100) và yêu cầu mô tả …Tr101), câu hỏi 1(103) chỉ hỏi về dân tộc kinh. Bỏ nội dung lễ hội để làm gì (câu hỏi 2-103) |  |
| **14** | **Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)** | Nhà Trần thành lập | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Hoàn cảnh ra đời của nhà Trần  - Về cơ bản nhà Trần cũng giống nhà Lý về tổ chức nhà nước, luật pháp và quân đội. Đặc biệt là mối quan hệ giữa vua với quan, vua với dân rất gần gũi | Giảm yêu cầu : Em có nhận xét…nhà Trần (38) giải thích bằng từ thuần việt các chức quan (38) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về hoạt động trồng trọt và chăn nuôi của người dân đồng bằng Bắc Bộ  - Các công việc cần phải làm trong qúa trình sản xuất lúa gạo  - Xác lập mqhệ giữa thiên nhiên, dân cư với hoạt động sản xuất  - Tôn trọng, bảo vệ các thành qủa lao động của người dân | Giảm yêu cầu quan sát bảng số liệu (105), câu hỏi 3 (105) |  |
| **15** | **Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)** | Nhà Trần và việc đắp đê | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Nhà Trần rất quan tâm tới việc đắp đê  - Đắp đê giúp cho nông nghiệp phát triển và là cơ sở xây dựng khối đoàn kết dân tộc  - Có ý thức bảo vệ đê điều và phòng chống lũ lụt | **GDBVMT**: Có ý thức bảo vệ đê điều và phòng chống lũ lụt |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ(tt) | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Trình bày một số đặc điểm về nghề thủ công và chợ phiên của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ  - Xác lập mqhệ giữa thiên nhiên, dân cư với HĐ sản xuất  - Tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của người dân | Nội dung: Những nơi…đồ gỗ (16) chuyển đọc thêm. Giảm yêu cầu kể tên làng nghề. Giảm câu hỏi 2. Sửa câu hỏi 3: Kể về chợ phiên ở ĐBBB |  |
| **16** | **Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)** | Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Thời nhà Trần ba lần quân Mông-Nguyên sang x/ lược nước ta  Quân dân nhà Trần : Nam nữ già trẻ đều đồng lòng đánh giặc bảo vệ tổ quốc  - Trân trọng truyền thống yêu nước và giữ nước của cha ông ta. | Giảm câu hỏi (41) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Thủ đô Hà Nội | 1 tiết | Sau bài này, HS biết:  - Xác định được vị trí của thủ đô Hà Nội trên bản đồ Việt Nam  - Trình bày những đặc điểm tiêu biểu của thủ đô Hà Nội  - Một số dấu hiệu thể hiện Hà Nội là thành phố cổ, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học | Giảm yêu cầu từ Hà Nội đến các tỉnh khác đi bằng những phương tiện nào. Sửa câu hỏi 2 (112). Nêu VD để thấy… Giảm câu hỏi 3 ,4(112) |  |
| **17** | **Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)** | Ôn tập học kì 1 | 1 tiết | - Hệ thống hoá các sự kiện, nhân vật lịch sử ở từng giai đoạn LS  - HS thấy được truyền thống dựng nước và giữ nước của d/tộc ta  - Qua đó giáo dục các em lòng tự hào dân tộc |  |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Ôn tập học kì 1 | 1 tiết | - Hệ thống hoá các kiến thức về phân môn địa lý mà các em đã học trong học kì một vừa qua đó là:  + Thiên nhiên và HĐSX của con người ở miền núi và trung du  + Thiên nhiên và HĐ sản xuất của con người ở ĐBBB  - Từ đó HS tự hệ thống và thiết lập được mối liên hệ về điều kiện tự nhiên với HĐ sản xuất của con người từng vùng miền |  |  |
| **18** |  | Kiểm tra định kì lịch sử (Cuối học kì 1) | 1 tiết | - Kiểm tra để đánh giá việc nắm kiến thức của HS về phân môn lịch sử mà các em đã học trong học kì I  - HS nhớ rõ được các sự kiện lịc sử và nhân vật cũng như các ý ngiã của các sự kiện lịch sử đối với nước ta  - Giáo dục các em lòng tự hào về truyền thống của dân tộc và ý thức tự giác trong học tập |  |  |
|  | Kiểm tra định kì địa lí (Cuối học kì 1) | 1 tiết | - Kiểm tra để đánh giá việc nắm kiến thức mà HS đã được học về phân môn địa lí trong học kì I vừa qua  - Rèn kĩ năng làm bài cho học sinh  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác học bài và làm bài |  |  |
| **19** | **Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)** | Nước ta cuối thời Trần | 1 tiết | - Các biểu hiện suy yếu của nhà Trần vào giữa thế kỷ XIV.  - Vì sao nhà Hồ thay nhà Trần. | Giảm 2 đoạn chữ nhỏ  (43-44) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Đồng bằng Nam Bộ | 1 tiết | - Chỉ vị trí đồng bằng Nam Bộ trên bản đồ Việt Nam: sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai, Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Mũi Cà Mau.  - Trình bày những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên đồng bằng Nam Bộ | Bỏ yêu cầu về các vùng ở câu hỏi 3 (118);  ***GDBVMT****:*Học sinh thấy được sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng |  |
| **20** | **Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)** | Chiến thắng Chi Lăng | 1 tiết | - Thuật lại chiến thắng Chi Lăng  - ý nghĩa quyết định của trận Chi Lăng đối với thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn  - Cảm phục sự thông minh, sáng tạo trong cách đánh giặc của ông cha ta qua trận Chi Lăng | Giảm câu hỏi 1,3 (46) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Người dân ở đồng bằng Nam Bộ | 1 tiết | - Trình bày những đặc điểm tiêu biểu về dân tộc, nhà ở, làng xóm, trang phục lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ  - Sự thích ứng của con người với tự nhiên ở đồng bằng Nam Bộ  - Dựa vào tranh ảnh tìm ra kiến thức | Giảm câu hỏi 2 (121) |  |
| **21** | **Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)** | Nhà hậu Lê và việc tổ chức quản lý đất nước | 1 tiết | - Nhà Hậu Lê ra đời trong hoàn cảnh nào  - Nhà Hậu Lê đã tổ chức Được một bộ máy nhà nước quy củ và quản lí đất nước tương đối chặt chẽ  - Nhận thức bước đầu về vai trò của pháp luật | Giảm câu hỏi 2 (48) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ | 1 tiết | - Đồng bằng Nam Bộ là nơi trồng nhiều lúa gạo, cây ăn trái đánh bắt và nuôi nhiều thuỷ sản nhất cả nước  - Nêu một số dẫn chứng chứng minh cho đặc điểm trên và nguyên nhân của nó.  - Khai thác kiến thức từ tranh ảnh bản đồ |  |  |
| **22** | **Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)** | Trường học thời Hậu Lê | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Nhà Hậu Lê rất quan tâm tới giáo dục. Tổ chức dạy học, thi cử, nội dung dạy học thời Hậu Lê  - Tổ chức giáo dục thời Hậu Lê có quy củ, nề nếp hơn trước  - Coi trọng sự tự học | Giảm nội dung học tập để thi cử (50); sửa câu hỏi 1: Em hãy kể (Bỏ y/cầu kể về nội dung học tập (50) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết  - ĐBNB là nơi có SX CN phát triển mạnh nhất của đất nước  - Nêu một số dẫn chứng cho đặc điểm trên và ng/nhân của nó.  - Chợ nổi trên sông là một nét độc đáo của miền Tây Nam Bộ  - Khai thác kiến thức từ tranh ảnh, bảng thống kê, bản đồ. | Giảm câu hỏi 2,3 (126) |  |
| **23** | **Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)** | Văn học và khoa học thời hậu Lê | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Các tác phẩm thơ văn, công trình khoa học của những tác giả tiêu biểu dưới thời Hậu Lê, nhất là Ng Trãi, Lê Thánh Tông.  - Đến thời Hậu Lê, VH và KH phát triển hơn các giai đoạn trước  - Dưới thời Hậu Lê, văn học và khoa học được phát triển rực rỡ | Giảm nội dung chữ nhỏ trang 51, có thể giảm câu hỏi1, 2 (52) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Thành phố Hồ Chí Minh | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Chỉ vị trí thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ Việt Nam  - Trình bày những đặc điểm tiêu biểu của thành phố HCM  - Dựa vào bản đồ, tranh ảnh, bảng số liệu tìm kiến thức | Giảm yêu cầu từ TP HCM đến các tỉnh khác đi bằng phương tiện nào (128) |  |
| **24** | **Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)** | Ôn tập | 1 tiết | Học song bài này học sinh biết:  - Nội dung từ bài bài 7 đên bài 19 trình bày bốn giai đoạn: buổi đầu độc lập , nước Đại Việt thời Lý, nước Đại Việt thời Trần và nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê  - Kể tên các sự kiện lịch sử tiêu biểu của mỗi giai đoạn và trình bày tóm tắt các sự kiện đó bằng ngôn ngữ của mình | Giảm nội dung lập bảng thống kê…(52) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Thành phố Cần Thơ | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Chỉ vị trí thành phố Cần Thơ trên bản đồ Việt Nam  - Vị trí địa lý của thành phố Cần Thơ có nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế  - Nêu những dẫn chứng thể hiện thành phố Cần Thơ là 1 trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học của đồng bằng Nam Bộ | Giảm yêu cầu từ TP Cần Thơ đến các tỉnh khác đi bằng phương tiện nào (131) |  |
| **25** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Trịnh Nguyễn phân tranh | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Từ thế kỉ XVI , triêu đình nhà Lê suy thoái. Đất nước từ đây bị chia cắt thành Nam triều và Bắc triều, tiếp đó là Đàng Trong và Đàng Ngoài  - Nhân dân bị đẩy vào những cuộc chiến tranh phi nghĩa, cuộc sống ngày càng cực khổ không bình yên.  - Tỏ thái độ không chấp nhận việc đất nước bị chia cắt. | ND chữ nhỏ chuyển thành đọc thêm (54). Giảm câu hỏi 1 (55) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Ôn tập | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Chỉ hoặc điền đúng vị trí ĐBBB, ĐBNB, sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu và sông Đồng Nai trên bản đồ, lược đồ Việt Nam  - So sánh sự giống và khác nhau giữa 2 đồng bằng BB và NB  - Chỉ trên bản đồ vị trí thủ đô Hà Nội, TP HCM, thành phố Cần Thơ và nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của các thành phố này |  |  |
| **26** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Cuộc khẩn hoang ở đàng trong | 1 tiết | - Từ thế kỉ XVI các chúa Nguyễn đã đẩy mạnh việc khẩn hoang - Cuộc khẩn hoang từ thế kỉ XVI đã dần dần mở rộng diện tích sản xuất ở các vùng hoang hoá.  - Nhân dân các vùng khẩn hoang sống hoà hợp với nhau  - Tôn trọng sắc thái văn hoá của các dân tộc |  |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Dải đồng bằng duyên hải Miền Trung | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Dựa vào bản đồ và lược đồ, chỉ và đọc tên các ĐB ở duyên hải miền Trung  - Duyên hải miền Trung có nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp và nối với nhau tạo thành dải đồng bằng với nhiều đồi cát ven biển  - Nhận xét lược đồ, ảnh, bảng số liệu để biết đặc điểm nêu trên - Chia sẻ với người dân MT về những khó khăn do th/ tai gây ra | Giải thích rõ khái niệm… (Theo SGV-136);  **GDBVMT**: Học sinh có ý thức bảo vệ môi trường trong thiên nhiên |  |
| **27** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Thành thị ở thế kỉ XVI - XVII | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết :  - ở thế kỉ XVI - XVII nước ta nổi lên 3 thành thị lớn: Thăng Long, Phố Hiến, Hội An.  - Sự phát triển của thành thị chứng tỏ sự phát triển của nền kinh tế đặc biệt là thương mại. | Giảm ND "Nhà nghiên cứu... huyên náo (57) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Người dân và hoạt động sản xuất ở đồng bằng duyên hải Miền Trung | 1 tiết | Học xong bài này, HS biết:  - Giải thích được: Dân cư tập trung khá đông ở duyên hải miền Trung do có điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất.  - Trình bày một số nét tiêu biểu về HĐ sản xuất nông nghiệp  - Khai thác các thông tin để giải thích sự phát triển của một số ngành sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng duyên hải miền Trung | Thay câu hỏi 1 (40): Dân tộc nào là dân tộc chủ yếu. Giảm yêu cầu quan sát hình 1, 2 (138). Bỏ câu hỏi 3 (140) |  |
| **28** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long (1786) | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Trình bày sơ lược diễn biến cuộc tiến công ra Bắc diệt chính quyền họ Trịnh của nghĩa quân Tây Sơn.  - Việc nghĩa quân Tây Sơn làm chủ được Thăng Long có nghĩa là về cơ bản đã thống nhất được đất nước. | Giảm 2 ND chữ nhỏ (59); câu hỏi 1,2 (60) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Người dân và hoạt động sản xuất ở đồng bằng duyên hải Miền Trung (tt) | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Trình bày một số nét tiêu biểu về một số HĐ: KT, DL, CN  - Khai thác các thông tin để giải thích sự phát triển của một số ngành kinh tế ở đồng bằng duyên hải miền Trung  - Dùng tranh, ảnh mô tả một cách đơn giản cách làm đường mía  - Nét đẹp trong sinh hoạt của người dân nhiều tỉnh miền Trung thể hiện qua việc tổ chức lễ hội | Giảm yêu cầu: Dựa vào…xây dựng nhà máy đường (142) giảm câu hỏi 3 (144) |  |
| **29** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Thuật lại diễn biến trận Quang Trung đại phá quân Thanh theo lược đồ  - Quân Quang Trung rất quyết tâm và tài chí trong việc đánh bại quân xâm lược nhà Thanh  - Cảm phục tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của nghĩa quân Tây Sơn | Nội dung mờ sáng… tiêu diệt (62) chuyển thành nội dung đọc thêm. Giảm câu hỏi 2(63) |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Thành phố Huế | 1 tiết | Học xong bài này HS biết:  - Xác định vị trí Huế trên bản đồ Việt Nam  - Giải thích được vì sao Huế được gọi là cố đô và ở Huế du lịch lại phát triển  - Tự hào về thành phố Huế (được công nhận là Di sản Văn hoá thế giới từ năm 1993) | Giảm yêu cầu quan sát H1,các hình ảnh. Giảm câu hỏi 1,4 (146) |  |
| **30** | **Nước Đại Việt**  **thế kỷ XVI-XVIII** | Những chính sách về kinh tế và văn hoá của vua Quang Trung | 1 tiết | Học sinh biết:  - Kể được 1 số chính sách về KT và VH của vua Quang Trung  - Tác dụng của các chính sách đó. | Giảm câu hỏi 2 (64). Hãy nhớ lại. |  |
| **TN & HĐSX của con người ở miền đồng bằng** | Thành phố Đà Nẵng | 1 tiết | Học xong bài này học sinh biết:  - Dựa vào bản đồ VN xác định và nêu được vị trí Đà Nẵng.  - Giải thích được vì sao Đà Nẵng vừa là thành phố cảng vừa là thành phố du lịch. | Giảm YC cho biết từ Đà Nẵng đến tỉnh khác đi bằng phương tiện nào (148) và YC quan sát H1. Khách DL (148) |  |
| **31** | **Buổi đầu thời Nguyễn (từ năm 1082 đến năm 1858)** | Nhà Nguyễn thành lập | 1 tiết | Học song bài này HS biết:  - Nhà Nguyễn ra đời trong hoàn cảnh nào, kinh đô đóng ở đâu và một số ông vua đầu thời Nguyễn  - Nhà Nguyễn thiết lập một chế độ quân chủ rất hà khắc và chựt chẽ để bảo vệ quyền lợi của dòng họ mình | Giảm nội dung bộ luật Gia Long (66) |  |
| **Vùng biển Việt Nam** | Biển đảo và quần đảo | 1 tiết | Học song bài này học sinh biết:  - Chỉ trên bản đồ VN vị trí biển Đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Hạ Long, vịnh Thái Lan, các đảo và quần đảo Cái Bầu, Cát Bà, Phú Quốc, Côn Đảo, Hoàng Sa, Trường Sa.  - Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu của biển và đảo, quần đảo nước ta.  - Vai trò của biển Đông, các đảo và quần đảo đối với nước ta. | Giảm yêu cầu cho biết biển đông.Tìm trên.Bỏ câu hỏi 3 (150);  GDQP:Phân tích và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Biển Đông và 02 quần đảo H.Sa và Trường Sa |  |
| **32** | **Buổi đầu thời Nguyễn (từ năm 1082 đến năm 1858)** | Kinh thành Huế | 1 tiết | Học sinh biết:  - Sơ lược về quá trình xây dựng : sự đồ sộ, vẻ đẹp của kinh thành và lăng tẩm ở Huế.  - Tự hào vì Huế được công nhận là một di sản văn hoá thế giới. |  |  |
| **Vùng biển Việt Nam** | Khai thác khoáng sản và hải sản ở vùng biển Việt Nam | 1 tiết | - HS biết được vùng biển nước ta có nhiều hải sản, dầu khí; nước ta đang khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía nam và khai thác cát trắng ở ven biển.  - Một số nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn hải sản và ô nhiểm môi trường biển.  - Chỉ trên bản đồ Việt N vùng khai thác dầu khí, đánh bắt nhiều hải sản ở nước ta.  - Có ý thức giữ gìn VSMT biển khi tham quan, nghỉ mát... | Giảm câu hỏi 3 (154) |  |
| **33** | **Buổi đầu thời Nguyễn (từ năm 1082 đến năm 1858)** | Tổng kết | 1 tiết | - Hệ thống đươc quá trình phát triển của lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX.  - Nhớ được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn .  -Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc | Giảm yêu cầu lập bảng (69) |  |
| **Vùng biển Việt Nam** | Ôn tập | 1 tiết | Sau bài học HS có khả năng:  - Biết chỉ trên bản đồ vị trí dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Pan – xi - Păng, ĐBBB, ĐBNB, ĐB duyên hải MT, các cao nguyên, Tây nguyên và các thành phố đã học  - So sánh và hệ thống hoá ở mức đơn giản các kiến thức về TN, con người, HĐSX của ngươuì dân ở Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên,.ĐBBB, ĐBNB.... | Giảm nội dung nêu 1 số đặc điểm của Hà Nội, Hải Phòng, Huế..và yêu cầu 4 |  |
| **34** |  | Ôn tập học kì 2 | 1 tiết | - Hệ thống đươc quá trình phát triển của lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX.  - Nhớ được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.  -Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc |  |  |
|  | Ôn tập học kì 2 | 1 tiết | Sau bài học HS có khả năng:  - Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu của các thành phố đã học  - Rèn luyện củng cố kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, sơ đồ  - Tôn trọng các nét đực trưng VH của ngưpời dân ở các vùng miền |  |  |
| **35** |  | Kiểm tra định kì LS cuối học kì 2 | 1 tiết | - Kiểm tra để đánh giá việc nắm kiến thức của HS về phân môn lịch sử mà các em đã học trong học kì II  - HS nhớ rõ được các sự kiện lịc sử và nhân vật cũng như các ý ngiã của các sự kiện lịch sử đối với nước ta  - Giáo dục các em lòng tự hào về truyền thống của dân tộc và ý thức tự giác trong học tập |  |  |
|  | Kiểm tra định kì ĐL cuối học kì 2 | 1 tiết | - Kiểm tra để đánh giá việc nắm kiến thức mà HS đã được học về phân môn địa lí trong học kì II vừa qua  - Rèn kĩ năng làm bài cho học sinh  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác học bài và làm bài |  |  |

**MÔN KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Yêu cầu cần đạt** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/ Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Tiết học/  Thời lượng** |
| 1+2 |  | Bài 1,2: Vật liệu,  dụng cụ cắt khâu thêu | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết được đặc điểm, tác dụng và cách sử dụng, bảo quản những vật liệu, dụng cụ đơn giản thường dùng để cắt, khâu, thêu. - Biết cách và thực hiện được thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ (gút chỉ). \* Năng lực: HS biết tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè. Có năng lực tự hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân \* Phẩm chất: HS biết giữ gìn đồ dùng cắt khâu thêu ở nhà. |  |  |
| 3 |  | Bài 3: Cắt vải theo đường vạch dấu | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách vạch dấu trên vải và cắt vải theo đường vạch dấu. - Vạch được đường dấu trên vải (vạch đường thẳng, đường cong) và cắt được vải theo đường vạch dấu. Đường cắt có thể mấp mô. \* Năng lực: HS tự hoàn thành nhiệm vụ của mình, biết giúp đỡ bạn học. \* Phẩm chất: HS khéo léo, cẩn thận khi sử dụng kéo, kim. |  |  |
| 4+5 |  | Bài 4,5: Khâu thường | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách cầm vải, cầm kim, lên kim, xuống kim khi khâu. - Biết cách khâu và khâu được các mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chưa cách đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm. \* Năng lực: HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình. \* Phẩm chất: HS kiên trì, cẩn thận, chịu khó trong học tập. |  |  |
| 6+7 |  | Bài 6,7: Khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường. - Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm. \* Năng lực: HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình. \* Phẩm chất: HS có ý thức rèn luyện kĩ năng khâu thường để áp dụng vào cuộc sống, cẩn thận, kiên trì. |  |  |
| 8+9 |  | Bài 8,9: Khâu đột thưa | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách khâu đột thưa và ứng dụng của khâu đột thưa. - Khâu được các mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm. \* Năng lực: HS có năng lực tự thực hiện đúng nhiệm vụ hướng dẫn của cô. \* Phẩm chất: HS có tính kiên trì, sự khéo léo của đôi tay, biết quý trọng thành quả lao động. |  |  |
| 10+11+12 |  | Bài 10,11,12: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột | 3 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. - Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm. \* Năng lực: HS biết hợp tác chia sẻ với bạn, tự hoàn thành được sản phẩm. \* Phẩm chất: HS luôn tự tin, kiên trì, an toàn cẩn thận khi sử dụng kim kéo. |  |  |
| 13+14 |  | Bài 13,14: Thêu móc xích | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách thêu móc xích. - Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm vòng móc xích. Đường thêu có thể bị dúm. \* Năng lực: HS có năng lực hợp tác, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập. \* Phẩm chất: HS hứng thú học thêu, khéo tay hay làm. Biết giữ gìn vệ sinh lớp học. |  |  |
| 15+16+17+18 |  | Bài 15,16,17,18: Cắt khâu thêu sản phẩm tự chọn | 4 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản.  - Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học. \* Năng lực: HS tự hoàn thành nhiệm vụ được giao \* Phẩm chất: HS khéo léo, cẩn thận khi sử dụng kim kéo. |  |  |
| 19 |  | Bài 19: Lợi ích của việc trồng rau, hoa | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết được một số lợi ích của việc trồng rau, hoa. - Biết liên hệ thực tiễn về lợi ích của việc trồng rau, hoa. \* Năng lực: HS có năng lực hợp tác, mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân. \* Phẩm chất: HS có ý thức giữ gìn, bảo quản và đảm bảo an toàn lao động khi sử dụng dụng cụ gieo trồng rau, hoa. |  |  |
| 20 |  | Bài 20: Vật liệu và dụng cụ trồng rau, hoa | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết đặc điểm, tác dụng của một số vật liệu, dụng cụ thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa. - Biết cách sử dụng một số dụng cụ trồng rau, hoa đơn giản. \* Năng lực: Biết tự học, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình. \* Phẩm chất: HS có ý thức giữ gìn, bảo quản và đảm bảo an toàn lao động khi sử dụng dụng cụ gieo trồng rau, hoa. |  |  |
| 21 |  | Bài 21: Điều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết được các điều kiện ngoại cảnh và ảnh hưởng của chúng đối với cây rau, hoa. - Biết liên hệ thực tiễn về ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa. \* Năng lực: HS trình bày ý kiến tự tin, rõ ràng. Biết tự học, hợp tác nhóm. \* Phẩm chất: HS chăm học, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài. |  |  |
| 22 |  | Bài 22: Trồng cây rau, hoa | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng. - Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống và cách trồng cây rau, hoa trong chậu. - Trồng được cây rau, hoa trên luống hoặc trong chậu. \* Năng lực: HS có năng lực hợp tác, mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân. \* Phẩm chất: HS có ý thức giữ gìn, bảo quản và đảm bảo an toàn lao động khi sử dụng dụng cụ gieo trồng rau, hoa. |  |  |
| 23 |  | Bài 23: Trồng cây rau, hoa trong chậu | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng. - Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống và cách trồng cây rau, hoa trong chậu. - Trồng được cây rau, hoa trên luống hoặc trong chậu. \* Năng lực: HS có năng lực hợp tác, mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân. \* Phẩm chất: HS có ý thức giữ gìn, bảo quản và đảm bảo an toàn lao động khi sử dụng dụng cụ gieo trồng rau, hoa. |  |  |
| 24+25 |  | Bài 24+25: Chăm sóc rau, hoa | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết mục đích, tác dụng, cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa. - Biết cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa. - Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa. \* Năng lực: Biết tự thực hiện đúng nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của tiết học.  \* Phẩm chất: HS có ý thức chăm sóc rau, hoa trong các bồn cây của trường,ở nhà,nơi công cộng |  |  |
| 26 |  | Bài 26: Các chi tiết và dụng cụ của bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật | 1 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Biết tên gọi, hình dạng của các chi tiết trong bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật. - Sử dụng được cờ-lê, tua-vít để lắp vít, tháo vít. - Biết lắp ráp một số chi tiết với nhau. \* Năng lực: HS có năng lực tự học, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập \*Phẩm chất: HS yêu thích sản phẩm mình làm được, khéo tay sáng tạo hay làm. |  |  |
| 27+28 |  | Bài 27+28: Lắp cái đu | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Chọn đúng, đủ số lượng các chi tiết để lắp cái đu. - Lắp được cái đu theo mẫu. \* Năng lực: HS vận dụng điều đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập. \*Phẩm chất: HS thể hiện sự chăm chỉ, sẵn sàng giúp đỡ các bạn trong lớp. |  |  |
| 29+30 |  | Bài 29+30: Lắp xe nôi | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Chọn đúng, đủ số lượng các chi tiết để lắp xe nôi. - Lắp được xe nôi theo mẫu. Xe chuyển động được. \* Năng lực: HS vận dụng điều đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập. Tự tin chia sẻ với bạn \* Phẩm chất: HS thể hiện sự chăm chỉ, sẵn sàng giúp đỡ các bạn trong lớp. |  |  |
| 31+32 |  | Bài 31+32: Lắp ô tô tải | 2 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Chọn đúng, đủ số lượng các chi tiết để lắp ô tô tải. - Lắp được ô tô tải theo mẫu. Ô tô chuyển động được. \* Năng lực: HS vận dụng điều đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập. \* Phẩm chất: HS thể hiện sự chăm chỉ, sẵn sàng giúp đỡ các bạn trong lớp. |  |  |
| 33+34+35 |  | Bài 33+34+35: Lắp ghép mô hình tự chọn | 3 tiết | \* Kiến thức-kĩ năng: - Chọn được các chi tiết để lắp ghép mô hình tự chọn. - Lắp ghép được một mô hình tự chọn. Mô hình lắp tương đối chắc chắn, sử dụng được. \* Năng lực: HS tự giác hoàn thành nhiệm vụ,vận dụng điều đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập.  \* Phẩm chất: HS thể hiện sự chăm chỉ, sẵn sàng giúp đỡ các bạn trong lớp. |  |  |

**MÔN ÂM NHẠC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Tuần** | **Chương trình GDPT 2006 - Sách Âm nhạc lớp 4** | | | **Nội dung diều chỉnh bổ sung** | **Ghi chú** |
| **Tên chủ đề/ Thời lượng** | **Mạch nội dung** | **YCCĐ của chủ đề** |
| Tháng  9 | Tuần 1 | Chủ đề 1:  Việt Nam đất nước hòa bình  (4 tiết) | - Học hát: Bài *Em yêu hòa bình*  - Ôn tập các kí hiệu ghi nhạc đã học ở lớp 3 | - Hát: Hát đúng giai điệu và lời ca. Thể hiện bài hát với tính chất tươi vui - vừa phải, trong sáng. Nêu nội dung, ý nghĩa bài hát. Rút ra bài học và thái độ của bản thân. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Tập đọc nhạc: đọc đúng cao độ, trường độ kết hợp gõ đệm hoặc kí hiệu nốt nhạc bàn tay Hand Signs.  - KCAN: Nêu được ý nghĩa của câu chuyện. Rút ra được bài học. Kể tóm tắt được nội dung câu chuyện.  - Nhớ các kí hiệu ghi nhạc đã học ở lớp 3.  - Nhận biết tên nốt; biết đọc nốt nhạc theo cao độ và tiết tấu.  - Biết giá trị độ dài hình nốt trắng. Biết thể hiện hình tiết tấu có nốt đen và nốt trắng. |  |  |
| Tuần 2 | - Ôn tập bài hát: *Em yêu hòa bình*  - Bài tập cao độ và tiết tấu. |
| Tuần 3 | - Kể chuyện âm nhạc: *Tiếng hát Đào Thị Huệ*  - Giới thiệu hình nốt trắng. Bài tập tiết tấu. |
| Tuần 4 | - Tập đọc nhạc: TĐN số 1: *Son la son*  - Ôn tập chủ đề 1 |
| Tháng 10 | Tuần 5 | Chủ đề 2:  Quê hương  tươi đẹp  (4 tiết) | - Học hát: *Bạn ơi lắng nghe* | - Hát: hát đúng giai điệu và lời ca. Biết đây là bài dân ca Bana. Nêu cảm nhận về tính chất âm nhạc. Thể hiện bài hát với tính chất tha thiết, hồn nhiên. Nêu nội dung, ý nghĩa bài hát. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể. Bước đầu biết thể hiện tình cảm bài hát qua nét mặt và hát diễn cảm.  - Tập đọc nhạc: đọc đúng cao độ, trường độ kết hợp gõ đệm hoặc kí hiệu nốt nhạc bàn tay Hand Signs.  - Nêu được tên và một vài đặc điểm của nhạc cụ; cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ; nhận biết được một số nhạc cụ khi xem biểu diễn. |  |  |
| Tuần 6 | - Ôn tập bài hát: *Bạn ơi lắng nghe*. Tập thể hiện tình cảm của bài hát |
| Tuần 7 | - Tập đọc nhạc: TĐN số 2: *Nắng vàng* |
| Tuần 8 | - Giới thiệu một vài nhạc cụ dân tộc  - Ôn tập chủ đề 2 |
| Tháng 11 | Tuần 9 | Chủ đề 3:  Tự hào là đội viên  (4 tiết) | - Học hát: Bài *Khăn quàng thắm mãi vai em* | - Hát: đúng giai điệu và lời ca bài hát. Thể hiện bài hát với tính chất nhịp nhàng, vui tươi. Nêu cảm nhận về tính chất âm nhạc, nêu nội dung, ý nghĩa bài hát. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Tập đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, thể hiện đúng cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và kí hiệu nốt nhạc bàn tay.  - Nghe nhạc : Nêu được tên bài hát nghe nhạc. Nêu cảm nhận về tác phẩm được nghe. Biết vận động theo tác phẩm được nghe.  - Bước đầu biết thể hiện tình cảm bài hát qua nét mặt và hát diễn cảm. |  |  |
| Tuần 10 | - Ôn tập bài hát: *Khăn quàng thắm mãi vai em.*  - Tập hát diễn cảm |
| Tuần 11 | - Tập đọc nhạc: TĐN số 3  *Cùng bước đều* |
| Tuần 12 | - Nghe nhạc: *Bài Trên ngựa ta phi nhanh*  - Ôn tập chủ đề 3 |
| Tháng 12 | Tuần 13 | Chủ đề 4:  Em yêu làn điệu dân ca  (3 tiết) | - Học hát: Bài *Cò lả* | - Hát đúng giai điệu và lời ca bài *Cò lả*. - Thể hiện bài hát với tính chất vừa phải, phóng khoáng. Nêu cảm nhận về tính chất âm nhạc, nêu nội dung, ý nghĩa của lời bài hát và biết hát với các hình thức khác nhau. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Tập đọc nhạc : Đọc đúng tên nốt, thể hiện đúng cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và kí hiệu nốt nhạc bàn tay Hand Signs.  - Nghe nhạc : Nêu tên bài hát được nghe. Nêu cảm nhận về tác phẩm được nghe hoặc sự tưởng tượng khi nghe nhạc. Biết vận động theo tác phẩm được nghe.. |  |  |
| Tuần 14 | - Ôn tập bài hát: *Cò lả*  - Tập đọc nhạc: TĐN số 7: *Đồng lúa bên sông* |
| Tuần 15 | - Nghe nhạc: Trống cơm  - Ôn tập chủ đề 4 |
| Tháng 12 | Tuần 16 | - Học hát  tự chọn  ( 1 tiết) | - Học hát tự chọn | - Hát đúng giai điệu và lời; nhớ tên bài hát, tác giả và nêu được nội dung, ý nghĩa của bài hát. Biết hát kết hợp nhạc cụ gõ đệm và bộ gõ cơ thể. |  |  |
| Tháng 01 | Tuần 17 | Ôn tập HKI  (2 tiết) | Ôn tập các bài hát và Tập đọc nhạc đã học ở học kì I | - Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của học Hát và Tập đọc nhạc.  - Kiểm tra, đánh giá cuối KHI. |  |  |
| Tuấn 18 | Ôn tập các bài hát và Tập đọc nhạc đã học ở học kì I |
| Tháng  1+ 2 | Tuần 19 | Chủ đề 5:  *Mùa xuân Yêu thương*  (4 tiết) | - Học hát: Bài *Chúc mừng* | - Hát: đúng giai điệu và lời ca bài. Biết đây là bài hát nhạc nước Nga. Thể hiện bài hát với tính chất nhịp nhàng. Nêu cảm nhận về tính chất âm nhạc, nêu nội dung, ý nghĩa. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Tập đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, thể hiện đúng cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và kí hiệu nốt nhạc bàn tay.  - Biết một số hình thức hát: đơn ca, song ca, tam ca…  - Biết trình bày bài hát với nhiều hình thức khác nhau. |  |  |
| Tuần 20 | - Ôn tập bài hát: *Chúc mừng* |
| Tuần 21 | - TĐN số 6: Múa vui  - Một số hình thức trình bày bài hát. |
| Tuần 22 | - Trình bày bài hát *Chúc mừng* với nhiều hình thức.  - Ôn tập chủ đề 5 |
| Tháng 3 | Tuần 23 | Chủ đề 6:  *Khúc hát gia đình*  (4 tiết) | - Học hát: bài *Bàn tay mẹ* | - Hát đúng giai điệu và lời ca. Thể hiện bài hát với tính chất tha thiết và cảm nhận được tình cảm của bài hát.. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Tập đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, thể hiện đúng cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và kí hiệu nốt nhạc bàn tay..  - Nghe nhạc: Nêu cảm xúc về tác phẩm được nghe hoặc tưởng tượng khi nghe nhạc. Biết vận động theo tác phẩm.  - Nhạc cụ tiết tấu: sử dụng nhạc cụ tiết tấu để thể hiện một vài dạng tiết tấu đơn giản và đệm cho TĐN số 5. |  |  |
| Tuần 24 | - Ôn tập bài hát: *Bàn tay mẹ. Tập hát diễn cảm* |
| Tuần 25 | - Tập đọc nhạc: TĐN số 5: *Hoa bé ngoan*  - Nhạc cụ tiết tấu: gõ đệm nhạc cụ tiết tấu TĐN số 5. |
| Tuần 26 | - Nghe nhạc: Trích đoạn nhạc không lời.  - Ôn tập chủ đề 6 |
|  |  |
| Tháng 4 | Tuần 27 | Chủ đề 7:  *Loài vật em yêu*  (4 tiết) | - Học hát: bài *Chú voi con ở Bản Đôn* | - Hát đúng giai điệu và lời ca. Thể hiện bài hát với tính chất hơi nhanh. Nêu cảm nhận nội dung, ý nghĩa bài hát. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa.  - Tập đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, thể hiện đúng cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và kí hiệu nốt nhạc bàn tay.  - Nhạc cụ tiết tấu: sử dụng hai nhạc cụ tiết tấu để hòa tấu một vài dạng tiết tấu đơn giản và đệm hòa tấu cho TĐN số 4. |  |  |
| Tuần 28 | - Ôn tập bài hát: *Chú voi con ở Bản Đôn* |
| Tuần 29 | - TĐN số 4: Con chim ri  - Nhạc cụ tiết tấu: Hòa tấu hai nhạc cụ tiết tấu gõ đệm TĐN số 4 |
| Tuần 30 | - Ôn tập chủ đề 7 |
| Tháng 5 | Tuần 31 | Chủ đề 8:  *Thế giới hòa ca*  (3 tiết) | - Học hát: bài *Thiếu nhi thế giới liên hoan* | - Hát đúng giai điệu và lời ca. Thể hiện bài hát với tính chất hơi nhanh, vui. Nêu cảm nhận về nội dung, ý nghĩa bài hát. Hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa hoặc vận động cơ thể.  - Nhạc cụ tiết tấu: sử dụng nhạc cụ gõ để thể hiện một vài dạng tiết tấu đơn giản và đệm cho bài hát.  - Nghe nhạc: Nêu cảm xúc về tác phẩm được nghe hoặc tưởng tượng khi nghe nhạc. Biết vận động, vỗ tay, giậm chân… theo tác phẩm. |  |  |
| Tuần 32 | - Ôn tập bài hát: *Thiếu nhi thế giới liên hoan*  - Nhạc cụ tiết tấu: gõ đệm nhạc cụ tiết tấu cho bài hát |
| Tuần 33 | - Nghe nhạc: Nhạc có lời hoặc không lời.  - Ôn tập chủ đề 8 |
| Tháng 5 | Tuần 34 | Ôn tập HKII  (2 tiết) | - Ôn tập các bài hát và Tập đọc nhạc đã học ở HKII. | - Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của học Hát và Tập đọc nhạc.  - Kiểm tra, đánh giá cuối năm học. |  |  |
| Tuần 35 | - Ôn tập các bài hát và Tập đọc nhạc đã học ở HKII. |

**MÔN MỸ THUẬT**

Tổng số có 12 chủ đề với 35 tiết, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | **Nội dung điều chỉnh (nếu có)** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/**  **mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tiết học/thời lượng** |  |  |
| 1 | **CĐ1. Những mảng màu thú vị (2 tiết)** | Tiết 1. Nhận biết về màu sắc. | - Nêu được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên và vai trò của màu sắc trong cuộc sống.  - Nhận ra và nêu đước các cặp màu bổ túc, các màu nóng, màu lạnh. | 1 tiết |  |  |
| 2 | Tiết 2. Vẽ hình và vẽ màu. Giới thiệu sản phẩm. | - Vẽ được các mảng màu cơ bản, các cặp màu bổ túc, màu lạnh tạo sản phẩm trang trí hoặc bức tranh biểu cảm.  - Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm. | 1 tiết |  |  |
| 3 | **CĐ 2. Chúng em với thế giới động vật (4 tiết)** | Tiết 1. Vẽ con vật | - Nhận ra và nêu được đặt điểm về hình dáng, màu sắc, đặc điểm và môi trường sống của một số con vật.  - Thể hiện được con vật bằng hình thức vẽ, xé dán, tạo hình ba chiều. | 1 tiết |  |  |
| 4 | Tiết 2. Tạo bối cảnh không gian. | - Tạo được hình khối ba chiều từ vật liệu dễ tìm và liên kết thành đồ vật, con vật, … | 1 tiết |  |  |
| 5 | Tiết 3.Tạo bố cục chung | - Tạo dụng được bối cảnh, không gian, chủ đề câu chuyện cho nhóm sản phẩm. | 1 tiết |  |  |
| 6 | Tiết 4. Hoàn thành và giới thiệu SP | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. | 1 tiết |  |  |
| 7 | **CĐ 3. Ngày hội hóa trang (2 tiết)** | Tiết 1. Tạo hình mặt nạ | - Phân biệt và nêu được đặc điểm một số loại mặt nạ sân khấu chèo, tuồng, lễ hội dân gian Việt Nam và một vài lễ hội quốc tế.  - Tạo hình được mặt nạ, mũ, con vật, nhân vật ,….theo ý thích. | 1 tiết |  |  |
| 8 | Tiết 2. Hoàn thành và giới thiệu SP | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. | 1 tiết |  |  |
| 9 | **CĐ 4. Em sáng tạo cùng những con chữ (3 tiết)** | Tiết 1.Trang trí chữ cái. | - Nêu được đặc điểm của kiểu chữ nét đều, nét thanh, nét đậm và kiểu chữ trang trí.  - Tạo dáng và trang trí được tên của mình hoặc người than theo ý thích. | 1 tiết |  |  |
| 10 | Tiết 2. Trang trí nền cho SP nhóm | - Sử dụng sản phẩm cá nhân, kết hợp của bạn. Tạo nền chung để trang trí sản phẩm. | 1 tiết |  |  |
| 11 | Tiết 3. Hoàn thành và giới thiệu SP | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. | 1 tiết |  |  |
| 12 | **CĐ 5. Sự chuyển động của dáng người**  **(3 tiết)** | Tiết 1.Tạo dáng người ( bằng dây thép hoặc đất nặn, chất liệu khác) | - Hiểu và nêu được đặc điểm các bộ phận chính của cơ thể khi đang hoạt động với các động tác khác nhau.  - Tạo hình bằng cách vẽ, cắt dán hoặc nặn được một dáng người hoạt động theo ý thích. | 1 tiết |  |  |
| 13 | Tiết 2. Tạo các hình ảnh bối cảnh không gian | - Kết hợp sản phẩm cá nhân và tập hợp, sắp xếp tạo thành sản phẩm nhóm theo chủ đề. | 1 tiết |  |  |
| 14 | Tiết 3. Hoàn thành và giới thiệu SP | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. | 1 tiết |  |  |
| 15 | **CĐ 6. Ngày tết, lễ hội và mùa xuân**  **(4 tiết)** | Tiết 1.Vẽ hoặc nặn tạo, xé dán các hình ảnh | - Hiểu và nêu được một số đặc điểm về ngày tết, lễ hội và mùa xuân.  - Sáng tạo được sản phẩm mĩ thuật bằng cách vẽ, nặn, tạo 1hình từ vật liệu tìm được và sắp đặt theo nội dung chủ đề: “Ngày tết, lễ hội và mùa xuân”. | 1 tiết |  |  |
| 16 | Tiết 2. Tạo các hình ảnh bối cảnh không gian | - Kết hợp sản phẩm cá nhân và tập hợp, sắp xếp tạo thành sản phẩm nhóm theo chủ đề. | 1 tiết |  |  |
| 17 | Tiết 3. Hoàn thành sản phẩm nhóm | - Hoàn thành sản phẩm, chuẩn bị chủ đề nội dung câu chuyện. | 1 tiết |  |  |
| 18 | Tiết 4. Giới thiệu sản phẩm | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn | 1 tiết |  |  |
| 19 | **CĐ 7. Vũ điệu của sắc màu**  **(2 tiết)** | Tiết 1. Nghe nhạc và vẽ màu. | - Lắng nghe và vận động theo giai điệu của âm nhạc, chuyển âm thanh và giai điệu thành những đường nét và màu sắc biểu cảm trên giấy.  - Nhận ra được các hòa sắc, đậm nhạt trong sản phẩm vẽ theo nhạc.  - Từ đường nét, màu sắc trong sản phẩm vẽ theo nhạc, cảm nhận và tưởng tượng được những hình ảnh có ý nghĩa.  - Phát triển được trí tưởng tượng và sáng tạo trong quá trình tạo ra bức tranh biểu cảm mới. | 1 tiết |  |  |
| 20 | Tiết 2. Tạo khung tranh và giới thiệu sản phẩm | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn | 1 tiết |  |  |
| 21 | **CĐ 8. Sáng tạo với những nét gấp giấy**  **(2 tiết)** | Tiết 1.Tạo hình sản phẩm | - Gấp được giấy, tạo ra được sản phẩm sáng tạo từ nếp gấp giấy.  - Nhận ra vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình từ nếp gấp giấy. | 1 tiết |  |  |
| 22 | Tiết 2: Giới thiệu sản phẩm | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn | 1 tiết |  |  |
| 23 | **CĐ 9. Sáng tạo họa tiết, tạo dáng và trang trí đồ vật (4 tiết)** | Tiết 1. Tạo họa tiết | - Hiểu sơ lược về họa tiết trang trí và tạo được họa tiết theo ý thích.  - Tính ứng dụng của hoạ tiết trang trí trong cuộc sống hằng ngày. | 1 tiết |  |  |
| 24 | Tiết 2. Tạo dáng và trang trí đồ vật. | - Tạo dáng được đồ vật và sử dụng họa tiết đã tạo ra để trang trí sản phẩm.  - Phát huy trí tưởng tượng tạo hình sản phẩm. | 1 tiết |  |  |
| 25 | Tiết 3. Sáng tạo thêm các hình ảnh khác | - Sử dụng các hình thức tạo hình vẽ, xé/ cắt dán, kết hợp với những chất liệu khác để tạo hoạ tiết. | 1 tiết |  |  |
| 26 | Tiết 4. Hoàn thành và giới thiệu sản phẩm | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. | 1 tiết |  |  |
| 27 | **CĐ 10. Tĩnh vật**  **(3 tiết)** | Tiết 1: Vẽ các đồ vật, trái cây | - Nhận biết được tranh tĩnh vật và vẽ được bức tranh tĩnh vật theo quan sát và biểu cảm theo ý thích . | 1 tiết |  |  |
| 28 | Tiết 2. Tạo sản phẩm nhóm | - Kết hợp sản phẩm của bạn để tạo sản phẩm nhóm. | 1 tiết |  |  |
| 29 | Tiết 3. Hoàn thành và giới thiệu sản phẩm | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn | 1 tiết |  |  |
| 30 | **CĐ 11. Em tham gia giao thông**  **(4 tiết)** | Tiết 1. Tạo hình các sản phẩm | - Hiểu luật giao thông và tham gia giao thông an toàn.  - Thực hiện và tạo hình được sản phẩm bằng hình thức vẽ; xé/ cắt dán giấy; nặn, tạo hình từ vật tìm được. | 1 tiết |  |  |
| 31 | Tiết 2. Tạo Hình bối cảnh, không gian | - Thực hiện và tạo hình bối cảnh, không gian bằng hình thức vẽ; xé/ cắt dán giấy; nặn, tạo hình từ vật tìm được. | 1 tiết |  |  |
| 32 | Tiết 3. Hoàn thành sản phẩm nhóm | - Hoàn thành sản phẩm nhóm, chuẩn bị chủ đề nội dung câu chuyện. | 1 tiết |  |  |
| 33 | Tiết 4. Giới thiệu sản phẩm. | - Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn- Giới thiệu nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn | 1 tiết |  |  |
| 34 | **CĐ 12. Tìm hiểu tranh dân gian Việt Nam**  **(2 tiết)** | Tiêt 1.Tìm hiểu nội dung, hình thức của tranh dân gian Đông Hồ. | - Hiểu nguồn gốc, nội dung vàvẻ đẹp của tranh dân gian Việt Nam.  - Yêu quý, có ý thức giữ gìn và bảo tồn nghệ thuật dân tộc. | 1 tiết |  |  |
| 35 | Tiết 2. Mô phỏng lại một tranh dân gian Đông Hồ | - Trãi nghiệm, liên kết với tác phẩm bằng hình thức vẽ màu vào hình tranh dân gian. | 1 tiết |  |  |

**MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | | **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Bài học** | | **Tiết học** | | | **Nội dung Điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
| Tháng | *Tuần* |  | |  | | SL | Nội dung |  |  |
|  |  | **Kiến thức chung về GDTC** | | - Vệ sinh sân tập, vệ sinh cá nhân  - Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ tập luyện  - Yếu tố có lợi và hại đối với cơ thể trong quá trình tập luyện | | | | Được hướng dẫn tích hợp vào tất cả các nội dung trong các giờ học một cách phù hợp. |  |
|  | **1** | **Đội hình đội ngũ** | | **Giới thiệu chương trình, kiến thức chung- Tổ chức lớp học** | | **1**  *(1)* | - Giới thiệu chương trình  - Tổ chức lớp học  - Nội quy, yêu cầu tập luyện  - Biên chế tổ chức lớp  - Trò chơi |  |  |
| **1- 2** | **Tập hợp hàng, điểm số, đứng nghiêm, đứng nghỉ, Quay các hướng** | | **2**  *(2-3)* | - Tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số  - Tập hợp hàng ngang dóng hàng, điềm số, dàng hàng –dồn hàng.  - Quay phải, quay trái – Quay đằng sau  - Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học |  |  |
|  | **2-4** | **Đi đều – đứng lại, sửa chân khi sai nhịp** | | **4**  *(4-7)* | - Đi đều – đứng lại; quay sau  - Sửa chân khi sai nhịp  - Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học |  |  |
| **4-6** | **Đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, đứng lại** | | **4**  *(8-11)* | - Đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, đứng lại  - Sửa chân khi sai nhịp  - Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học | Bài 8,9,10,11:Nội dung đi đều vòng phải vòng trái, đứng lại, thay bằng đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, trái |  |
| **6-7** | **Ôn tập kiến thức chung ĐHĐN** | | **3**  (12-14) | - Tập hợp hàng dọc, hàng ngang, điểm số  - Quay các phía  - Đi đều – đứng lại, Sửa chân khi sai nhịp  - Đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, đứng lại  - Trò chơi vận động gắn với nội dung bài học | Bài12,13,14:Nội dung đi đều vòng phải vòng trái, đứng lại, thay bằng đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, trái |  |
| **8** | **Kiểm tra đánh giá** | | **1**  *(15)* | Các nội dung ĐHĐN đã học  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* | - Có thể không dạy quay sau. Đi đều vòng phải vòng trái, đứng lại, thay bằng đi thường theo nhịp chuyển hướng phải hướng trái, trái |  |
|  | **8** | **Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản**  **Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản** | | **Đi nhanh chuyển sang chạy.** | | **1**  *(16)* | - Đi nhanh chuyển sang chạy  - Trò chơi |  |  |
| **9** | **Đi chuyển hướng phải, hướng trái, Đi vượt chướng ngại vật thấp** | | **1**  *(17)* | - Đi vượt chướng ngại vật thấp  - Đi chuyển hướng phải trái  - Trò chơi |  |
| **9-10** | **Nhảy dây kiểu chụm hai chân** | | **3**  *(18-20)* | - Kỉ thuật so dây  - Kỉ thuật chao dây  - Kỉ thuật nhảy dây  - Trò chơi bổ trợ cho động tác nhảy dây |  |
| **11- 13** | **Nhảy dây kiểu chân trước chân sau** | | **5**  *(21-25)* | - Kỉ thuật so dây  - Kỉ thuật chao dây  - Kỉ thuật nhảy dây  - Trò chơi bổ trợ cho động tác nhảy dây |  |
| **13-14** | **Bật xa** | | **3**  *(26-28)* | - Tại chỗ bật xa  - Chạy đà bật xa  - Trò chơi |  |
| **15-17** | **Động tác phối hợp Chạy, nhảy và chạy (mang, vác)** | | **5**  *(29-33)* | - Chạy mang – vác  - Phối hợp chạy và bật nhảy  - Phối hợp chạy - nhảy – mang – vác  - Trò chơi bổ trợ cho các nội dung đã học |  |
| **17** | **Kiểm tra đánh giá** | | **1**  (34) | *Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản đã học*  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* |  |
|  | **18** | **Kiểm tra đánh giá** | | **1**  *(35)* | *Hệ thống các nội dung đã học ở HKI*  *(GV linh hoạt lựa chọn thời điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp)* |  |  |
|  | **18-19** | **Bài tập thể dục phát triển chung** | | **Động tác vươn thở, động tác tay** | | **2**  *(36-37)* | − Động tác vươn thở, Động tác tay  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |  |
| **19-20** | **Động tác chân, động tác Lưng Bụng** | | **2**  *(38-39)* | − Động tác chân, động tác lưng - bụng  − Phối hợp các động tác đã học  − Trò chơi vận động tăng cường thể lực |  |
| **20-21** | **Động tác phối hợp, động tác Thăng bằng** | | **2**  *(40-41)* | − Động tácPhối hợp, động tác Thăng bằng  − Phối hợp các động tác đã học  − Trò chơi bổ trợ khéo léo | - Bài 41,42: Ghép 2 bài thành 1 |
| **21-22** | **Động tác Nhảy, Điều hòa** | | **2**  *(42-43)* | − Động tác Nhảy, Điều hòa  − Phối hợp các động tác đã học  − Trò chơi bổ trợ khéo léo |  |
| **22-25** | **Ôn tập và hoàn thiện bài thể dục phát triển chung** | | ***6***  *(44-49)* | - Ôn tập các động tác bài thể dục với cờ hoặc hoa – Trò chơi  - Hoàn thện bài thể dục với cờ hoặc hoa và kết hợp với nhạc – Trò chơi | **-** Bài 48: Không dạy. |  |
| **25** | **Kiểm tra đánh giá** | | **1**  *(50)* | *Các động tác bài thể dục phát triển chung đã học( GV tự linh hoạt)* |
|  | **26-28** | **Thể thao tự chọn:**  **(Đá cầu)** | | **Tâng cầu bằng đùi và tâng cầu bằng mu bàn chân** | | **5**  *(51-55)* | - Tâng cầu bằng đùi  - Tâng cầu bằng mu bàn chân  - Trò chơi | -Bài 51,52:Không dạy TC “ Trao tín gậy”.  - Bài 54,55: Ghép 2 bài thành 1. |  |
| **28-30** | **Học đỡ cầu và chuyền cầu bằng mu bàn chân** | | **5**  *(56-60)* | - Đỡ cầu bằng đùi, ngực..  - Đỡ cầu bằng mu bàn chân  - Trò chơi | - Bài 57,58: Ghép 2 thành 1.  - Không dạy bài 59 |
| **31-34** | **Chuyền cầu theo nhóm 2, 3 người** | | **7**  *(61-67)* | - Kỉ thuật chuyền cầu bằng mu bàn chân  - Kỉ thuật đỡ cầu bằng mu bàn chân, đùi ngực, đầu...  - Trò chơi | -Bài65-66: Không dạy |
| **34** | **Kiểm tra đánh giá** | | **1**  (68) | Các kỉ thuật của nội dung đá cầu *( GV tự linh hoạt)* | - Bài 67,68: Ghép 2 bài thành 1 |
| **35** | **Kiểm tra đánh giá –(tổng kết năm học)** | | **2**  (69-70) | Hệ thống các nội dung đã được học trong chương trình GDTC lớp 4 đã được học  *( GV tự linh hoạt)* |  |
| **35** |  | | 70 |  |  |

**MÔN TIN HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Chương trình | Sách giáo khoa | | | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | **Thời gian thực hiện**  **năm học 2022- 2023** | Ghi chú |
| Tên chủ đề | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Tiết |
| 1 | **Chủ đề I:**  **Microsoft Word**  - Gõ được văn bản thành thạo;  - Định dạng được văn bản ở mức độ đơn giản như: canh lề, kiểu chữ, màu chữ, phông chữ;  - Định dạng và trang trí văn bản ở mức độ nâng cao: chèn tranh, ảnh, chữ nghệ thuật, kí tự đặt biệt, định dạng thụt lề đầu dòng, chia cột văn bản, chèn textbox, trang trí viền, định dạng trang giấy.  - Hiểu rõ cách in ấn trong soạn thảo. | Bài 1. Trở lại trường học | **-** Nhắc lại các công cụ về soạn thảo văn bản Word: gõ chữ tiếng Việt, canh lề, định dạng văn bản, chèn các đối tượng hình ảnh, kí tự đặt biệt, chữ nghệ thuật. | 2 |  | 05/09/22-09/09/22 | Tích hợp nâng cao NL tự chủ và tự học |
| 2 | Bài 2. Đánh thứ tự đầu dòng tự động | Lập được một danh sách hay danh mục được đánh thứ tự đầu dòng tự động hoặc đánh dấu đầu dòng tự động. | 2 |  | 12/09/22- 16/09/22 |  |
| 3 | Bài 3. Chia cột văn bản | Biết cách trình bày văn bản theo dạng cột, tạo được văn bản theo dạng cột. | 2 |  | 19/09/22 – 23/09/22 |  |
| 4 | Bài 4. Sử dụng hộp Textbox | Sử dụng được công cụ hộp thoại Textbox một cách linh hoạt, phối hợp với trình bày văn bản. | 2 |  | 26/09/22 – 30/09/22 | Tích hợp phát triển NL Thẩm mỹ |
| 5 | Bài 5. Trang giấy A4 của em | Biết cách định dạng trang giấy, lề giấy, trang trí khung viền để sử dụng. | 2 |  | 03/10/22 – 07/10/22 |  |
| 6 | Bài 6. Sử dụng bước dừng Tab | - Thiết lập được các bước dừng Tab theo ý muốn.  - Sử dụng bước dừng Tab để thiết lập điền tự động vào chỗ trống giữa hai bước dừng Tab. | 2 |  | 10/10/22 – 14/10/22 |  |
| 7 | Bài 7. Sử dụng bảng | - Hiểu cách sử dụng và tạo được bảng bằng công cụ Table, thực hiện được một số thao tác với bảng như: thêm hàng, thêm cột, xóa hàng, xóa cột, xóa ô, nối ô, xóa bảng. | 2 |  | 17/10/22 – 21/10/22 | Tích hợp phát triển NL Tính toán |
| 8 | Bài 8. Sử dụng tiêu đề đầu, cuối trang | - Hiểu được ý nghĩa đầu cuối trang.  -Tạo được tiêu đề đầu cuối trang, đánh số thứ tự trang | 2 |  | 24/10/22 – 28/10/22 |  |
| 9 | Bài 9. In văn bản | **-** Biết cách in văn bản với một số tùy chọn. | 2 |  | 31/10/22 – 02/11/22 |  |
| 10 | Bài 10. Thực hành giữa kì I | Cũng cố lại kiến thức sử dụng phần mềm Word | 2 |  | 07/11/22 – 11/11/22 |  |
| 11 | **Chủ đề II: Powerpoint**  - Soạn được bài trình chiếu mới,  trình bày trang trình chiếu đơn giản và lưu bài trình chiếu đã soạn vào thư mục máy tính;  -  Biết cách thay đổi bố cục của Trang trình chiếu,  chọn nền trang trình chiếu từ mẫu có sẵn;  - Biết cách chèn hình,  tranh ảnh.  thay đổi được vị trí của hình, tranh ảnh trong trang trình chiếu;  - Chèn được các thông tin: Tên tác giả, số thứ tự trang trình chiếu... vào trang trình chiếu;  -  Sử dụng bài trình chiếu đã  soạn để thuyết trình về chủ đề đã chọn. | Bài 11. Làm quen với Powerpoint | Làm quen và sử dụng một số chức năng cơ bản của phần mềm trình diễn Powerpoint. | 2 |  | 14/11/22 – 18/11/22 |  |
| 12 | Bài 12. Trang trí trang trình diễn | - Làm quen với các mẫu trang trí nền thiết kế sẵn cho Slide.  - Chọn được mẫu thiết kế và tạo được các mẫu trang trí tùy thích. | 2 |  | 21/11/22 – 25/11/22 | Tích hợp phát triển NL Thẩm mỹ |
| 13 | Bài 13. Các đối tượng trên trang trình diễn. | **-** Chèn thêm được các đối tượng vào trang trình diễn như: hình ảnh, chữ nghệ thuật  - Chỉnh sửa được hình ảnh và chữ nghệ thuật. | 2 |  | 28/11/22 – 02/12/22 |  |
| 14 | Bài 14. Hoạt hình chuyển trang | - Tạo được hiệu ứng chuyển trang từ Slide này sang Slide khác. | 2 |  | 05/12/22 – 09/12/22 |  |
| 15 | Bài 15. Hoạt hình đối tượng đơn giản | **-** Tạo được hiệu ứng xuất hiện và biến mất cho các đối tượng trong Slide. | 2 |  | 12/12/22 – 16/12/22 |  |
| 16 | Bài 16. Hoạt hình đối tượng nâng cao. | - Tạo được hiệu ứng nâng cao cho các đối tượng trong Slide: cho phép đối tượng di chuyển theo một tuyến đường theo ý muốn. | 1 |  | 19/12/22 – 23/12/22 | Tích hợp nâng cao PC chăm chỉ |
| Bài 17. Trình chiếu và in ấn. | - Sử dụng được chế độ trình chiếu .  - In bài trình diễn theo nhiều cach khác nhau. | 1 |  |  |  |
| 17 | Ôn Tập | | | 2 |  | 26/12/22 – 30/12/22 |  |
| 18 | Kiểm tra Cuối học kì I | | | 2 |  | 02/01/23 – 06/01/23 |  |
| 19 | **Chủ đề III:**  **Excel**  - Làm quen với phần mềm Excel (PM bảng tính).  - Định dạng được trang tính: canh lề dữ liệu, nối ô, tách ô, kẻ bảng tính, bố trí dữ liệu, màu chữ, kiểu chữ, phông chữ.  - Thực hiện được các phép tính đơn giản với PM bảng tính.  - Thao tác với bảng tính với các công thức đơn giản để tính toán.  - Chọn lọc và sắp sếp bảng tính theo yêu cầu. | Bài 19: Làm quen với Excel | **-** Tìm hiểu về một số công cụ trên PM Microsoft Excel.  - Thao tác cơ bản nhập dữ liệu bảng tính. | 2 |  | 16/01/23 – 20/01/23 |  |
| 20 | Bài 20: Canh lề dữ liệu Excel | **-** Có thể định dạng, kẻ bảng cho bảng tính.  - Biết một số thao tác và định dạng. | 2 |  | 30/01/23 – 03/02/23 |  |
| 21 | Bài 21: Các phép tính đơn giản | - Biết cách sử dụng Excel để thực hiện các phép tính đơn giản | 2 |  | 06/02/23 – 10/02/23 | Tích hợp phát triển NL Tính toán |
| 22 | Bài 22: Giá trị của dữ liệu trong ô Excel | - Biết về các quy ước dữ liệu của Excel, từ đó sử dugj định dạng phù hợp. | 2 |  | 13/02/23 – 17/02/23 |  |
| 23 | Bài 23: Các công thức đơn giản | **-** Hiểu được cách sử dụng một số công thức đơn giản mà Excel cung cấp sẵn để thực hiện tìm kiếm các giá trị cần thiết. | 2 |  | 20/02/23 – 24/02/23 |  |
| 24 | Bài 24: Sắp xếp bảng tính | - Hiểu được cách sắp xếp dữ liệu trong bảng tính để có thể dễ dàng tra cứu khi cần thiết. | 2 |  | 27/02/23 – 03/03/23 |  |
| 25 | Bài 25: Chọn lọc từ bảng tính | - Hiểu được cách lọc dữ liệu trong bảng tính để có thể dễ dàng thực hiện tìm kiếm các giá trị cần thiết. | 2 |  | 06/03/23 – 10/03/23 |  |
| 26 | Bài 26: Thực hành cơ bản | - Ôn tập và thực hành các kĩ năng cơ bản về bản tính Excel để vận dụng trong đời sống hằng ngày hoặc việc học xung quanh em. | 2 |  | 13/03/23 – 17/03/23 | Tích hợp nâng cao NL giải quyết và sáng tạo vấn đề |
| 27 | Bài 27. Thực hành tổng hợp | - Ôn tập và thực hành các kĩ năng cơ bản về bản tính Excel để tính toán, chọn lọc, sắp xếp dữ liệu cần thiết. | 2 |  | 20/03/23 – 24/03/23 |  |
| 28 | Bài 28: Thực hành giữa học kì II | - Ôn tập và thực hành các kĩ năng cơ bản về bản tính Excel | 2 |  | 27/03/23 – 31/03/23 | Tích hợp nâng cao PC chăm chỉ |
| 29 | **Chủ đề IV:**  **Học nhạc cùng Encore**  - Làm quen với phần mềm Encore.  - Tìm hiểu về các kí hiệu trên bảng nhạc: dấu luyến, dấu nối, dấu chấm dôi.  - Thao tác cơ bản với phần mềm: thay đổi hóa biểu, chỉnh sửa ô nhịp.  - Thực hiện một số thao tác chép nhạc trên máy tính. | Bài 29: Làm quen vơi Encore | **-** Biết được PM chép nhạc trên máy tính.  - Thực hiện được một số thao tác cơ bản để bắt đầu chép nhạc trên máy tính. | 2 |  | 03/04/23 – 07/04/23 |  |
| 30 | Bài 30: Dấu luyên, dấu nối. | **-** Thực hiện đươc các thao tác nối nốt, luyến nốt trên Encore | 2 |  | 10/04/23 – 14/04/23 | Tích hợp nâng cao NL giao tiếp và hợp tác |
| 31 | Bài 31: Thay đổi hóa biểu | **-**Thục hiện các thao tác hóa biểu cho bài nhạc. | 2 |  | 17/04/23 – 21/04/23 |  |
| 32 | Bài 32: Dấu chấm dôi | **-** Thực hiện được các thao tác chép dấu chấm dôi cho nốt nhạc | 2 |  | 24/04/23 – 28/04/23 |  |
| 33 | Bài 33. Chỉnh sửa ô nhịp | **-** Thực hiện các thao tác dòng kẻ nhạc trong khi chép nhạc. | 2 |  | 01/05/23 – 05/05/23 | Tích hợp nâng cao NL tự chủ và tự học |
| 34 | **Ôn tập** | | | 2 |  | 08/05/23 – 12/05/23 |  |
| 35 | **Kiểm tra cuối HK2** | | | 2 |  | 15/05/23 – 19/05/23 |  |

**MÔN TIẾNG ANH**

**Hoàng Văn Vân**

**2 tiết / tuần**

**\* Yêu cầu đạt được:**

**1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung:**

Hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

**2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù, năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu được các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.

- Nghe và trả lời được các câu hỏi rất đơn giản về các chủ điểm quen thuộc

- Nghe hiểu được các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 20–30 từ về các chủ điểm quen thuộc.

- Nói được các câu quen thuộc, đơn giản.

- Hỏi và trả lời được các câu hỏi rất đơn giản về bản thân và những người khác.

- Hỏi và trả lời được các câu hỏi thường dùng trong lớp học.

- Nói được về một số chủ điểm quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ đơn giản.

- Phát âm được những âm ghép.

- Đọc hiểu được nghĩa các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.

- Đọc hiểu được các câu ngắn, đơn giản.

- Đọc hiểu được các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 30 – 40 từ về các chủ điểm trong nội dung Chương trình.

- Viết được các từ, cụm từ đơn giản.

- Thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh.

- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học liên môn.

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TIẾNG ANH 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/**  **Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Tiết học/**  **thời**  **lượng** | **Yêu cầu cần đạt** | **Năm học**  **2022-2023** |
|  | **Me and My Friends** | UNIT 1. **Nice to see you again**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Greeting and responding to greetings formally  -Saying and responding to goodbye |  | Từ 5/9/2022  -9/9/2022  -Từ 12/9-  16/9/2022 | Develop the competence of language |
|  | UNIT 1. **Nice to see you again**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 2. **I’m from Japan**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering questions about where someone is from  - Asking and answering questions about one’s nationality |  | Từ 19/9-23/9/2022 | Increase the quality of humanity, honesty and responsibility |
|  | UNIT 2. **I’m from Japan**  Lesson 2  Lesson 3 | 2 /3  3/3 |
|  | UNIT 3. **What day is it today?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3 | - Asking and answering  questions about the days of the week  - Asking and answering questions about weekly activities |  | Từ 26/9-30/9/2022 | Increase the competence of communication and cooperation ability |
|  | UNIT 3. **What day is it today?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 4. **When’s your birthday?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering questions about dates  - Asking and answering questions about one’s bithday |  | Từ3/10-7/10/2022  Từ 10/10-14/10/2022 | Increase the quality of responsibilities; self-reliance and self-learning ability |
|  | UNIT 4. **When’s your birthday?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 5. **Can you swim?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering questions about what someone can/cannot do  - Asking and answering questions about whether someone can do something |  | Từ 17/10-21/10/2022 | Develop the competence of exploring the nature and society. |
|  | UNIT 5. **Can you swim?**  Lesson 3 | 3/3 |
|  | REVIEW 1 | 1/2 | - Review countries’s name, dates and abilities  - Listening, reading and identifying specific information or general ideas  - Introducing yourself about name, age , country ,school and abilities |  | Từ 24/10-28/10/2022  Từ 31/10-4/11/2022 |  |
|  | REVIEW 1 / TEST | 2/2 |
| **Me and My School** | UNIT 6. **Where’s your school?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering questions about where a school is.  - Asking and answering  questions about what class someone is in. |  | Từ 7/11-11/11/2022 | Increase the quality of humanity, honesty and responsibility |
|  | UNIT 6. **Where’s your school?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 7. **What do you like doing?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about what someone likes doing  - Asking and answering  questions about someone’s hobbies |  | Từ 14/11-  18/11/2022  Từ 21/11-  25/11/2022 | Increase the competence of communication and cooperation ability |
|  | UNIT 7. **What do you like doing?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 8. **What subjects do you have today?** Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering  questions about school subjects  - Asking and answering  questions about when someone has a subject |  | Từ 28/11-  2/12/2022 | Combine the quality of hard working and the competence of self-studying |
|  | UNIT 8. **What subjects do you have today?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 9. **What are they doing?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about what someone is doing  - Asking and answering  questions about what people are doing |  | Từ 5/12-  9/12/2022  Từ 12/12-  16/12/2022 | Develop the competence of exploring the nature and society |
|  | UNIT 9. **What are they doing?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 10. **Where were you yesterday?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering questions  about the where someone was in the past  - Asking and answering questions about what someone did in the past |  | Từ 19/12-  23/12/2022 | Increase the quality of responsibilities; self-reliance and self-learning ability |
|  | UNIT 10. **Where were you yesterday?**  Lesson 2    Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  |  | **REVIEW 2** | 1,2/2 | - Review about school place , subjects , activities  - Listening, reading and identifying specific information or general ideas |  | Từ 26/12-  30/12/2022  Từ 2/1-  6/1/2023 | Increase the quality of responsibilities; self-reliance and self-learning ability |
|  | **SEMESTER REVIEW** | 1/1 |
| **END-OF-TERM 2 TEST** | 1/1 |
|  | **Me and**  **My family** | UNIT 11. **What time is it?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering questions about time  -Asking and answering questions about daily routines |  | Từ 16/1-20/1  Từ 30/01- 03/02 | Combine the quality of hard working and the competence of self-studying |
|  | UNIT 11. **What time is it?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 12.  **What does your father do?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering questions about someone’s job  - Asking and answering questions about places to work |  | 06/02- 10/02 | Increase the quality of humanity, honesty and responsibility |
|  | UNIT 12. **What does your father do?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 13. **Would you like some milk?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about favourite food and drink.  - Offering someone food or drink and accepting/declining someone’s offer |  | 13/02- 17/02  20/02- 24/02 | Develop the competence of exploring the nature and society |
|  | UNIT 13.  **Would you like some milk?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 14. **What does he look like?** Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering  questions about someone’s physical appearance  - Making comparisons |  | 27/02- 03/03 | Develop the competence of language |
|  | UNIT 14. **What does he look like?** Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT15. **When’s Children’s Day?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about when a festival is  - Asking and answering  questions about what people do at a festival |  | 06/03- 10/03  13/03- 17/03 | Increase the quality of humanity, honesty and responsibility |
|  | UNIT 15. **When’s Children’s Day?**  Lesson 3 | 3/3 |
| **REVIEW 3** | 1/1 | - Review time, job, places to work , food and drink , physical appearing and festival |  |  | Increase the quality of responsibilities; self-reliance and self-learning ability |
|  | **Me and**  **the world around** | UNIT 16. **Let’s go to the bookshop**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Making and responding to suggestions to go somewhere  - Asking for and giving reasons for going somewhere |  | 20/03- 24/03  27/03- 31/03 | Develop the qualities of patriotism and the competence of exploring the nature and society. |
|  | UNIT 16. **Let’s go to the bookshop** Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 17. **How much is the T-shirt?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering  questions about prices of clothes ( singular)  - Asking and answering  questions about pricrs of clothes ( plural ) |  | 03/04-07/04 | Combine the ability to caculate |
|  | UNIT 17. **How much is the T-shirt?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 18. **What’s your phone number?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about phone numbers  - Accepting and declining an invitation |  | 10/04- 14/04  17/04- 21/04 | Develop the qualities of patriotism and the competence of exploring the nature and society. |
|  | UNIT 18. **What’s your phone number?**  Lesson 3 | 3/3 |
| UNIT 19. **What animal do you want to see?**  Lesson 1 | 1/3 | - Asking and answering  questions about someone’s desire  - Expressing reasons |  | 24/04- 28/04 | Increase the quality of humanity, honesty and responsibility |
|  | UNIT 19. **What animal do you want to see?**  Lesson 2  Lesson 3 | 2/3  3/3 |
|  | UNIT 20. **What are you going to do this summer?**  Lesson 1  Lesson 2 | 1/3  2/3 | - Asking and answering  questions about where someone plans to go  - Asking and answering  questions about what someone plans to go |  | 01/05- 05/05  08/05-12/05 | Develop the qualities of patriotism and the competence of exploring the nature and society. |
|  | UNIT 20. **What are you going to do this summer?**  Lesson 3 | 3/3 |
| **REVIEW 4** | 1/1 | - Review clothes , number, animals and places |  |  | Combine the quality of hard working and the competence of self-studying |
|  |  | **SEMESTER REVIEW** | 1/1 | - Review and test speaking  - Test the second term |  | 15/05- 19/05 |
| **END-OF-TERM 2 TEST** | 1/1 |